

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGUYỄN MINH TUẤN

**CHỨNG MINH TRONG GIAI ĐOẠN
ĐIỀU TRA TỘI GIẾT NGƯỜI
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Luật Hình Sự và Tố tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
GS.TS. VÕ KHÁNH VINH**

HÀ NỘI, năm 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu được trích dẫn theo nguồn đã công bố. Kết quả nêu trong luận văn này là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

Nguyễn Minh Tuấn

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ CHỨNG MINH TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA TỘI GIẾT NGƯỜI	5
1.1. Những vấn đề lý luận về chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người	5
1.2. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người.....	21
Kết luận Chương 1.....	38
CHƯƠNG 2. THỰC TIỄN CHỨNG MINH TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA TỘI GIẾT NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	39
2.1. Tổng quan kết quả khởi tố, điều tra các vụ án về tội giết người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.....	39
2.2. Thực tiễn thu thập chứng cứ trong giai đoạn điều tra các vụ án về tội giết người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.....	43
2.3. Thực tiễn đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra tội giết người	48
2.4. Nguyên nhân của những vi phạm, sai lầm trong chứng minh các vụ án về tội giết người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.....	49
Kết luận Chương 2.....	58
CHƯƠNG 3. CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHỨNG MINH TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA TỘI GIẾT NGƯỜI	59
3.1. Các yêu cầu nâng cao chất lượng chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người.....	59
3.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người.....	64
Kết luận Chương 3.....	78
KẾT LUẬN	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
CQĐT	Cơ quan điều tra
TA	Tòa án
TAND	Tòa án nhân dân
THTT	Tiến hành tố tụng
TNHS	Trách nhiệm hình sự
TTHS	Tố tụng hình sự
TP	Thành phố
TTHS	Tố tụng hình sự
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
VKSNDTC	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
VAHS	Vụ án hình sự
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1.	Số liệu khởi tố của lực lượng CSĐT Công an TP Đà Nẵng	39
2.2.	Số liệu khởi tố, truy tố, xét xử tội giết người (vụ/bị can, bị cáo)	40
2.3.	Cơ số tội giết người trên địa bàn TP Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2015	40
2.4.	Cơ cấu của tội giết người từ năm 2011 đến năm 2015 được tính toán trên cơ sở số dân cư các quận, huyện của TP Đà Nẵng	41
2.5.	Cơ cấu về mức độ tội giết người từ năm 2011 đến năm 2015 được tính toán trên cơ sở diện tích của 7 địa danh của TP Đà Nẵng	41
2.6.	Cơ cấu theo mức độ tình hình tội giết người từ năm 2011 đến năm 2015 ở 7 quận huyện của TP Đà Nẵng được xác định trên cơ sở kết hợp yếu tố dân cư và diện tích	42
2.7.	Cơ cấu của tội giết người tại TP Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2015 xét theo địa bàn xảy ra tội phạm	43
2.8.	Thống kê số án thụ lý, giải quyết về tội giết người của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 – 2015	45

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thực hiện đường lối chiến lược của Đảng: “Đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp”. Chúng ta đã mở cửa thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đến nay, sau 20 năm đổi mới, đất nước ta đã có những bước chuyển mình sâu sắc và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Sự ổn định và phát triển của kinh tế - xã hội đã đem đến cho đất nước ta một diện mạo mới. Đời sống vật chất của nhân dân từng bước được cải thiện rõ rệt, đời sống tinh thần không ngừng được nâng cao, trình độ dân trí được nâng lên một bước. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển tích cực của nền kinh tế thì tình hình tội phạm cũng có những diễn biến phức tạp cả về quy mô lẫn tính chất gây ra những hậu quả hết sức nghiêm trọng cho xã hội. Đặc biệt, bên cạnh những phương thức, thủ đoạn hoạt động cũ thì các tội phạm đã vận dụng những tri thức của mới để phục vụ cho những mục đích đen tối của chúng. Diễn biến phức tạp của hoạt động tội phạm đặt ra cho lực lượng Công an nhân dân nói chung và Cảnh sát nhân dân nói riêng những nhiệm vụ hết sức nặng nề trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Đà Nẵng là một thành phố trực thuộc Trung ương, có diện tích tự nhiên là 1.283,42 km²; trong đó, các quận nội thành chiếm diện tích 241,51 km², huyện ngoại thành chiếm diện tích 1.041,91 km²; có địa hình khá phức tạp gồm vùng đất liền và vùng quần đảo trên biển Đông. Vùng đất liền nằm ở 15⁰55' đến 16⁰14' vĩ độ Bắc, 107⁰18' đến 108⁰20' kinh độ Đông, Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên Huế, Tây và Nam giáp tỉnh Quảng Nam, Đông giáp biển Đông. Vùng biển gồm quần đảo Hoàng Sa nằm ở 15⁰45' đến 17⁰15' vĩ độ Bắc, 111⁰ đến 113⁰ kinh độ Đông, cách đảo Lý Sơn (thuộc tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam) khoảng 120 hải lý về phía Nam. Nằm trên trục giao thông Bắc – Nam về đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không, cách Thủ đô Hà Nội 764 km về phía Bắc, cách thành phố Hồ Chí Minh 964 km về phía Nam. Trong phạm vi khu vực và quốc tế, Đà Nẵng là một trong những cửa ngõ quan trọng ra biển của Tây Nguyên và các nước Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar đến các nước vùng

Đông Bắc Á thông qua Hành lang kinh tế Đông Tây với điểm kết thúc là Cảng biển Tiên Sa. Dân số của thành phố với hơn 1 triệu dân (tính đến năm 2015) gồm 32 dân tộc sinh sống; trong đó dân tộc Hoa chiếm tỉ lệ cao nhất 66,7%, tiếp đến là dân tộc Cotu chiếm 18,3%. Với điều kiện tự nhiên, xã hội như vậy, công tác quản lý trật tự về an ninh, xã hội của thành phố Đà Nẵng cũng gặp không ít khó khăn, tình hình tội phạm diễn biến phức tạp, tăng giảm thất thường. Cơ quan Công an của TP Đà Nẵng đã có nhiều cố gắng trong bảo vệ an ninh trật tự và đấu tranh kiềm chế sự gia tăng của tội phạm, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội; thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước trên địa bàn thành phố.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy tội phạm nói chung và tội phạm giết người nói riêng đã và đang là vấn đề rất bức xúc ở Đà Nẵng. Tội phạm giết người xảy ra trên địa bàn vẫn còn nhiều, tình hình tội phạm này vẫn rất đa dạng, phức tạp. Loại tội phạm này đã và đang gây ra nhiều tác động tiêu cực, ảnh hưởng lớn đến an ninh trật tự trên địa bàn thành phố. Trong khi đó, hoạt động điều tra tội phạm những đặc điểm riêng nên vẫn còn gặp không ít khó khăn, vướng mắc và thiếu sót cần phải được nghiên cứu, tổng kết để đưa ra một số kiến nghị nâng cao hiệu quả công tác tội phạm giết người, góp phần giữ vững an ninh, trật tự trên địa bàn. Vì vậy, việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng điều tra tội phạm giết người và qua đó đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả điều tra loại tội phạm này là một nhu cầu bức xúc. Nhận thức như vậy, tác giả đã chọn đề tài “*Chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*” làm luận văn thạc sỹ.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Khi chọn đề tài “Chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng”, tác giả đã tham khảo: BLHS năm 1999 và năm 2015; BLTTHS năm 2003 và năm 2015; Bình luận khoa học BLHS năm 1999 - Phân các tội phạm (2001), Nxb Chính trị quốc gia; Bình luận khoa học BLTTHS năm 2003 (2004), Nxb Chính trị quốc gia; Giáo trình Khoa học điều tra hình sự (2005), Trường Đại học Luật Hà Nội. Ngoài ra, còn có các công trình nghiên cứu khác như: Hoàng Công Huân (1997) “Tội giết người theo Luật hình sự Việt Nam và đấu tranh phòng chống tội

phạm giết người”, luận văn Thạc sỹ luật học; Đỗ Đức Hồng Hà (2004) “Một số đặc điểm tội phạm học của tội giết người”, tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 6; Nguyễn Thùy Linh (2005) “Đấu tranh phòng chống tội giết người ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”, khóa luận tốt nghiệp; Nguyễn Quang Minh (2014) “Tội giết người tại thành phố Đà Nẵng, tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Hà Nội; Đỗ Đức Hồng Hà (2007) “Tội giết người trong Luật hình sự Việt Nam và đấu tranh phòng chống loại tội phạm này”, luận văn Tiến sỹ luật học; Võ Khánh Vinh (2013) “Lý luận chung về định tội danh”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Những công trình nghiên cứu nêu trên rất có giá trị để tham khảo và kế thừa khi thực hiện đề tài “*Chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*”.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người trên địa bàn TP Đà Nẵng, chỉ ra những hạn chế, bất cập trong hoạt động này và từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội phạm nói chung và tội phạm giết người nói riêng trên địa bàn TP Đà Nẵng trong thời gian đến.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, đề tài tập trung những nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người.
- Phân tích, đánh giá thực trạng chứng minh điều tra tội giết người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
- Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra tội giết người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong thời gian đến.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu: Là những vấn đề lý luận và thực tiễn của hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

4.2. *Phạm vi nghiên cứu:* Luận văn nghiên cứu trong phạm vi không gian trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. *Phương pháp luận:* Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh phòng và chống tội phạm, quan điểm và đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về chính sách hình sự.

5.2. *Phương pháp nghiên cứu:* Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận văn đã có sự kết hợp nhiều phương pháp khác nhau, như khảo sát thực tiễn, thống kê, phân tích tổng hợp, so sánh, phương pháp điều tra xã hội học, ...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. *Ý nghĩa lý luận:* Luận văn thạc sĩ là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu một cách toàn diện có hệ thống dưới góc độ pháp luật TTHS về chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người trên địa bàn TP Đà Nẵng, luận văn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo trong quá trình học tập và nghiên cứu của học viên, làm phong phú thêm lý luận khoa học luật hình sự về chứng minh điều tra tội phạm giết người.

6.2. *Ý nghĩa thực tiễn:* Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội phạm nói chung và tội phạm giết người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nói riêng.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được cơ cấu thành 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người

Chương 2: Thực tiễn chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Chương 3: Các yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ CHỨNG MINH TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA TỘI GIẾT NGƯỜI

1.1. Những vấn đề lý luận về chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người

1.1.1. Khái niệm, mục đích, ý nghĩa chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người

Điều tra vụ án hình sự là hoạt động của cơ quan điều tra căn cứ vào các quy định của pháp luật TTHS và dưới sự kiểm sát của Viện kiểm sát tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm thu thập và củng cố các chứng cứ, nghiên cứu các tình tiết của VAHS, phát hiện nhanh chóng và đầy đủ tội phạm cũng như người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm để truy cứu TNHS. Đồng thời, bảo đảm cho việc bồi thường thiệt hại về vật chất do tội phạm gây nên và trên cơ sở đó quyết định: Đình chỉ điều tra VAHS hoặc chuyển toàn bộ các tài liệu của vụ án đó cho Viện kiểm sát kèm theo kết luận điều tra và đề nghị truy tố bị can. Giai đoạn điều tra có chức năng thực hiện các nhiệm vụ cụ thể nhằm áp dụng các biện pháp cần thiết do luật định để chứng minh việc thực hiện tội phạm và người phạm tội, xác định rõ những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, đồng thời kiến nghị các cơ quan, tổ chức có liên quan áp dụng đầy đủ các biện pháp khắc phục và phòng ngừa tội phạm. Thời điểm của giai đoạn này được bắt đầu từ khi cơ quan (người) tiến hành TTHS có thẩm quyền ra quyết định khởi tố VAHS và kết thúc bằng bản kết luận điều tra, quyết định của Cơ quan điều tra về việc đề nghị Viện kiểm sát truy tố bị can trước Tòa án hoặc đình chỉ VAHS tương ứng.

Lý luận Mác - Lênin về nhận thức đã chỉ rõ con người có thể nhận thức được sự thật khách quan từ cảm tính đến lý tính, từ những hiện tượng cá biệt đến cái chung, trừu tượng thông qua những giả thiết, khả năng đánh giá, đối chiếu, tổng quan. Hoạt động chứng minh là một trong những hoạt động thực tiễn của con người và có mặt trong nhiều lĩnh vực cụ thể. Theo Từ điển Tiếng Việt thông dụng, hoạt động là “*làm những việc khác nhau với mục đích nhất định trong xã hội*” [61, tr.475]; chứng minh là “*dùng lý lẽ, suy luận, bằng cứ để chỉ rõ điều gì đó là đúng hay không đúng*” [61,

tr.256]. Như vậy, có thể hiểu hoạt động chứng minh là hoạt động nhận thức, tư duy hay thực tiễn của con người với mục đích nhất định, xác định sự tồn tại hay không tồn tại hoặc xác định đúng, sai của một sự vật, sự việc, hiện tượng trên cơ sở những chứng cứ, cơ sở cụ thể. Chứng minh trong hoạt động TTHS là một dạng của hoạt động chứng minh nói chung: “*Chứng minh tội phạm là thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ để xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội*” [49, tr.161]. Chứng minh tội phạm là công việc phức tạp, đó là việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ nhằm xác định sự thật của vụ án. Để giải quyết đúng đắn một VAHS, các cơ quan (người) tiến hành TTHS có trách nhiệm áp dụng mọi biện pháp để chứng minh sự thật của vụ án. Những vụ án xảy ra luôn để lại những dấu vết trong thế giới khách quan, được con người và môi trường vật chất phản ánh lại. Quá trình chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người thực chất là quá trình con người nhận thức về sự kiện phạm tội đã xảy ra thông qua việc thu thập, kiểm tra, đánh giá những thông tin về vụ án, về tội giết người. Quá trình chứng minh là quá trình xác định sự thật khách quan đối với vụ án, là quá trình nhận thức đi từ cái chưa biết đến biết, một quá trình tuân theo các quy luật của phép biện chứng duy vật. Quá trình này là một quá trình nhận thức chân lý, một quá trình phản ánh biện chứng các sự vật và hiện tượng của thế giới vật chất vào trong ý thức con người, trên cơ sở thực tiễn.

Trong khoa học pháp lý đang tồn tại khá nhiều quan điểm khác nhau xung quanh khái niệm chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người. Xét về bản chất, quá trình này tuân thủ các quy luật chung của quá trình nhận thức khách quan theo quan điểm Mác-xít. Theo tác giả, khái niệm chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người phải đảm bảo đầy đủ các yếu tố của quá trình chứng minh như chủ thể chứng minh, đối tượng chứng minh, phương tiện chứng minh và cơ sở pháp lý để tiến hành các hoạt động chứng minh. Từ đó, quá trình chứng minh trong TTHS có thể hiểu là “*Quá trình tư duy và thực tiễn của cơ quan điều tra và những người có quyền chứng minh dựa trên cơ sở những quy định của pháp luật TTHS để thu thập, kiểm tra và đánh giá các thông tin, tài liệu cần thiết nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án đảm bảo cho việc giải quyết đúng đắn, khách quan vụ án*” [50, tr.183]. Quá trình chứng minh trong một VAHS là một quá trình nhận thức khách quan, được thực hiện bằng

các hoạt động trong giai đoạn điều tra. Các hoạt động này đều thực hiện dưới hình thức tổ tụng hình sự khác nhau, được quy định trong các văn bản pháp luật khác nhau như: Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự, Luật tổ chức VKSND, Luật Tổ chức TAND. Thực chất và mục đích của quá trình chứng minh trong giai đoạn điều tra, của cơ quan điều tra, của điều tra viên là thu thập, sử dụng chứng cứ làm phương tiện để xác định rõ có dấu hiệu tội phạm hay không? Nếu có thì ai thực hiện tội phạm, trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự của người đó trước pháp luật.

Quá trình chứng minh trong giai đoạn điều tra bắt đầu từ khi có dấu hiệu tội phạm, hoạt động điều tra với tính chất là một giai đoạn TTHS do CQĐT tiến hành và bao gồm các hành vi tổ tụng đặc trưng như: Khởi tố bị can và hỏi cung bị can; Bắt tạm giam bị can, khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản; Lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Đối chất và nhận dạng... nhằm làm rõ đối tượng chứng minh trong giai đoạn điều tra. Tất cả những hành vi tổ tụng cụ thể đó nhằm đến một mục đích cuối cùng và cao nhất đó là chứng minh sự thật khách quan của vụ án. Hoạt động này cần được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục do BLTTHS hiện hành quy định và tuân thủ một số nguyên tắc nhất định: Nguyên tắc đảm bảo pháp chế; Nguyên tắc không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án; Nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của người bị tạm giam, bị can, bị cáo; Nguyên tắc đảm bảo tính vô tư của người tiến hành hoặc người tham gia tổ tụng...

Trên cơ sở những quy định của pháp luật TTHS và các văn bản pháp luật khác về điều tra, truy tố, xét xử và thực tiễn xét xử có thể hiện: Quá trình chứng minh trong giai đoạn điều tra là quá trình mà các cơ quan THTT, người THTT thực hiện hoạt động nhận thức chân lý về điều tra tội phạm.

Quá trình chứng minh chủ yếu thể hiện ở giai đoạn điều tra, trong đó cơ quan điều tra áp dụng mọi biện pháp để thu thập chứng cứ, đánh giá và sử dụng chứng cứ nhằm xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ. Mục đích chung của hoạt động chứng minh là xác định sự thật khách quan của vụ án. Điều tra là giai đoạn TTHS, trong đó cơ quan có thẩm quyền áp dụng mọi biện pháp do BLTTHS

quy định để xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án [50, tr.263]. Với tính chất của giai đoạn điều tra vụ án làm cho hoạt động chứng minh trong giai đoạn này có những điểm khác biệt so với hoạt động chứng minh trong các giai đoạn tố tụng khác. Vì thế, giai đoạn điều tra vụ án là giai đoạn không thể thiếu trong quá trình giải quyết vụ án, không có giai đoạn nào thay thế được. Hoạt động điều tra là hoạt động cần thiết đối với tất cả các vụ án. Theo Từ điển Luật học, “*Điều tra là công tác trong tố tụng hình sự được tiến hành nhằm xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ*” [49]. Là một yếu tố của quá trình chứng minh, hoạt động điều tra được xem như là một hoạt động nhận thức nếu nhìn từ góc độ của lý luận phản ánh. Trước hết, tội phạm được phản ánh vào môi trường xung quanh thông qua các dấu vết, hình ảnh của nó để lại trên các đối tượng vật chất, trong trí nhớ của những người tham gia tố tụng trong tương lai.

Chứng minh trong giai đoạn điều tra vụ án là quá trình chứng bắt đầu từ khi vụ án được khởi tố và kết thúc khi cơ quan có thẩm quyền có bản kết luận điều tra về vụ án, thể hiện sự đánh giá, kết luận mang tính pháp lý đầu tiên về sự thật khách quan của vụ án. Giai đoạn này là giai đoạn khởi đầu của quá trình chứng minh làm tiền đề cho các giai đoạn tiếp theo. Trong giai đoạn này, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có quyền sử dụng các biện pháp điều tra, các nguồn chứng cứ khác nhau để chứng minh. Để điều tra vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên phải đưa nhiều giả thiết khác nhau và mỗi giả thiết đều phải được chứng minh để loại trừ hay xác định để đưa đến kết luận về vụ án. Để chứng minh, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát phải sử dụng mọi chứng cứ thu thập được trong vụ án, không loại trừ chứng cứ nào để chứng minh cho các giả thiết điều tra đặt ra.

Cũng như các giai đoạn khác của quá trình TTHS, hoạt động chứng minh ở giai đoạn điều tra được hiểu là hoạt động nhận thức về sự kiện phạm tội đã xảy ra trong quá khứ thông qua việc nghiên cứu những thông tin về sự kiện đó được để lại trong thế giới vật chất và ý thức của những người biết về sự kiện đó. Chính từ giai đoạn chứng minh này, giá trị chứng minh các thông tin được khẳng định là cơ sở cho việc giải quyết vụ án được hình thành, đầy đủ. Giai đoạn điều tra là giai đoạn mở đầu của quá trình TTHS. Vì vậy, hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra có vị trí và vai

trò quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của Viện kiểm sát và Tòa án ở các giai đoạn tiếp theo là truy tố, xét xử. Hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra ở các cấp góp phần rất quan trọng trong cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm. Đây cũng là tiền đề tạo điều kiện thuận lợi cho Viện kiểm sát và Tòa án ở nước ta hàng năm xử lý một số lượng rất lớn các vụ án đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với tội giết người có thể được khái niệm như sau: Hành vi giết người là một hành vi vi phạm pháp luật đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trực tiếp đến tính mạng người khác bị xã hội kịch liệt lên án. Theo Điều 123 BLHS năm 2015, tội giết người được quy định như sau:

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

- a) Giết 02 người trở lên;
- b) Giết người dưới 16 tuổi;
- c) Giết phụ nữ mà biết là có thai;
- d) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;
- đ) Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình;
- e) Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;
- g) Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác;
- h) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;
- i) Thực hiện tội phạm một cách man rợ;
- k) Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp;
- l) Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người;
- m) Thuê giết người hoặc giết người thuê;
- n) Có tính chất côn đồ;
- o) Có tổ chức;
- p) Tái phạm nguy hiểm;
- q) Vi động cơ đê hèn.

2. Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.

Như vậy chúng ta có thể hiểu “Giết người” được hiểu là hành vi làm chết người khác một cách cố ý và trái pháp luật.

Các yếu tố cấu thành tội giết người bao gồm: Mặt khách quan, khách thể, mặt chủ quan, chủ thể.

** Mặt khách quan của tội này có các dấu hiệu sau đây:*

a) *Có hành vi làm chết người khác:* Được thể hiện qua hành vi dùng mọi thủ đoạn nhằm làm cho người khác chấm dứt cuộc sống. Tuy nhiên cần phân biệt:

- Nếu làm chết chính bản thân mình thì bị coi là tự tử hoặc tự sát chứ không cấu thành tội này.

- Nếu vì vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng mà làm chết người khác thì cấu thành tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng

- Hành vi làm chết người được thực hiện thông qua các hình thức sau:

+ Hành động: Thể hiện qua việc người phạm tội đã chủ động thực hiện các hành vi mà pháp luật không cho phép như: dùng dao đâm, dùng súng bắn, dùng cây đánh ... nhằm giết người khác.

+ Không hành động: Thể hiện qua việc người phạm tội đã không thực hiện nghĩa vụ phải làm (phải hành động) để đảm bảo sự an toàn tính mạng của người khác... nhằm giết người khác. Thông thường tội phạm được thực hiện trong trường hợp (bằng cách) lợi dụng nghề nghiệp

- Có hoặc không sử dụng vũ khí, hung khí khác, cụ thể là:

+ Không sử dụng vũ khí hoặc hung khí: Trường hợp này người phạm tội chủ yếu sử dụng sức mạnh cơ thể của mình tác động lên cơ thể của nạn nhân hoặc đẩy nạn nhân vào điều kiện không thể sống được như đuối, đá, bóp cổ... hoặc dùng các thủ đoạn khác như đẩy xuống sông ...

+ Có sử dụng vũ khí, hung khí hoặc các tác nhân gây chết người khác. Trường hợp này người phạm tội có sử dụng các công cụ phạm tội như: Súng, lựu đạn, bom, mìn, dao, búa, gậy gộc, ... hoặc các tác nhân gây chết khác như thuốc độc, điện ...

- Hành vi giết người được thể hiện dưới hình thức dùng vũ lực hoặc không dùng vũ lực, cụ thể là:

+ Dùng vũ lực: Được hiểu là trường hợp người phạm tội đã sử dụng sức mạnh vật chất (có hoặc không có công cụ, phương tiện phạm tội) tác động lên thân thể nạn nhân. Việc dùng vũ lực có thể được thể hiện bằng các hình thức sau:

*Thực hiện trực tiếp như dùng tay, chân để đánh đá, bóp cổ, ...

*Thực hiện gián tiếp thông qua phương tiện vật chất (có công cụ, phương tiện phạm tội) như: Dùng dao để đâm, chém, dùng súng bắn, ...

+ Không dùng vũ lực: Nghĩa là dùng các thủ đoạn khác mà không sử dụng sức mạnh vật chất để tác động lên cơ thể nạn nhân như: Dùng thuốc độc để đầu độc nạn nhân, gài bẫy điện để nạn nhân vướng vào...

b) Về hậu quả: Các hành vi nêu trên thông thường gây hậu quả trực tiếp là làm người khác chết (tức là chấm dứt sự sống của người khác). Tuy nhiên chỉ cần hành vi mà người phạm tội đã thực hiện có mục đích làm chấm dứt sự sống của người khác (hay làm cho người khác chết) thì được coi là cấu thành tội giết người cho dù hậu quả chết người có xảy ra hay không. Tuy nhiên một số trường hợp việc dùng vũ lực không gây ra hậu quả trực tiếp làm nạn nhân chết mà chỉ có tác dụng đẩy nạn nhân vào tình trạng nguy hiểm đến tính mạng và tử vong (như xô nạn nhân xuống sông và bỏ mặc cho đến chết hoặc đập nạn nhân ra ngoài đường đang có nhiều xe ô tô chạy dẫn đến bị xe cán chết ...) theo chúng tôi vẫn phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội giết người nếu chứng minh được người thực hiện hành vi đó có mục đích giết người. Đây có thể xem là hậu quả gián tiếp.

* *Khách thể:* Hành vi nêu trên đã xâm phạm đến tính mạng của người khác (quyền được bảo vệ về tính mạng). Khách thể của tội giết người là quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng của con người (đang sống). Cần chú ý: Thai nhi không được xem là một con người đang sống cho đến khi được sinh ra và còn sống, cho nên việc "giết" một bào thai không được xem là hành vi giết người mà chỉ được xem là hành vi cố ý gây thương tích hoặc là tình tiết tăng nặng trong trường hợp giết người là phụ nữ mà biết là người đó đang mang thai.

* *Mặt chủ quan:* Người phạm tội đã thực hiện tội phạm này với lỗi cố ý (được

thể hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp). Mặc dù giết người không phải là dấu hiệu cấu thành bắt buộc nhưng trong một số trường hợp vẫn được xem xét như một dấu hiệu bắt buộc của mặt chủ quan để làm căn cứ phân biệt với một số trường hợp sau:

- Gây thương tích dẫn đến giết người. Trong trường hợp này người phạm tội không có mục đích giết người.

- Nạn nhân bị tấn công bằng các hoá chất có độc tính mạnh (như axit, thuốc chuột) hoặc bằng các hung khí nguy hiểm (như dao nhọn, lưỡi lê, ...) vào các vị trí hiểm yếu trên cơ thể nhưng chỉ bị thương tích hoặc bị tổn hại sức khoẻ (không chết) hoặc không bị thương tích, trường hợp này cần xác định mục đích tấn công là gì, nếu có mục đích nhằm giết người khác thì phải bị truy cứu TNHS về tội giết người nhưng thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Tuy nhiên nếu không có mục đích giết người thì họ chỉ phải chịu TNHS về tội cố ý gây thương tích (nếu có).

- Nạn nhân bị vướng bẫy điện dẫn đến tử vong. Trường hợp này cần phân biệt là: nếu dùng bẫy điện với mục đích để chống trộm (tức đối tượng bị tác động được nhắm tới là con người) thì phải chịu TNHS về tội giết người; nếu dùng bẫy điện với mục đích là để diệt chuột (tức là đối tượng bị tác động nhắm tới không phải là con người thì không phải chịu TNHS về tội giết người mà có thể bị truy cứu TNHS về tội vô ý làm chết người.

* Chủ thể của tội giết người là chủ thể thường, nghĩa là những người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật định đều có khả năng trở thành chủ thể của tội giết người. Theo quy định của Bộ luật hình sự, thì người từ đủ 14 tuổi trở lên có năng lực TNHS về tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng. Từ 16 tuổi trở lên: Chịu TNHS về mọi tội phạm.

Trên thực tế, tội giết người có những biểu hiện gần giống với tội phạm khác có yếu tố dùng vũ lực gây thương tích hoặc gây chết người. Do đó, cần có sự phân biệt.

- Phân biệt giữa tội giết người ở giai đoạn phạm tội chưa đạt (hậu quả chết người chưa xảy ra nằm ngoài ý muốn của người phạm tội) với tội cố ý gây thương tích cho người khác nhưng dẫn đến hậu quả chết người. Hai trường hợp phạm tội này có điểm giống nhau là cùng gây thương tích cho người khác. Điểm khác nhau cơ bản là

trong trường hợp phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác là người phạm tội chỉ mong muốn hoặc bỏ mặc cho hậu quả gây thương tích xảy ra. Còn trường hợp phạm tội giết người chưa đạt là người phạm tội mong muốn hậu quả xảy ra, hậu quả chết người không xảy ra là ngoài ý muốn của họ.

- Phân biệt giữa tội giết người đã hoàn thành (hậu quả chết người đã xảy ra) với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại của người khác dẫn đến chết người.

Hai trường hợp trên có điểm giống nhau là cùng gây ra hậu quả chết người. Điểm khác nhau giữa chúng là đối với hành vi cố ý gây thương tích dẫn đến chết người, người phạm tội chỉ mong muốn hậu quả thương tích xảy ra chứ không mong muốn làm chết người và cũng không có ý thức bỏ mặc hậu quả chết người xảy ra. Còn đối với tội giết người, người phạm tội biết rõ hành vi của mình là tước đoạt mạng sống của người khác một cách trái pháp luật và hậu quả chết người xảy ra. Điểm khác nhau về ý thức chủ quan nêu trên được xác định qua các tình tiết biểu hiện ra bên ngoài như phương pháp, phương tiện thực hiện tội phạm, vị trí tác động, trình độ nhận thức, tính cách, mối quan hệ giữa người phạm tội với người bị hại... Thực tiễn, phải định tội giết người nếu trong khi hành động, người phạm tội có những hành động cố ý, và hành động có khả năng làm chết người như dùng vật nhọn, sắc, cứng, chém hoặc đâm, đánh mạnh vào những chỗ hiểm yếu trên cơ thể nạn nhân như đầu, ngực, bụng, ... hoặc cố ý đánh cho nạn nhân thương tích nặng để rồi sau đó bệnh chết.

- Hành vi phá thai không gọi là giết người. Nếu giết phụ nữ biết là có thai thì không phải là giết nhiều người mà là tình tiết định khung tăng nặng.

- Người bị giết trước khi đó phải là con người tự nhiên, sinh học, còn sống. Nếu “giết” một người đã chết hoặc người máy thì hành vi đó không phải là hành vi phạm tội giết người, vì tội giết người là tội xâm phạm đến tính mạng của con người. Tuy nhiên, nếu tưởng nhầm xác chết là người đang còn sống (người phạm tội sai lầm về đối tượng mà có hành vi phạm tội giết người thì vẫn coi là phạm tội. Trong trường hợp nạn nhân dù sắp chết mà có hành vi giết họ thì cũng coi là phạm tội giết người)

Từ những phân tích trên, có thể rút ra khái niệm về hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người như sau: *“Hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người là hoạt động của những chủ thể tiến hành tố tụng ở giai*

đoạn điều tra được pháp luật quy định để thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ nhằm làm sáng tỏ sự thật của hành vi phạm tội một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, đảm bảo cơ sở cần thiết cho việc ban hành các quyết định tố tụng phù hợp góp phần giải quyết đúng đắn vụ án hình sự theo trình tự, thủ tục của pháp luật tố tụng hình sự, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật”.

Khái niệm này đã chỉ ra những đặc điểm thuộc về bản chất của hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra vụ án nói chung, tội giết người nói riêng như chủ thể chứng minh, phương tiện chứng minh, thủ tục chứng minh, mục đích chứng minh và các nội dung của hoạt động chứng minh.

** Ý nghĩa của hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người*

Trong quá trình giải quyết các VAHS, các hành vi tố tụng được thực hiện ở giai đoạn điều tra chiếm số lượng khá lớn. Vì vậy, trách nhiệm chứng minh tội phạm ở mức độ không nhỏ được pháp luật giao cho các cơ quan có thẩm quyền thực hiện, đặc biệt là CQĐT. Do đó, hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người có những ý nghĩa sau:

Thứ nhất, việc thực hiện tốt hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người góp phần đáp ứng những đòi hỏi của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay. Hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người là tiền đề, nền tảng cho giai đoạn chứng minh trong các giai đoạn tiếp theo của vụ án, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết được đúng người, đúng tội, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm. Nếu việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn này chưa đầy đủ, toàn diện, đưa ra các kết luận không chính xác cho vụ án sẽ dẫn đến sai lầm của các giai đoạn tiếp theo, để lọt tội phạm, cũng như làm oan người vô tội dẫn đến mất niềm tin trong nhân dân dành cho các cơ quan THTT, Nhà nước, xã hội. Từ đó, hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người góp phần đảm bảo pháp chế XHCN, đảm bảo các quyền con người và quyền công dân, góp phần bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân, làm rõ sự thật khách quan. Bởi hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra có hiệu quả sẽ giúp Viện kiểm sát, Tòa án sau này giải quyết đúng đắn vụ án, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm, qua đó trừng trị thích đáng người phạm tội, khôi phục những quyền và lợi

ích hợp pháp, sức khỏe, tính mạng của con người đã bị hành vi phạm tội xâm phạm, góp phần giữ vững trật tự, an toàn xã hội.

Hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người thực hiện tốt là điều kiện quan trọng đảm bảo cho vụ án được giải quyết đúng pháp luật, người đã thực hiện hành vi phạm tội bị xử phạt nghiêm minh. Từ đó, thúc đẩy người dân xử sự phù hợp với quy định của pháp luật, đòi hỏi pháp chế XHCN. Mục đích của quá trình chứng minh nói chung, hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra nói riêng nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án, không nằm ngoài mục đích xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN theo đúng bản chất là đấu tranh phát hiện mọi tội phạm, không làm oan sai người vô tội. Vì vậy, thực hiện tốt hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người góp phần đáp ứng những đòi hỏi của Nhà nước pháp quyền XHCN, thực hiện được ý chí của Đảng và Nhà nước trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Thứ hai, hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người thực hiện tốt sẽ đảm bảo cho các quyết định của cơ quan điều tra được chính xác, khách quan, không làm oan người vô tội, người bị thiệt hại về sức khỏe, tính mạng do hành vi phạm tội gây ra được bồi thường thỏa đáng, được bảo vệ theo quy định của pháp luật... Đó là biểu hiện của công bằng xã hội. Trong giai đoạn này, những người tham gia tố tụng và mọi cá nhân, tổ chức đều có quyền tham gia, cung cấp thông tin, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án. Hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người được thực hiện tốt đảm bảo người có tội phải bị trừng trị thích đáng và người vô tội được minh oan, sẽ giúp củng cố lòng tin từ người dân vào sự công bằng của pháp luật. Hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người giúp việc giải quyết vụ án một cách nhanh chóng, chính xác, áp dụng biện pháp ngăn chặn tương ứng với hành vi phạm tội của bị can, qua đó ngăn chặn khả năng tiếp tục phạm tội của người phạm tội, giáo dục bị can và những người khác trong xã hội nâng cao ý thức đấu tranh phòng chống tội phạm, hoạt động chứng minh cũng giúp làm sáng tỏ nguyên nhân của tội phạm và các điều kiện thúc đẩy tội phạm phát sinh để qua đó đề xuất các biện pháp phòng ngừa tội phạm có hiệu quả.

Thứ ba, dựa trên kết quả thu được của hoạt động chứng minh trong giai đoạn

điều tra tội giết người, các chủ thể THPT đưa ra các quyết định tố tụng nhằm giải quyết vụ án và đưa ra các kiến nghị chính xác nhằm chống và phòng ngừa tội phạm kịp thời. Các quyết định tố tụng của CQĐT đều dựa trên kết quả thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ một cách cẩn trọng, kỹ lưỡng các chứng cứ. Hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người được thực hiện đúng hướng, chi tiết, chính xác, đầy đủ và toàn diện các tình tiết của vụ án mới giúp CQĐT đưa ra các quyết định tố tụng chính xác, mang tính giá trị pháp lý cao, hạn chế tối đa những sai sót có thể xảy ra [18]. Hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người cũng giúp các chủ thể chứng minh có thể phát hiện ra những tình tiết thuộc về nguyên nhân và điều kiện phạm tội. Vì vậy, hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra là căn cứ để chủ thể THPT đưa ra những kiến nghị phòng ngừa tội phạm.

1.1.2. Những vấn đề cần phải chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người

Những vấn đề phải chứng minh trong giai đoạn điều tra được quy định tại Điều 85 BLTTHS năm 2015 như sau:

“Khi điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chứng minh:

- 1. Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội;*
- 2. Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội;*
- 3. Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo;*
- 4. Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra;*
- 5. Nguyên nhân và điều kiện phạm tội;*
- 6. Những tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt” [31].*

1.1.3. Nội dung của chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người

Trong lý luận và thực tiễn TTHS, quá trình chứng minh nói chung, hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người nói riêng được hợp thành bởi các

hoạt động thu thập chứng cứ, kiểm tra chứng cứ, đánh giá chứng cứ.

- Vấn đề thu thập chứng cứ

Thu thập chứng cứ là hoạt động đầu tiên, có ý nghĩa quan trọng đối với toàn bộ quá trình chứng minh tội phạm, cũng như trong giai đoạn điều tra. Việc thu thập chứng cứ được pháp luật TTHS quy định được hiểu là thu thập nguồn chứng cứ hoặc thu thập ngay chính chứng cứ.

“Thu thập chứng cứ là việc cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp và phương pháp theo quy định của pháp luật để phát hiện, ghi nhận, thu giữ và bảo quản các thông tin, tài liệu, đồ vật có liên quan đến vụ án phục vụ cho việc giải quyết vụ án” [52]. Kết quả của giai đoạn này có ảnh hưởng lớn đến chất lượng công tác giải quyết vụ án. Số lượng, chất lượng của các chứng cứ được thu thập sẽ tạo điều kiện thuận lợi hoặc ngược lại, gây khó khăn cho việc điều tra vụ án và toàn bộ quá trình giải quyết vụ án trong thực tiễn. Các CQĐT, VKS cần phải tập trung, chú trọng đến giai đoạn này. Để chứng minh, CQĐT, VKS phải thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ. Đặc biệt, trong giai đoạn điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên tập trung nhiều hơn cho việc thu thập chứng cứ. Thiếu các chứng cứ quan trọng trong giai đoạn điều tra là một trong những căn cứ để Viện kiểm sát, Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Vì vậy, muốn dựng lại bức tranh đầy đủ, toàn diện, chính xác về tội phạm đã xảy ra để giải quyết vụ án thì các chủ thể THTT phải tiến hành hoạt động chứng minh nhằm thu thập các thông tin, các sự kiện tồn tại trong thế giới khách quan nhằm phản ánh chân lý khách quan của vụ án. Do đó, sau khi có quyết định khởi tố vụ án, hoạt động trước tiên để chứng minh trong vụ án là thu thập chứng cứ. Xét về nội dung, giai đoạn thu thập chứng cứ bao gồm các hoạt động phát hiện, ghi nhận, thu giữ và bảo quản chứng cứ.

Phát hiện chứng cứ là tìm ra sự vật, hiện tượng, dấu vết, tài liệu đang tồn tại trong thế giới vật chất, lưu giữ những thông tin về vụ án hay tìm ra nguồn chứng cứ lưu giữ thông tin về vụ án. Chứng cứ trong vụ án được chứa đựng bởi nhiều nguồn khác nhau, giữa các chứng cứ và nguồn chứng cứ có sự khác nhau về hình thức phản ánh, không gian tồn tại, kích thước, trọng lượng... Chứng cứ được tồn tại dưới hai hình thức phản ánh: Trong môi trường vật chất và trong ý thức của con người. Vì vậy,

muốn phát hiện những nơi cụ thể có thể lưu giữ các chứng cứ đó (hiện trường, vật chứng, con người cụ thể), cần sử dụng các phương tiện, biện pháp và phương pháp cho phù hợp với quy luật hình thành chứng cứ, loại chứng cứ cần phát hiện. Do đó, để thu thập chứng cứ hiệu quả, các chủ thể chứng minh cần áp dụng nhiều phương pháp cho phù hợp, các biện pháp thu thập khác nhau phù hợp với đặc điểm của từng loại nguồn chứng cứ. Các biện pháp thu thập chứng cứ trong tố tụng hình sự bao gồm: Triệu tập để hỏi những người biết về vụ án; Tiến hành các hoạt động điều tra khác như khám nghiệm hiện trường, khám xét, thực nghiệm điều tra, nhận dạng, xem xét dấu vết trên cơ thể, trung cầu giám định; Yêu cầu các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân cung cấp tài liệu, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ nội dung vụ án; Tiếp nhận tài liệu, đồ vật, thông tin liên quan đến vụ án do các cơ quan, tổ chức, cá nhân chủ động cung cấp. Các dấu vết, đồ vật liên quan đến vụ án thường rất đa dạng do đặc điểm hình sự của từng loại tội phạm khác nhau và hoàn cảnh cụ thể xảy ra đối với từng vụ án khác nhau.

Ghi nhận chứng cứ là quá trình mô tả, sao chép, chuyển tải những thông tin từ các nguồn lưu giữ thông tin về vụ án được phát hiện để đưa vào hồ sơ vụ án, văn bản tố tụng phù hợp đúng với quy định của pháp luật như biên bản khám nghiệm hiện trường, khám xét, thực nghiệm điều tra, hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng. Ghi nhận chứng cứ là ghi nhận nội dung thông tin đầy đủ nhất về đối tượng cần phản ánh với toàn bộ đặc tính và dấu hiệu của chứng cứ. Việc ghi nhận chứng cứ phải mang tính lựa chọn, chỉ phản ánh những dấu hiệu, thuộc tính cần thiết của đối tượng có ý nghĩa trong quá trình chứng minh, làm nên giá trị chứng minh và hiệu lực sử dụng của chứng cứ trong vụ án. Khi ghi nhận các chứng cứ được phát hiện cần mô tả một cách đầy đủ, cụ thể, khách quan mọi đặc điểm của chúng như nó vốn có, không được lòng nhận xét, đánh giá chủ quan của mình.

Thu giữ chứng cứ là hoạt động tiến hành để phục vụ cho việc giải quyết vụ án cũng như chứng minh tội phạm. Các phương tiện, phương pháp thu giữ chứng cứ và nguồn chứng cứ cần dựa trên những đặc điểm riêng của từng loại chứng cứ, chính đối tượng cần thu giữ. Thu giữ chứng cứ được thực hiện đối với những chứng cứ tồn tại dưới hình thức là vật và cần phải lưu giữ để đảm bảo tính nguyên vẹn của thông tin, phục vụ cho hoạt động kiểm tra và đánh giá chứng cứ, không để chứng cứ bị mất mát,

hur hỏng, biến dạng, sai lệch. Các phương tiện, phương pháp thu giữ chứng cứ và nguồn của chúng cần được xác định dựa trên những đặc điểm riêng của chính đối tượng cần thu giữ. Thu giữ chứng cứ chính là việc tách đối tượng nguyên mẫu (dấu vết, đồ vật) mang thông tin chứng cứ ra khỏi môi trường xung quanh và bản thân nó không phải là quá trình sao chép thông tin hoặc có sự lựa chọn thông tin để mô tả như việc ghi nhận chứng cứ. Thực tiễn cho thấy, các dạng thu thập chứng cứ như: Thu giữ dấu vết, vật hoặc đồ vật với tính chất là chứng cứ của vụ án hoặc in sao dấu vết và đúc khuôn dấu vết... Như vậy, thu giữ chứng cứ chính là việc tách những đối tượng vật chất mang những thông tin chứng cứ ra khỏi môi trường xung quanh.

Bảo quản chứng cứ là áp dụng các biện pháp phù hợp để bảo vệ, giữ gìn tính nguyên vẹn của chứng cứ, không để mất mát, lẫn lộn và hư hỏng các chứng cứ thu thập được để đảm bảo giải quyết vụ án. Đó chính là bảo vệ giá trị chứng minh của chứng cứ để sử dụng trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình phát hiện, ghi nhận và thu giữ chứng cứ phải gắn liền với việc bảo quản chứng cứ. Bảo quản chứng cứ là giữ gìn các chứng cứ đã phát hiện, ghi nhận và thu giữ bằng các phương pháp khoa học và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, các tài liệu, biên bản hoạt động đều phải đưa vào hồ sơ vụ án, vật chứng thu giữ được phải niêm phong đóng gói đúng quy định của pháp luật, không được làm thay đổi, thêm bớt hoặc làm mất nguồn chứng cứ. Ngoài ra, còn cần phải áp dụng các biện pháp bảo quản phù hợp với đặc tính của mỗi loại vật chứng và tuân thủ nguyên tắc bảo quản vật chứng được quy định.

Hoạt động thu thập chứng cứ trong giai đoạn điều tra VAHS được chủ thể tiến hành bằng tất cả các biện pháp nêu trên, thể hiện đầy đủ các chức năng nhiệm vụ của CQĐT và VKS. Hoạt động này thể hiện rõ nhất ở giai đoạn điều tra, thể hiện qua triệu tập để hỏi những người biết về vụ án; Tiến hành các hoạt động điều tra khác được pháp luật quy định; Yêu cầu các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân cung cấp tài liệu, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án; Tiếp nhận những tài liệu, đồ vật, thông tin liên quan đến vụ án do cơ quan, tổ chức, cá nhân chủ động cung cấp.

Trong quá trình thu thập chứng cứ vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên, phải bảo đảm tính khách quan và củng cố vững chắc giá trị pháp lý của các nguồn chứng cứ. Vì lẽ đó, việc sử dụng các biện pháp thu thập chứng cứ cần phải được phối hợp với nhau

nhằm phát huy ưu điểm và khắc phục hạn chế của mỗi biện pháp, tạo khả năng lưu giữ đầy đủ, củng cố các chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án. Trong thực tế thu thập chứng cứ, việc lựa chọn, áp dụng các phương tiện, biện pháp để thực hiện các hành vi thuộc nội dung hoạt động đó chủ yếu dựa vào đặc điểm về hình thức tồn tại của chứng cứ [24].

Khi tiến hành hoạt động thu thập chứng cứ ở giai đoạn điều tra thì chỉ có CQĐT, VKS mới có thẩm quyền thu thập chứng cứ. Các cơ quan THPT này chỉ được thu thập chứng cứ từ những nguồn và bằng những phương pháp do pháp luật quy định. Mọi chứng cứ và nguồn chứng cứ khi được phát hiện, ghi nhận, thu giữ và bảo quản phải được ghi nhận vào văn bản tố tụng tương ứng theo đúng quy định pháp luật. Việc tiến hành đầy đủ, chính xác, khách quan để thu thập chứng cứ là tài liệu quan trọng cho việc chứng minh ở giai đoạn điều tra và toàn bộ vụ án ở các giai đoạn tiếp theo.

- *Vấn đề đánh giá chứng cứ:*

“Đánh giá chứng cứ trong tố tụng hình sự thực chất là xác định mức độ tin cậy, giá trị của từng chứng cứ cũng như tổng thể của nó và nguồn của chúng, trên cơ sở đó rút ra kết luận phù hợp về vụ án. Là một hoạt động tư duy logic, đánh giá chứng cứ được thừa nhận là một giai đoạn phức tạp trong toàn bộ quá trình chứng minh tội phạm” [19]. Đây là một khâu phức tạp trong quá trình chứng minh vụ án hình sự, các chủ thể THPT sử dụng kết quả đánh giá chứng cứ làm cơ sở cho các kết luận, quyết định giải quyết dứt điểm vụ án. Do đó, hơn bao giờ hết, hoạt động đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án phải thực hiện một cách cẩn trọng, triệt để tuân thủ các nguyên tắc theo quy định của pháp luật. Đối với hoạt động đánh giá chứng cứ, đây là hoạt động tìm kiếm giá trị chứng minh của chứng cứ được xác định bởi khả năng xác lập hay phủ nhận một hoặc một số tình tiết của đối tượng chứng minh trong các vụ án để làm rõ giá trị chứng minh của từng loại chứng cứ và tính đầy đủ của chứng cứ đã được thu thập. Tuy nhiên, khác với hoạt động chứng minh trong giai đoạn xét xử, hoạt động đánh giá chứng cứ trong giai đoạn này nhằm đưa ra kết luận của CQĐT được thực hiện trước khi xét xử và nhằm mục đích phục vụ cho giai đoạn xét xử mà chưa có hiệu lực pháp luật. Chỉ trong trường hợp CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra thì việc

đánh giá chứng cứ mới có tính quyết định. Đánh giá chứng cứ ở giai đoạn điều tra cần áp dụng hai phương pháp sau đây:

Trong quá trình điều tra, nhận thức cảm tính dễ dẫn đến sự ngộ nhận chứng cứ, vì quá trình này thường được bắt đầu từ việc điều tra viên thụ cảm những thông tin chưa được kiểm tra, xác minh như các dấu vết, lời khai mới được thu thập một cách riêng lẻ, chưa thể đi sâu tìm hiểu nguồn gốc và bản chất thực sự của những dấu vết và lời khai trong mối liên hệ tất nhiên hay ngẫu nhiên với hành vi phạm tội. Sự chú quan thường xem xét sự vật theo nhận thức cảm tính mà không phải xuất phát từ mối liên hệ khách quan. Cách nhìn nhận, xem xét thiếu khách quan, không toàn diện trong thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra là những sai lầm nghiêm trọng trong quá trình giải quyết vụ án.

1.2. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người

BLTTHS năm 2015 đã quy định về “Chứng minh và chứng cứ” từ điều 85 đến điều 108. Việc áp dụng biện pháp cưỡng chế nhà nước nghiêm khắc nhất là hình phạt đối với những người phạm tội bị coi là cần thiết và tất yếu. Nhưng, yêu cầu “*không để lọt tội phạm*” và “*không làm oan người vô tội*” phải được quan tâm ở cùng một cấp độ khi giải quyết các vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân không phải là người chứng kiến toàn bộ diễn biến của hành vi đó và lượng thông tin ban đầu mà các chủ thể này có về vụ án được giao giải quyết là rất hạn chế. Để tái hiện lại sự kiện phạm tội đã xảy ra trước đây một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ, làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án đó, Điều tra viên, Kiểm sát viên ngay trong giai đoạn điều tra phải áp dụng các biện pháp khác nhau mà pháp luật cho phép nhằm thu thập, kiểm tra, đánh giá các thông tin mà sự kiện này để lại trong thế giới khách quan làm cơ sở cho việc chứng minh và giải quyết VAHS ở những giai đoạn tiếp theo theo quy định của pháp luật.

1.2.1. Quy định về thu thập chứng cứ

Khi tội phạm xảy ra với tính chất “*là hành vi nguy hiểm cho xã hội, có lỗi, trái pháp luật hình sự và phải chịu hình phạt*” [43, tr.12] thì việc áp dụng các biện pháp để

tìm ra người thực hiện tội phạm và buộc họ phải chịu biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc của Nhà nước là điều cần thiết.

Theo quy định tại Điều 15 BLTTHS năm 2015: “ *Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội.*

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội” [32].

Như vậy, CQĐT, VKS là các cơ quan THTT thực hiện trách nhiệm chứng minh tội phạm. Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, các cơ quan này giao cho những người THTT là Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện trách nhiệm chứng minh trong từng vụ án, cụ thể ở giai đoạn điều tra. Chủ thể THTT của giai đoạn điều tra vụ án cũng chính là chủ thể của hoạt động thu thập chứng cứ trong giai đoạn này. Trong đó, Điều tra viên tập trung nhiều nhất vào hoạt động thu thập chứng cứ và kiểm tra chứng cứ. Bởi lẽ, chứng cứ được thu thập ở giai đoạn điều tra là chủ yếu, chứng cứ cần thu thập nhanh chóng, kịp thời, chính xác để đảm bảo tính khách quan của vụ án, cũng như quá trình giải quyết vụ án ở những giai đoạn tiếp theo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trên cơ sở đó, Kiểm sát viên kiểm tra các thuộc tính chứng cứ mà Điều tra viên thu thập, đánh giá các chứng cứ đó làm căn cứ cho Bản cáo trạng sau này của mình.

Thu thập chứng cứ là hoạt động của cơ quan có thẩm quyền THTT phát hiện, ghi nhận, thu giữ và bảo quản các đồ vật, tài liệu, thông tin liên quan đến vụ án theo trình tự, thủ tục do luật tố tụng hình sự quy định. Chỉ những người có thẩm quyền do luật tố tụng hình sự quy định mới có quyền thu thập chứng cứ. Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người có thẩm quyền của cơ quan được giao nhiệm vụ điều tra có quyền tiến hành hoạt động thu thập chứng cứ ở giai đoạn điều tra. Ngoài ra, những người tham gia tố tụng, cơ quan tổ chức hoặc bất cứ cá nhân nào đều có thể đưa ra tài liệu, đồ vật và trình bày những vấn đề liên quan đến vụ án. Người bào chữa có quyền

thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa từ người bị tạm giữ, bị can, người thân thích của những người này hoặc từ cơ quan, tổ chức, cá nhân theo yêu cầu của người bị tạm giữ, bị can nếu không thuộc bí mật Nhà nước, bí mật công tác. Việc thu thập chứng cứ có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong giai đoạn điều tra và toàn bộ quá trình giải quyết VAHS. Chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra phải thông qua các biện pháp tố tụng, kể cả các hoạt động điều tra và các tài liệu do tổ chức, cá nhân cung cấp đều phải lập biên bản ghi nhận theo đúng trình tự, thủ tục mà BLTTHS năm 2015 đã quy định mới đem lại ý nghĩa pháp lý, bảo đảm tính minh bạch trong việc buộc tội, gỡ tội. Chủ thể thu thập chứng cứ ở giai đoạn điều tra là các CQĐT, VKS và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra như Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm; đặc biệt, chủ yếu là các Điều tra viên với tính cách là nhân vật trung tâm, trực tiếp của hoạt động chứng minh ở giai đoạn này.

Điều 88 BLTTHS năm 2015 quy định chủ thể có thẩm quyền thu thập chứng cứ và các biện pháp thu thập chứng cứ như sau:

“ 1. Để thu thập chứng cứ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có quyền tiến hành hoạt động thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật này; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chứng cứ, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án.

2. Để thu thập chứng cứ, người bào chữa có quyền gặp người mà mình bào chữa, bị hại, người làm chứng và những người khác biết về vụ án để hỏi, nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử liên quan đến việc bào chữa.

3. Những người tham gia tố tụng khác, cơ quan, tổ chức hoặc bất cứ cá nhân nào đều có thể đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử và trình bày những vấn đề có liên quan đến vụ án.

4. Khi tiếp nhận chứng cứ, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử liên quan đến vụ án do những người quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này cung cấp, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải lập biên bản giao nhận và kiểm tra, đánh giá theo quy định của Bộ luật này.

5. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày lập biên bản về hoạt động điều tra, thu

thập, nhận được tài liệu liên quan đến vụ án mà Kiểm sát viên không trực tiếp kiểm sát theo quy định của Bộ luật này thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm chuyển biên bản, tài liệu này cho Viện kiểm sát để kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án. Trường hợp do trở ngại khách quan thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày. Trong thời hạn 03 ngày, Viện kiểm sát đóng dấu bút lục và sao lưu biên bản, tài liệu lưu hồ sơ kiểm sát và bàn giao nguyên trạng tài liệu, biên bản đó cho Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Việc giao, nhận tài liệu, biên bản được lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật này" [32].

Quy định này của pháp luật căn cứ trên những cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn nhất định. Việc thu thập chứng cứ phải được tiến hành một cách khách quan, toàn diện. Những trường hợp thu thập chứng cứ một cách phiến diện, một chiều “*chỉ thấy cái riêng lẻ mà không thấy cái toàn bộ*”, định kiến “*chỉ thu thập chứng cứ buộc tội mà không thu thập chứng cứ gỡ tội*” có thể dẫn tới sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ và toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Bởi vì, hoạt động thu thập chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án là hoạt động đầu tiên của quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, hoạt động này không chỉ ảnh hưởng trong giai đoạn điều tra, mà còn ảnh hưởng đến việc mục đích của TTHS có đạt được hay không. Như vậy, khi thu thập chứng cứ nhất là trong giai đoạn điều tra vụ án cần thu thập đầy đủ cả chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội theo tinh thần của Điều 15 BLTTHS năm 2015.

Thu thập chứng cứ là hoạt động đầu tiên của quá trình chứng minh trong vụ án. Hoạt động này có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với toàn bộ vụ án. Kết quả của hoạt động thu thập chứng cứ có ảnh hưởng rất lớn đến toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Số lượng, chất lượng những chứng cứ thu thập được sẽ tạo điều kiện thuận lợi hoặc gây khó khăn cho các cơ quan THTT chứng minh đối với vụ án. Vì vậy, các cơ quan THTT cần quan tâm đến hoạt động này, đặc biệt CQĐT và Viện kiểm sát. Bởi lẽ, các chứng cứ trong vụ án chủ yếu được thu thập từ giai đoạn điều tra. Việc thu thập chứng cứ ở giai đoạn điều tra đầy đủ, chính xác đảm bảo các hoạt động chứng minh của các giai đoạn tiếp theo, tránh việc trả hồ sơ. Để thu thập chứng cứ, Điều 88 quy định các cơ quan THTT được phép thu thập chứng cứ từ nhiều nguồn khác nhau. CQĐT có

quyền tiến hành các biện pháp điều tra theo đúng chức năng, quyền hạn do pháp luật TTHS quy định. Tùy vào yêu cầu, trong từng trường hợp cụ thể theo quy định BLTTHS năm 2015, những biện pháp thu thập chứng cứ có thể là: Hỏi cung bị can theo Điều 183; Lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, đương sự theo Điều 186 và Điều 188; Đối chất theo Điều 189; Nhận dạng theo Điều 190; Nhận biết giọng nói theo Điều 191; Tiến hành khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản theo Điều 192, 193, 194, 195, 196, 197, 198; Khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể, thực nghiệm điều tra, giám định theo Điều 201, 202, 203, 204, 205. Đó là hoạt động điều tra nhằm thu thập chứng cứ từ lời khai của bị can, người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các biện pháp nghiệp vụ, chuyên môn của CQĐT tiến hành góp phần giải quyết vụ án. Việc thu thập chứng cứ phải được tiến hành một cách khách quan, toàn diện. Kết quả tiến hành các biện pháp điều tra là nguồn tài liệu, chứng cứ cơ bản tạo điều kiện để làm rõ tội phạm, đối tượng gây án, động cơ, mục đích phạm tội, đặc điểm nhân thân bị can, tính chất và mức độ thiệt hại, những nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội phạm và những tình tiết khác thuộc phạm vi những vấn đề cần phải chứng minh. Như vậy, phải thu thập cả chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can theo quy định tại Điều 15 BLTTHS năm 2015.

Điều 172 BLTTHS năm 2015 quy định: “Thời hạn điều tra vụ án hình sự không quá 02 tháng đối với tội phạm ít nghiêm trọng, không quá 03 tháng đối với tội phạm nghiêm trọng, không quá 04 tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng kể từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc điều tra.

2. Trường hợp cần gia hạn điều tra do tính chất phức tạp của vụ án thì chậm nhất là 10 ngày trước khi hết thời hạn điều tra, Cơ quan điều tra phải có văn bản đề nghị Viện kiểm sát gia hạn điều tra.

Việc gia hạn điều tra được quy định như sau:

a) Đối với tội phạm ít nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra một lần không quá 02 tháng;

b) Đối với tội phạm nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra hai lần, lần thứ

nhất không quá 03 tháng và lần thứ hai không quá 02 tháng;

c) Đối với tội phạm rất nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra hai lần, mỗi lần không quá 04 tháng;

d) Đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra ba lần, mỗi lần không quá 04 tháng.

3. Đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng mà thời hạn gia hạn điều tra đã hết nhưng do tính chất rất phức tạp của vụ án mà chưa thể kết thúc việc điều tra thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thể gia hạn thêm một lần không quá 04 tháng” [32].

Điều này thể hiện sự nâng cao trách nhiệm của CQĐT, bảo đảm việc điều tra, thu thập phải được tiến hành nhanh chóng, đúng thời hạn do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 88 BLTTHS năm 2015 thì hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra có một số điểm khác so với những giai đoạn khác sau:

- Các chủ thể có thẩm quyền thu thập chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 88, các chủ thể có thẩm quyền chứng minh là CQĐT, VKS, TA. Ở các giai đoạn khác nhau phụ thuộc vào chứng năng, nhiệm vụ, quyền hạn thì chủ thể thu thập chứng cứ cũng khác nhau. Trong giai đoạn điều tra, chủ thể có thẩm quyền thu thập chứng cứ là CQĐT, VKS. Ngoài ra, như đã phân tích thì còn các cơ quan khác là chủ thể có thẩm quyền thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 164 BLTTHS năm 2015 nhưng không được quy định trong Điều 88. Đó là Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

- Các hình thức thu thập chứng cứ: Theo quy định tại Điều 88 BLTTHS, để thu thập chứng cứ ở giai đoạn điều tra, CQĐT, VKS có thể áp dụng các phương pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, triệu tập để hỏi những người biết về vụ án. Những người này có trách nhiệm cung cấp thông tin về vụ án, trong trường hợp này có thể là người bị tạm giam, tạm giữ, bị can, người bị hại, người làm chứng... Phương pháp thu thập chứng cứ này là lấy lời khai, được chủ yếu tiến hành trong giai đoạn điều tra nhằm thu thập các

chứng cứ của vụ án tồn tại dưới hình thức phản ánh ý thức con người để kiểm tra lại tính xác thực của những thông tin mà họ cung cấp trước đây.

Thứ hai, tiến hành các hoạt động điều tra khác được quy định trong BLTTHS. Việc tiến hành các hoạt động điều tra được coi là phương pháp chủ yếu để thu thập chứng cứ. Thu thập chứng cứ theo phương pháp này có thể tiến hành các hoạt động điều tra như khám nghiệm hiện trường, khám xét, trưng cầu giám định, thực nghiệm điều tra, nhận dạng, xem xét dấu vết trên thân thể. để thu thập các chứng cứ tồn tại dưới hình thức phản ánh vật chất. Hầu hết, các hoạt động điều tra này được tiến hành ở giai đoạn điều tra VAHS và do CQĐT thực hiện. Trong giai đoạn điều tra, các CQĐT, VKS có quyền sử dụng tất cả các phương pháp thu thập chứng cứ được quy định tại Điều 88 BLTTHS năm 2015 để làm rõ nội dung vụ án. Một số phương pháp thu thập chứng cứ được quy định tại điều luật này, các cơ quan THTT khác không được thực hiện.

Thứ ba, yêu cầu các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân cung cấp tài liệu, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án. Phương pháp này được áp dụng nhằm thu thập các chứng cứ của vụ án được ghi trong các tài liệu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân lưu giữ (lý lịch cán bộ, thư từ hoặc các tài liệu khác có liên quan đến bị can hay những người tham gia tố tụng khác).

Thứ tư, tiếp nhận những tài liệu, đồ vật, thông tin liên quan đến vụ án do các cơ quan, tổ chức, cá nhân chủ động cung cấp. Khi họ chủ động cung cấp cho các CQĐT những đồ vật, thông tin liên quan đến vụ án, các cơ quan THTT có trách nhiệm tiếp nhận, ghi nhận và bảo quản theo đúng như quy định của pháp luật để phục vụ giải quyết vụ án.

Trong thực tế, việc thu thập chứng cứ được thực hiện bằng các hành vi cụ thể gồm phát hiện chứng cứ, ghi nhận chứng cứ, thu giữ chứng cứ và bảo quản chứng cứ. Mỗi hành vi này được thực hiện bằng các hình thức khác nhau với các yêu cầu cụ thể khác nhau, phù hợp với đặc điểm đặc trưng của đối tượng cần thu thập. Như vậy, tất cả các hình thức thu thập chứng cứ phải đáp ứng, cũng như thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 88 BLTTHS năm 2015 thì các nhà làm luật chưa liệt kê được hết các chủ thể khác có thẩm quyền thu thập chứng cứ trong giai đoạn điều tra. Vì trên thực tế, không chỉ có các cơ quan THTT mới có thẩm quyền

thu thập chứng cứ mà một số chủ thể khác cũng có thẩm quyền thu thập chứng cứ. Những người của cơ quan được giao thẩm quyền điều tra (Hải quan, Kiểm lâm, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển) hoặc cơ quan được giao thực hiện một số hoạt động điều tra (cơ quan khác của lực lượng cảnh sát nhân dân, các đơn vị quân đội) cũng có thẩm quyền thu thập chứng cứ ở giai đoạn điều tra.

* Những vấn đề bắt buộc:

1. Về phía người phạm tội:

a) Hành vi khách quan của tội phạm bao gồm cả hành động và không hành động:

- Trường hợp hành động thường được biểu hiện như: đâm, chém, bắn, đốt cháy, đầu độc, bóp cổ, treo cổ, trói ném xuống vực, xuống sông, chôn sống v.v...

- Trường hợp không hành động ít gặp nhưng vẫn có thể xảy ra. Ví dụ: Một Y tá cố tình không cho người bệnh uống thuốc theo chỉ định của bác sỹ để người bệnh chết mặc dù người Y tá này phải có nghĩa vụ cho người bệnh uống thuốc.

b) Hành vi tước đoạt tính mạng của người khác phải là hành vi trái pháp luật, tức là luật cấm mà cứ làm, luật bắt làm mà không làm:

- Có trường hợp tước đoạt tính mạng người khác được pháp luật cho phép như: hành vi tước đoạt tính mạng của người khác trong trường hợp phòng vệ chính đáng, trong tình thế cấp thiết hoặc thi hành một mệnh lệnh hợp pháp của nhà chức trách. Ví dụ: người cảnh sát thi hành bản án tử hình đối với người phạm tội.

- Hành vi trái pháp luật phải là nguyên nhân gây ra hậu quả chết người, tức là có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả. Thực tiễn xét xử không phải bao giờ cũng dễ dàng xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả chết người. Vì vậy, khi xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả phải xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về cặp phạm trù nguyên nhân và kết quả với những đặc điểm sau:

- Hành vi là nguyên nhân gây ra chết người phải là hành vi xảy ra trước hậu quả về mặt thời gian. Ví dụ: sau khi bị bắn, nạn nhân chết. Tuy nhiên không phải bất cứ hành vi nào xảy ra trước hậu quả chết người đều là nguyên nhân mà chỉ những hành vi có mối quan hệ nội tại, tất yếu với hậu quả thì mới là nguyên nhân. Mối quan hệ nội tại

tất yếu đó thể hiện ở chỗ: khi cái chết của nạn nhân có cơ sở ngay trong hành vi của người phạm tội; hành vi của người phạm tội đã mang trong nó mầm mống sinh ra hậu quả chết người; hành vi của người phạm tội trong những điều kiện nhất định phải dẫn đến hậu quả chết người chứ không thể khác được. *Ví dụ:* một người dùng súng bắn vào đầu của người khác, tất yếu sẽ dẫn đến cái chết cho người này. Nếu một hành vi đã mang trong đó mầm mống dẫn đến cái chết cho nạn nhân, nhưng hành vi đó lại được thực hiện trong hoàn cảnh không có những điều kiện cần thiết để hậu quả chết người xảy ra và thực tế hậu quả đó chưa xảy ra, thì người có hành vi vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người nhưng ở giai đoạn phạm tội chưa đạt. *Ví dụ:* A có ý định bắn vào đầu B nhằm tước đoạt tính mạng của B, nhưng đạn không trúng đầu của B mà chỉ trúng tay nên B không chết.

- Hậu quả chết người có trường hợp không phải do một nguyên nhân gây ra mà do nhiều nguyên nhân cùng gây ra, thì cần phải phân biệt nguyên nhân nào là nguyên nhân chủ yếu, nguyên nhân nào là thứ yếu. Nguyên nhân chủ yếu là nguyên nhân mà nếu không có nó thì hậu quả không xuất hiện, nó quyết định những đặc trưng tất yếu chung của hậu quả ấy, còn nguyên nhân thứ yếu là nguyên nhân chỉ quyết định những đặc điểm nhất thời cá biệt không ổn định của hậu quả; khi nó tác dụng vào kết quả thì chỉ có tính chất hạn chế và phục tùng nguyên nhân chủ yếu. *Ví dụ:* có nhiều người cùng đánh một người, người bị đánh chết là do đòn tập thể, nhưng trong đó có hành vi của một người là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến cái chết cho nạn nhân, còn hành vi của những người khác chỉ là nguyên nhân thứ yếu. Dù là chủ yếu hay thứ yếu thì tất cả những người có hành vi đều phải chịu TNHS về tội giết người, nhưng mức độ có khác nhau.

- Trong thực tế chúng ta còn thấy hậu quả chết người xảy ra có cả nguyên nhân trực tiếp và nguyên nhân gián tiếp. Nguyên nhân trực tiếp là nguyên nhân tự nó sinh ra kết quả, nó có tính chất quyết định rõ rệt đối với hậu quả, còn nguyên nhân gián tiếp là nguyên nhân chỉ góp phần gây ra hậu quả. Thông thường, hành vi là nguyên nhân trực tiếp mới phải chịu trách nhiệm đối với hậu quả, còn đối với hành vi là nguyên nhân gián tiếp thì không phải chịu trách nhiệm đối với hậu quả. *Ví dụ:* A cho B mượn súng để đi săn, nhưng B đã dùng súng đó để bắn chết người. Tuy nhiên, trong vụ án có đồng phạm thì hành vi của tất cả những người đồng phạm là nguyên nhân trực tiếp [28].

- Khi xem xét mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả cần phân biệt nguyên nhân với điều kiện. Điều kiện là những hiện tượng khách quan hoặc chủ quan, nó không trực tiếp gây ra hậu quả, nhưng nó đi với nguyên nhân trong không gian và thời gian, ảnh hưởng đến nguyên nhân và bảo đảm cho nguyên nhân có sự phát triển cần thiết để sinh ra hậu quả. Nếu một người có hành vi không liên quan đến việc giết người và người đó không biết hành vi của mình đã tạo điều kiện cho người khác giết người, thì không phải chịu trách nhiệm về tội giết người. *Ví dụ:* A cho B đi nhờ xe nhưng A không biết B đi nhờ xe của mình để đuổi kịp C và giết C.

c) Hành vi tước đoạt tính mạng người khác là hành vi được thực hiện do cố ý:

- Cố ý giết người là trường hợp trước khi có hành vi tước đoạt tính mạng người khác, người phạm tội nhận thức rõ hành động của mình tất yếu hoặc có thể gây cho nạn nhân chết và mong muốn hoặc bỏ mặc cho nạn nhân chết.

- Sự hình thành ý thức của người có hành vi giết người được biểu hiện khác nhau:

- Dạng biểu hiện thứ nhất là trước khi thực hiện hành vi nguy hiểm đến tính mạng người khác, người phạm tội thấy trước được hậu quả chết người tất yếu xảy ra và mong muốn cho hậu quả đó phát sinh. Loại biểu hiện này rõ nét, biểu hiện ý thức này ra bên ngoài thường được biểu hiện bằng những hành vi như: chuẩn bị hung khí (phương tiện), điều tra theo dõi mọi hoạt động của người định giết, chuẩn bị những điều kiện, thủ đoạn để che giấu tội phạm v.v... còn gọi là cố ý có dự mưu. Tuy nhiên, cũng có trường hợp trước khi hành động, người phạm tội không có thời gian chuẩn bị nhưng họ vẫn thấy trước được hậu quả tất yếu xảy ra và cũng mong muốn cho hậu quả phát sinh. *Ví dụ:* A và B cãi nhau, sẵn có dao trong tay (vì A đang cắt thịt lợn) A dùng dao chém liên tiếp nhiều nhát vào đầu B làm B chết ngay tại chỗ. Trường hợp này gọi là cố ý đột xuất.

- Dạng biểu hiện thứ hai là trước khi có hành vi nguy hiểm đến tính mạng người khác, người phạm tội chỉ nhận thức được hậu quả chết người có thể xảy ra chứ không chắc chắn xảy ra vì người phạm tội chưa tin vào hành vi của mình nhất định sẽ gây ra hậu quả chết người. Bản thân người phạm tội cũng rất mong muốn cho hậu quả xảy ra, nhưng họ lại không tin một cách chắc chắn rằng hậu quả ắt xảy ra. *Ví dụ:* A gài lựu

đạn nhằm giết B vì A đã theo dõi hàng ngày B thường đi qua đoạn đường này nhưng A không tin vào khả năng gây nổ của lựu đạn hoặc chưa chắc B nhất định đi qua và có đi qua chưa chắc B đã vấp phải lựu đạn do A gài.

- Dạng biểu hiện thứ ba là trước khi thực hiện hành vi nguy hiểm đến tính mạng của người khác, người phạm tội cũng chỉ thấy trước hậu quả chết người có thể xảy ra tuy không mong muốn, nhưng có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra. Ví dụ: A mắc điện trần vào cửa chuồng gà với ý thức để kẻ nào vào trộm gà sẽ bị điện giật chết, nhưng lại làm chết người nhà của A vào chuồng gà nhốt trứng gà đẻ.

- Chủ thể của tội giết người là bất kỳ, nhưng phải là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và phải là người đủ 14 tuổi trở lên, vì tội giết người là tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng.

2. *Về phía nạn nhân*: Người bị giết, phải là người còn sống, vì tội giết người là tội xâm phạm đến tính mạng con người. Nếu một người đã chết, thì mọi hành vi xâm phạm đến xác chết đó không phải là hành vi giết người, nhưng giết một người sắp chết vẫn là giết người; Giết một đứa trẻ mới ra đời cũng là giết người, nhưng phá thai, dù cái thai đó ở tháng thứ mấy cũng không gọi là giết người, vì vậy giết một phụ nữ đang có thai không phải là giết nhiều người; Trường hợp người phạm tội tưởng nhằm xác chết là người đang còn sống mà có những hành vi như bắn, đâm, chém... với ý thức giết thì vẫn phạm tội giết người. Khoa học luật hình gọi là sai lầm về đối tượng.

* Những vấn đề có thể làm (tùy từng trường hợp cụ thể): Người phạm tội giết người đều có chung một mục đích là tước đoạt tính mạng con người, nhưng động cơ thì khác nhau. Động cơ không phải là yếu tố định tội giết người, nhưng trong một số trường hợp nó là yếu tố định khung hình phạt. Những dấu hiệu khác như: thời gian, địa điểm, hoàn cảnh v.v... chỉ có ý nghĩa xác định mức độ nguy hiểm đối với hành vi giết người, chứ không có ý nghĩa định tội.

- *Giết nhiều người*: Là trường hợp giết từ 2 người trở lên, để áp dụng tình tiết này chỉ cần xác định ý thức chủ quan của người phạm tội là mong muốn giết từ 2 người trở lên, không phụ thuộc vào số người chết trên thực tế.

- *Giết phụ nữ mà biết là có thai*: Trường hợp này phải thoả mãn 2 điều kiện: *Về khách quan* nạn nhân là phụ nữ đang mang thai, không kể thai nhi đang ở tháng thứ

mấy, để xác định điều kiện này phải dựa trên cơ sở kết luận giám định. *Về ý thức chủ quan của người phạm tội* phải biết được người phụ nữ đó đang mang thai (có thể người phạm tội tự nhận biết hoặc nghe thông tin qua người khác). Để xác định điều kiện này phải xem xét, đánh giá các tình tiết sau: Mối quan hệ giữa người phạm tội và nạn nhân; Thời điểm thực hiện tội phạm là ban ngày hay ban đêm, mùa đông hay mùa hè; Tình trạng thai nhi đã lớn hay còn nhỏ. Chú ý: Nếu nạn nhân đang mang thai là người tình của người phạm tội thì thuộc trường hợp giết người vì động cơ đê hèn.

- *Giết trẻ em*: Nạn nhân là trẻ em là người dưới 16 tuổi.

- *Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân*: Nạn nhân là người đã hoặc sẽ thi hành công vụ thuộc trường hợp giết người vì lý do công vụ của nạn nhân (tức là giết nạn nhân trước hoặc trong hoặc sau khi thi hành công vụ). Giữa công vụ của nạn nhân và việc thực hiện tội phạm giết người có mối liên quan với nhau. Đối với trường hợp giết nạn nhân trước hoặc trong khi thi hành công vụ thường nhằm cản trở việc thi hành công vụ của nạn nhân, còn giết nạn nhân sau khi thi hành công vụ thường có động cơ là trả thù nạn nhân.

- *Giết ông bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy, cô giáo của mình*: Nạn nhân là ông bà, cha mẹ có thể là ông bà nội ngoại, đẻ hoặc nuôi; bố mẹ đẻ hoặc bố mẹ nuôi (phải được pháp luật thừa nhận). Nạn nhân là người nuôi dưỡng là người chăm sóc, quản lý giáo dục người phạm tội như vai trò của bố mẹ người phạm tội. Nạn nhân là thầy giáo, cô giáo của mình là người đã, hoặc đang làm công tác giảng dạy tại cơ sở có chức năng giáo dục, đào tạo dạy nghề được Nhà nước cho phép đã hoặc đang trực tiếp giảng dạy người phạm tội không kể thời gian dài hay ngắn. Đồng thời, việc gây thương tích cho nạn nhân là vì lý do thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo của họ đối với bị cáo. Hay nói cách khác, động cơ của việc phạm tội có phải liên quan đến nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo.

- *Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng*: Là trường hợp bị cáo phạm 2 tội trong đó có một tội giết người, giữa 2 tội này phải thoả mãn các điều kiện sau: Tội thực hiện trước hoặc sau tội giết người phải là tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng (là loại tội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên 7 năm tù); Khoảng cách

giữa 2 tội không có sự gián đoạn về mặt thời gian; Giữa 2 tội không có mối liên quan với nhau

- *Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác*: Là trường hợp bị cáo phạm 2 tội trong đó có tội giết người, giữa 2 tội này phải thoả mãn các điều kiện sau: Khoảng cách thời gian giữa 2 tội có thể liên tục có thể ngắt quãng về mặt thời gian; Tội phạm khác có thể là bất kỳ loại tội nào (tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng); Giữa tội giết người và tội phạm khác có mối liên quan với nhau. Việc thực hiện tội phạm khác là động cơ thực hiện tội phạm giết người – nghĩa là can phạm cho rằng nạn nhân sẽ là người cản trở gây khó khăn cho việc thực hiện tội phạm khác nên đã giết nạn nhân để thực hiện tội phạm khác, hoặc nạn nhân sẽ là người tố cáo can phạm về tội đã thực hiện nên đã giết nạn nhân để che giấu tội phạm đã thực hiện.

- *Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân*: Như lấy tim, gan, thận dù với bất kỳ mục đích nào như để nghiên cứu khoa học hoặc để cứu sống người khác.

- *Thực hiện tội phạm một cách man rợ*: Là trường hợp giết người bằng phương pháp nguyên thủy gây đau đớn về thể xác và tinh thần cho nạn nhân cũng như thân nhân của nạn nhân *trước khi nạn nhân chết* như móc mắt, moi gan, chặt từng bộ phận của nạn nhân cho đến khi nạn nhân chết. (Nếu hành vi trên thực hiện sau khi nạn nhân chết thì không phải là trường hợp giết người một cách man rợ).

- *Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp*: Là trường hợp người phạm tội đã sử dụng khả năng chuyên môn, nghiệp vụ của mình để dễ dàng thực hiện việc giết người và dễ dàng che giấu tội phạm.

- *Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người*: Tình tiết này phải thoả mãn các điều kiện sau: Người phạm tội phải sử dụng các loại công cụ, phương tiện có khả năng gây ra cái chết cho nhiều người trong cùng một thời gian như dùng súng, mìn, lựu đạn, thuốc độc; Phải đặt trong một hoàn cảnh cụ thể như: nổ súng nơi có đông người, đầu độc thức ăn, đồ uống có nhiều người dùng (thả thuốc độc vào giếng nước); Ý thức chủ quan của người phạm tội chỉ mong muốn giết 1 người. Còn nếu ý thức chủ quan của người phạm tội mong muốn giết chết từ 2 người trở lên thì thuộc trường hợp

giết nhiều người. Hậu quả trên thực tế không nhất thiết phải có nhiều người chết.

- *Thuê giết người hoặc giết người thuê*: Là trường hợp can phạm không trực tiếp hành động, mà giấu mặt, dùng lợi ích vật chất hoặc lợi ích tinh thần (hứa gả con gái) để người khác thực hiện hành vi phạm tội giết người.

- *Có tính chất côn đồ*: Là trường hợp giết người có tính hung hãn cao, coi thường tính mạng của người khác, giết người vì những nguyên cớ nhỏ nhặt. Đâm đánh người dã man không run tay.

- *Có tổ chức*: Là trường hợp có từ 2 người trở lên thực hiện tội phạm giết người có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ.

- *Tội phạm nguy hiểm*: Là trường hợp một người đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý chưa được xoá án tích; hoặc một người đã tái phạm chưa được xoá án tích mà lại phạm tội giết người.

- *Vì động cơ đê hèn*: Là trường hợp giết người có tính ích kỷ cao, phản trắc, bội bạc với những người thân như: giết người để cướp vợ hoặc cướp chồng của nạn nhân; giết người tình đã có thai với mình để trốn tránh trách nhiệm, giết người đã cho vay, mượn tài sản để trốn tránh trả nợ (tức là giết ân nhân của mình) [24].

1.2.2. Quy định về đánh giá chứng cứ

Đánh giá chứng cứ là hoạt động nhận thức, đây là một giai đoạn phức tạp của hoạt động chứng minh được cơ quan THTT và người THTT được thực hiện, tiến hành liên tục, xuyên suốt quá trình chứng minh vụ án, nhằm sử dụng kết quả đánh giá vào từng giai đoạn khác nhau trong quá trình nhận thức khách quan. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về đánh giá chứng cứ cũng thể hiện phần nào nội dung của hoạt động kiểm tra chứng cứ chưa được quy định cụ thể. Hoạt động kiểm tra, đánh giá chứng cứ được quy định tại Điều 108 BLTTHS năm 2015 như sau:

“1. Mỗi chứng cứ phải được kiểm tra, đánh giá để xác định tính hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án. Việc xác định những chứng cứ thu thập được phải bảo đảm đủ để giải quyết vụ án hình sự.

2. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải kiểm tra, đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện mọi chứng cứ đã thu

thập được về vụ án" [44].

Sau khi thu thập chứng cứ, Điều tra viên tiến hành kiểm tra, đánh giá chứng cứ thông qua hoạt động nghiên cứu hồ sơ. Kết quả kiểm tra, đánh giá toàn bộ chứng cứ có trong hồ sơ là căn cứ để Điều tra viên ban hành một trong các quyết định: Bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc Bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra. Theo quy định tại Điều 108 BLTTHS năm 2015 đã đề cập đến hoạt động đánh giá chứng cứ với những nội dung cơ bản sau:

- Chủ thể có thẩm quyền đánh giá chứng cứ ở giai đoạn điều tra theo quy định của khoản 2 Điều 108 thì chủ thể có quyền đánh giá chứng cứ là Điều tra viên, Kiểm sát viên. Trong hoạt động đánh giá chứng cứ, các chủ thể khác nhau cũng có những đặc trưng khác nhau và tuân thủ một số quy định mang tính nguyên tắc. Hoạt động đánh giá của Điều tra viên, Kiểm sát viên vẫn có sự phụ thuộc vào ý chí của lãnh đạo cơ quan theo nguyên tắc thủ trưởng và chịu sự phụ thuộc vào ý chí của VKS trong hoạt động điều tra.

- Các bước của hoạt động đánh giá chứng cứ: Theo quy định tại Điều 108 BLTTHS năm 2015 thì với mỗi chứng cứ phải tiến hành theo các bước, đánh giá từng chứng cứ và đánh giá tổng thể, toàn diện mọi chứng cứ trong mối quan hệ với nhau. Việc tiến hành đánh giá chứng cứ đảm bảo một cách tổng hợp, khách quan, toàn diện và đầy đủ. Đánh giá từng chứng cứ để có thể xác định tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp của mỗi chứng cứ trong vụ án. Đánh giá tổng hợp chứng cứ sau khi đánh giá xong từng chứng cứ trong mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Việc đánh giá chứng cứ nhằm xác định đúng đắn giới hạn chứng minh và kết luận về những vấn đề của vụ án. Yêu cầu, đòi hỏi đối với việc đánh giá chứng cứ:

Thứ nhất, mỗi chứng cứ phải đáp ứng đầy đủ và đạt được yêu cầu chứng minh. Theo khoản 1 Điều 108 BLTTHS thì "*Mỗi chứng cứ phải được kiểm tra, đánh giá để xác định tính hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án. Việc xác định những chứng cứ thu thập được phải bảo đảm đủ để giải quyết vụ án hình sự*". Việc chứng cứ thu thập được phải đáp ứng, đảm bảo các yêu cầu này nhằm tăng giá trị chứng minh cho các chứng cứ và giúp xác định được giới hạn chứng minh trong các vụ án hình sự, tạo điều kiện cho việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự.

Thứ hai, đánh giá chứng cứ phải toàn diện, đầy đủ và khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 108 BLTTHS thì các chứng cứ phải được “*Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải kiểm tra, đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện mọi chứng cứ đã thu thập được về vụ án*”. Ngoài ra, các chứng cứ phải được đánh giá trong mối quan hệ tổng hợp, hệ thống với các chứng cứ khác.

Thứ ba, đây là yêu cầu đặt ra với các CQĐT, Điều tra viên tiến hành hoạt động đánh giá chứng cứ. Các chủ thể này phải đánh giá chứng cứ với tinh thần trách nhiệm và chuyên môn cao. Các chứng cứ phải được đánh giá một cách khách quan, trung thực và dựa vào niềm tin nội tâm trên cơ sở ý thức pháp luật của các chủ thể tiến hành đánh giá chứng cứ. Trong quá trình điều tra thì CQĐT, VKS có thể được lực lượng trinh sát cung cấp một lượng thông tin tương đối lớn các thông tin về thủ phạm gây án, diễn biến tâm lý bất thường của bị can, nơi cất giấu vũ khí, phương tiện gây án, tài sản bị chiếm đoạt, nội dung các cuộc trao đổi, đàm thoại giữa các đối tượng nghi vấn. Các tin tức, tài liệu này được lực lượng trinh sát thu thập thông qua việc áp dụng các biện pháp nghiệp vụ trinh sát. Theo tinh thần của Điều 86 BLTTHS năm 2015 và lý luận tố tụng hình sự thì một tình tiết chỉ được coi là chứng cứ của vụ án khi nó đồng thời có đầy đủ 3 thuộc tính: tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp. Do đó, các tin tức, tài liệu này không thể coi là chứng cứ của vụ án khi nó chưa được chuyển hóa thành chứng cứ tố tụng hình sự bằng việc tiến hành các biện pháp điều tra phù hợp được quy định tại BLTTHS năm 2015. Vì vậy, khi đánh giá các thông tin đã được thu thập trong giai đoạn điều tra VAHS, CQĐT, VKS cần chú ý đến thực tế này để có biện pháp xử lý phù hợp.

Thu thập chứng cứ là hoạt động chính, được tập trung nhiều nhất ở giai đoạn điều tra để chứng minh tội phạm nhưng hoạt động kiểm tra và đánh giá chứng cứ ở giai đoạn này cũng được Điều tra viên, Kiểm sát viên tiến hành cẩn thận, khẩn trương, đúng quy định của pháp luật, những chứng cứ của vụ án được thu thập đầy đủ, đảm bảo tính hợp pháp, tính liên quan, tính khách quan không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

Như vậy, ở giai đoạn điều tra hoạt động kiểm tra và đánh giá chứng cứ là hoạt

động tư duy và thực tiễn phức tạp nhưng lại có ảnh hưởng rất lớn đến tính có căn cứ của các quyết định tố tụng của các chủ thể chứng minh. Tuy nhiên, hiện nay các hoạt động này vẫn chưa được pháp luật tố tụng hình sự phân biệt rõ ràng. Bên cạnh đó, kiểm tra chứng cứ là hoạt động không thể thiếu trong quá trình chứng minh nói chung cũng như trong giai đoạn điều tra nói riêng. Thế nhưng, BLTTHS chưa có quy định cụ thể về khái niệm hoạt động kiểm tra chứng cứ, cũng như chủ thể, phương pháp tiến hành hoạt động này. Những thiếu sót đó của pháp luật tố tụng hình sự ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra cũng như toàn bộ quá trình giải quyết vụ án hình sự, do đó rất cần nghiên cứu để hoàn thiện.

1.2.3. Quy định về kết luận điều tra

Điều 233 của BLTTHS năm 2015 quy định về Kết luận điều tra trong trường hợp đề nghị truy tố: *“Trong trường hợp đề nghị truy tố thì bản kết luận điều tra ghi rõ diễn biến hành vi phạm tội; chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị can, thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội, tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị can; việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và việc xử lý vật chứng; nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội và tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án; lý do và căn cứ đề nghị truy tố; tội danh, điều, khoản, điểm của Bộ luật hình sự được áp dụng; những ý kiến đề xuất giải quyết vụ án”*.

Tại Điều 234 của BLTTHS năm 2015 quy định về Kết luận điều tra trong trường hợp đình chỉ điều tra: *“Trong trường hợp đình chỉ điều tra thì bản kết luận điều tra ghi rõ diễn biến sự việc, quá trình điều tra, lý do và căn cứ đình chỉ điều tra”*. Tuy nhiên, theo khoản 1 điều 235 của BLTTHS năm 2015 quy định: *“1. Khi có lý do để hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định tạm đình chỉ điều tra thì Cơ quan điều tra ra quyết định phục hồi điều tra, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu việc điều tra bị đình chỉ theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 157 của Bộ luật này mà bị can không đồng ý và yêu cầu điều tra lại thì Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát cùng cấp ra quyết định phục hồi điều tra”*.

Kết luận Chương 1

Nhiệm vụ của hoạt động tố tụng trong giai đoạn điều tra là phát hiện nhanh chóng, xử lý chính xác, công minh tội phạm và người phạm tội. Việc chứng minh tội phạm là nhằm làm sáng tỏ các tình tiết khác nhau của vụ án phục vụ cho việc định tội, quyết định trách nhiệm hình sự và hình phạt. Quá trình chứng minh là quá trình nhận thức được tạo ra bởi các hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ do các chủ thể tiến hành tố tụng giải quyết đúng đắn vụ án. Vì không trực tiếp chứng kiến đối tượng chứng minh, nên cơ quan điều tra chỉ dựa vào các thông tin, tư liệu liên quan đến đối tượng chứng minh được thu thập theo trình tự, thủ tục luật định để kết luận về các tình tiết nhằm giải quyết vụ án đúng đắn, khách quan.

Hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra về tội giết người là hoạt động của những chủ thể THPT ở giai đoạn điều tra được pháp luật quy định để thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ nhằm làm sáng tỏ sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, đảm bảo cơ sở cần thiết cho việc ban hành các quyết định tố tụng phù hợp góp phần giải quyết đúng đắn vụ án theo trình tự, thủ tục của pháp luật tố tụng hình sự. Hoạt động này đóng một vai trò quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án, không chỉ có ý nghĩa về mặt chính trị, pháp lý mà còn có ý nghĩa sâu sắc về mặt xã hội. Quá trình chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người là quá trình tư duy và thực tiễn của CQĐT, VKS và những người có quyền chứng minh dựa trên cơ sở các quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Chất lượng và hiệu quả của hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến tính đúng đắn, hiệu quả của các giai đoạn chứng minh tiếp theo.

Nhìn chung, các quy định của BLTTHS đã tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho các chủ thể THPT thực hiện hoạt động chứng minh ở giai đoạn điều tra, tạo cơ sở pháp lý cần thiết cho các chủ thể chứng minh thực hiện nhiệm vụ chứng minh vụ án hiệu quả. Qua phân tích những quy định của BLTTHS năm 2015 về hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra, có thể thấy quy định của pháp luật tố tụng hình sự về quá trình chứng minh nói chung, hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra về tội phạm cụ thể là tội giết người có sự thay đổi tích cực, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả chứng minh trong tố tụng hình sự.

CHƯƠNG 2

THỰC TIỄN CHỨNG MINH TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA TỘI GIẾT NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. Tổng quan kết quả khởi tố, điều tra các vụ án về tội giết người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

2.1.1. Thực trạng về tội giết người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2015

Thực trạng của tội giết người là đặc điểm định lượng của tội giết người, bao hàm tổng thể những hành vi phạm tội đã xảy ra trong thực tế và các chủ thể thực hiện chúng trong một đơn vị thời gian (tháng, quý, năm...) và không gian nhất định (huyện, tỉnh, toàn quốc...) [34, tr.3]. Có thể được diễn giải thông qua các bảng thống kê dưới đây:

Bảng 2.1. Số liệu khởi tố của lực lượng CSĐT Công an TP Đà Nẵng

Năm	Tổng số vụ PPHS xảy ra (1)	Số vụ/bị can được phát hiện khởi tố			Tổng số vụ giết người xảy ra	Số vụ/bị can được phát hiện khởi tố theo Điều 93 (Điều 123)			
		Số vụ (2)	Tỷ lệ % 2:1	Số bị can (3)		Số vụ (4)	Tỷ lệ % 4:2	Số bị can (5)	Tỷ lệ % 5:3
2011	597	446	74,71	711	13	13	2,91	20	2,81
2012	574	515	89,72	838	8	8	1,55	11	1,31
2013	673	583	86,63	1.031	16	16	2,74	40	3,88
2014	762	621	81,50	1.154	12	12	1,93	31	2,69
2015	708	559	78,95	954	13	13	2,33	23	2,41
Tổng	3.314	2.724	82,20	4.688	62	62	2,28	125	2,67

Nguồn: Văn phòng Cơ quan CSĐT – Công an TP Đà Nẵng

Bảng 2.1 cho thấy trong 5 năm từ 2011 đến 2015, trên địa bàn TP Đà Nẵng xảy ra 3.314 vụ phạm pháp hình sự, Cơ quan CSĐT các cấp điều tra khám phá, khởi tố 2.724 vụ (82,2%) với 4.688 bị can, trong đó có 62 vụ giết người (2,28%) với 125 bị can (2,67%). Con số thống kê này cho thấy được tình hình tội giết người xảy ra hàng năm so với tổng số các vụ phạm pháp hình sự xảy ra và các vụ phạm pháp hình sự bị Cơ quan CSĐT các cấp khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Bảng 2.2. Số liệu khởi tố, truy tố, xét xử tội giết người (vụ/bị can, bị cáo)

Hoạt động tố tụng	Năm					
	2011	2012	2013	2014	2015	Tổng
Khởi tố mới	13/20	8/11	16/40	12/31	13/23	62/125
Truy tố	13/37	12/25	14/22	13/36	14/18	66/138
Xét xử	10/32	10/12	14/28	12/45	15/23	61/140

Nguồn: Công an, Viện KSND và Tòa án TP Đà Nẵng

Số liệu thống kê của Công an, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án TP Đà Nẵng cho thấy số liệu khởi tố mới của Cơ quan CSĐT Công an TP Đà Nẵng, số liệu truy tố của Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng và số liệu xét xử sơ thẩm của TAND TP Đà Nẵng đối với tội giết người xảy ra trên địa bàn thành phố từ năm 2011 đến 2015.

Các bảng 2.1 và 2.2 cho thấy tổng quan của tình hình tội giết người trong sự so sánh với tình hình tội phạm nói chung từ năm 2011 – 2015 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, để hạn chế những sai sót của công tác thống kê, chúng ta cần xác định cơ số tội giết người trên địa bàn TP Đà Nẵng trong thời gian qua như sau (được tính bằng số bị cáo phải xét xử trên 100.000 dân):

Bảng 2.3. Cơ số tội giết người trên địa bàn TP Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2015

Năm	Tội giết người		Dân số (100.000)	Cơ số tội phạm
	Vụ	Bị cáo		
2011	10	32	887.435	3,6
2012	10	12	942.132	1,3
2013	14	28	951.700	2,9
2014	12	45	957.667	4,7
2015	15	23	967.800	2,4

Nguồn: TAND và Cục Thống kê TP Đà Nẵng

Từ con số thống kê được tính toán theo từng năm một cách cơ học trên, có thể thấy trên địa bàn TP Đà Nẵng trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015. Trong năm 2011 TP Đà Nẵng có cơ số phạm tội cao nhất và thấp nhất là vào năm 2012. Cơ số phạm tội trung bình hàng năm là 2,98. Mặt khác, cơ cấu của tội giết người là một đặc điểm định tính của tội này, nó cho biết về các hệ thống khác nhau tạo nên kết cấu khái quát và chi tiết bên trong bản thân tội giết người với tính cách là một chỉnh thể và

tương quan hay tỉ lệ giữa các bộ phận trong mỗi hệ thống ấy chính là cơ sở để nhận biết về tính chất của tội giết người.

Bảng 2.4. Cơ cấu của tội giết người từ năm 2011 đến năm 2015
được tính toán trên cơ sở số dân cư các quận, huyện của TP Đà Nẵng

Địa danh	Số dân cư	Số bị cáo	Số dân cư/ bị cáo	STT theo mức độ
Quận Liên Chiểu	171.011	45	3.800	1
Quận Ngũ Hành Sơn	70.313	11	6.392	2
Quận Hải Châu	227.197	31	7.328	3
Quận Sơn Trà	141.898	17	8.346	4
Quận Cẩm Lệ	108.167	11	9.833	5
Huyện Hòa Vang	129.833	12	10.819	6
Quận Thanh Khê	224.641	13	17.280	7

Nguồn: Công an và Tòa án TP Đà Nẵng

Theo Bảng thống kê số 2.4, số dân cư/bị cáo càng nhỏ thì tình hình tội giết người ở quận, huyện đó càng cao. Theo đó, quận Liên Chiểu có mức độ phạm tội cao nhất, cứ 3.800 người thì có 1 người phạm tội giết người, trong khi đó quận Thanh Khê thì 17.280 người thì có 1 người phạm tội giết người. Vì vậy, quận Liên Chiểu có vị trí đầu tiên, còn quận Thanh Khê có vị trí cuối cùng.

Bảng 2.5. Cơ cấu về mức độ tội giết người từ năm 2011 đến năm 2015
được tính toán trên cơ sở diện tích của 7 địa danh của TP Đà Nẵng

Địa danh	Diện tích (km ²)	Tổng số bị cáo	Số bị cáo/km ²	STT về mức độ
Quận Hải Châu	21,35	31	1,45	1
Quận Thanh Khê	9,36	13	1,39	2
Quận Liên Chiểu	79,13	45	0,57	3
Quận Cẩm Lệ	33,76	11	0,33	4
Quận Sơn Trà	59,32	17	0,29	5
Quận Ngũ Hành Sơn	38,59	11	0,29	5
Huyện Hòa Vang	736,91	12	0,02	6

Nguồn: TAND và Cục Thống kê TP Đà Nẵng

Bảng 2.5 cho thấy theo mật độ tội phạm, trật tự các địa danh đã bị xáo trộn; so với Bảng 2.4, quận Hải Châu từ vị trí thứ ba lên vị trí thứ nhất (1,45 tội phạm/1km²), huyện Hòa Vang có mật độ tội phạm giết người thấp nhất đứng vị trí cuối cùng và quận Sơn Trà, quận Ngũ Hành Sơn có mật độ tội phạm giống nhau (cùng xếp vị trí thứ năm). Như vậy, số bị cáo/km² càng lớn thì mật độ tội phạm càng dày (lớn).

Để đánh giá toàn diện tội giết người tại TP Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2015 thì cần phải kết hợp cả hai yếu tố dân cư và diện tích (kết hợp số thứ tự về mức độ ở bảng 2.4 và bảng 2.5)

Bảng 2.6. Cơ cấu theo mức độ tình hình tội giết người từ năm 2011 đến năm 2015 ở 7 quận huyện của TP Đà Nẵng được xác định trên cơ sở kết hợp yếu tố dân cư và diện tích

Địa danh (1)	Thứ bậc đã xác định theo diện tích và số dân (2)	Hệ số tiêu cực (3)	Cường độ nguy hiểm (4)
Quận Hải Châu	3+1	4	1
Quận Liên Chiểu	1+3	4	1
Quận Ngũ Hành Sơn	2+5	7	2
Quận Cẩm Lệ	5+4	9	3
Quận Sơn Trà	4+5	9	3
Quận Thanh Khê	7+2	9	3
Huyện Hòa Vang	6+6	12	4

Cột số (4) ở bảng 2.6 biểu thị cấp độ nguy hiểm được hình thành trên cơ sở của hệ số tiêu cực (cột số 3); theo đó, hệ số tiêu cực càng nhỏ thì cấp độ nguy hiểm của tình hình tội giết người càng cao. Bảng 6 cho thấy: quận Hải Châu và quận Liên Chiểu có hệ số tiêu cực thấp nhất – tức là cường độ nguy hiểm cao nhất (cùng vị trí thứ nhất), thứ hai là quận Ngũ Hành Sơn, cùng vị trí thứ ba là các quận Cẩm Lệ, Sơn Trà, Thanh Khê và cuối cùng là huyện Hòa Vang trong 4 cấp độ của 7 quận, huyện thuộc TP Đà Nẵng.

**Bảng 2.7. Cơ cấu của tội giết người tại TP Đà Nẵng
từ năm 2011 đến năm 2015 xét theo địa bàn xảy ra tội phạm**

Năm	Quận, huyện (vụ/bị cáo)						
	Hải Châu	Thanh Khê	Sơn Trà	Ngũ Hành Sơn	Liên Chiểu	Cẩm Lệ	Hòa Vang
2011	2/12	0	2/7	2/8	2/2	2/3	0
2012	3/5	0	1/1	0	3/3	2/2	1/1
2013	1/3	1/8	3/5	1/1	3/3	3/6	2/2
2014	3/7	2/3	2/2	1/1	2/30	0	2/2
2015	3/5	2/2	1/1	1/1	3/7	0	5/7
Tổng	12/32	5/13	9/16	5/11	13/45	7/11	10/12

Nguồn: TAND TP Đà Nẵng

Bảng 2.7 cho thấy quận Hải Châu và Liên Chiểu là hai địa bàn có số vụ giết người xảy ra nhiều hơn so với các địa bàn khác. Đây là hai quận trọng điểm về an ninh trật tự, trong đó quận Hải Châu là quận trung tâm và quận Liên Chiểu là địa bàn có khu Công nghiệp, các trường Đại học, Cao đẳng nhiều nhất của TP Đà Nẵng. Đây là cơ sở để tiến hành các biện pháp ngăn chặn, loại trừ phù hợp với tình hình, đặc điểm của từng địa phương.

2.2. Thực tiễn thu thập chứng cứ trong giai đoạn điều tra các vụ án về tội giết người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Hiện nay, tình hình tội phạm có chiều hướng gia tăng với tính chất phức tạp và hậu quả gây ra ngày càng nghiêm trọng. Người thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ rất nhiều động cơ, mục đích, thủ đoạn và ngày càng tinh vi, luôn tìm cách che dấu hành vi phạm tội của mình để nhằm trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật. Trong những năm qua, số lượng các vụ phạm tội bị phát hiện cũng như chất lượng hoạt động điều tra của các CQĐT ngày càng được nâng lên. Ở giai đoạn điều tra, về cơ bản các CQĐT đã xác định được đúng phạm vi, đối tượng chứng minh và tiến hành chứng minh đầy đủ những tình tiết của vụ án, cũng như những tình tiết khác có liên quan đến vụ án. Từ đó, góp phần phục vụ cho việc giải quyết, xử lý đúng người, đúng tội, đúng

pháp luật; hạn chế việc xử lý oan sai, bỏ lọt tội phạm; đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ án nhằm bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp, sức khỏe, tính mạng của công dân. Các kết quả đạt được cho thấy, hoạt động thu thập chứng cứ trong giai đoạn điều tra đáng được ghi nhận. Để đạt được những thành quả đó là cả sự cố gắng, nỗ lực của CQĐT, các Điều tra viên, Kiểm sát viên, việc các cơ quan và người THPT thực hiện chính xác, triệt để những quy định pháp luật chính là đảm bảo nguyên tắc pháp chế XHCN được áp dụng. Nhìn chung, các CQĐT chủ động, tích cực trong việc thu thập chứng cứ, xác định sự thật khách quan của vụ án, đưa tỷ lệ phát hiện tội phạm đạt cao (án giết người đạt trên 90% số vụ phạm tội xảy ra). Do biết phát huy những thuận lợi vốn có và khắc phục những khó khăn, trở ngại nên hoạt động chứng minh, chủ yếu của CQĐT, ở giai đoạn điều tra đã thu được nhiều kết quả đáng khích lệ, là tiền đề cho việc giải quyết chính xác vụ án. Kết quả đạt được của hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra thể hiện qua đánh giá và xem xét việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau: Các cơ quan THPT đã điều tra, truy tố và xét xử một số lượng rất lớn các vụ án đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hoạt động điều tra được tiến hành nhanh chóng, chính xác, kịp thời tạo điều kiện thuận lợi cho Viện kiểm sát, Tòa án hoàn thành tốt những chỉ tiêu đặt ra. Hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra có nhiều chuyển biến và đạt hiệu quả cao thì hoạt động xét xử từ đó cũng có nhiều tiến bộ rõ rệt, chất lượng xét xử được nâng cao rõ rệt, tình trạng oan sai giảm.

Thực tế cho thấy, tỷ lệ án tồn đọng của hệ thống TAND TP Đà Nẵng có xu hướng giảm theo từng năm nhờ những đóng góp của các Điều tra viên, CQĐT. Các vụ án được giải quyết giữ tỷ lệ cao, chất lượng điều tra được nâng cao hơn. Tỷ lệ vụ án bị VKS, Tòa án trả lại để điều tra bổ sung, điều tra lại, đình chỉ chiếm tỷ lệ không đáng kể, tình trạng oan sai giảm.

**Bảng 2.8. Thống kê số án thụ lý, giải quyết về tội giết người của
Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 – 2015**

Năm	Số vụ án thụ lý		Phân tích số vụ án đã giải quyết					Số vụ án còn lại	
	Tổng số		Trả hồ sơ cho VKS			Xét xử			
	Vụ	Bị cáo	Tổng số		Số vụ trả hồ sơ cho VKS không chấp nhận	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
Vụ			Bị cáo						
2011	15	29	01	02	00	14	27	00	00
2012	16	36	01	03	00	15	33	00	00
2013	13	49	02	02	00	11	47	00	00
2014	18	54	02	17	00	16	37	00	00
2015	08	13	02	02	00	06	11	00	00

Qua đó thấy được, quá trình chứng minh ở giai đoạn điều tra ngày càng chính xác, khách quan. Chất lượng điều tra, nỗ lực của các cơ quan THTT trong giai đoạn điều tra có nhiều chuyển biến tích cực. Đặc biệt, nhiều vụ án lớn, phức tạp, quá trình điều tra làm rõ gặp nhiều khó khăn từ nhiều phía đã được đưa ra xét xử một cách công minh, rõ ràng trước pháp luật. Trong những vụ án này, để thu thập chứng cứ về hành vi phạm tội của bị can, xác định các chứng cứ và giá trị chứng minh của chứng cứ, CQĐT phải tốn nhiều thời gian, công sức và hết sức nguy hiểm. Ngoài ra, đa phần các Điều tra viên, Kiểm sát viên là những người được đào tạo khá toàn diện, hệ thống về cách thức tiến hành các hoạt động điều tra trong thực tế. Đồng thời, các chủ thể này được trang bị tương đối đầy đủ các phương tiện kỹ thuật cần thiết cho việc tiến hành các hoạt động điều tra. Bên cạnh đó, Điều tra viên của các CQĐT nắm vững các thủ tục, chiến thuật cần thiết để thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ một cách toàn diện, đầy đủ.

Bên cạnh những thành quả đã đạt được, thực tiễn của hoạt động điều tra cũng cho thấy bộc lộ không ít sai sót cần được khắc phục kịp thời như thiếu trách nhiệm trong việc thu thập chứng cứ, xử lý vật chứng không đúng quy định của pháp luật,

không áp dụng những biện pháp cần thiết để kiểm tra cũng như đánh giá chứng cứ toàn diện. Các vụ án gặp khó khăn khi giải quyết gây ra hậu quả oan sai chủ yếu là do những khiếm khuyết nêu trên. Trong một số trường hợp, chất lượng hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người còn chưa cao, dẫn đến trả hồ sơ để điều tra bổ sung, không đúng pháp luật, có thể dẫn đến oan sai, bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã phát hiện và khắc phục những thiếu sót trong hoạt động chứng minh ở những giai đoạn trước đó, đặc biệt là giai đoạn điều tra. Cụ thể: Việc xác định phạm vi đối tượng phải chứng minh trong vụ án còn chưa đúng, chưa đầy đủ; Kết luận về những vấn đề phải chứng minh chưa chính xác hoặc việc thu thập những căn cứ để sử dụng vào việc chứng minh còn hạn chế. Những tồn tại, thiếu sót này là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến việc phải trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung làm cho vụ án bị kéo dài, lãng phí sức người, sức của. Do VKS trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung, Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung. Có trường hợp phải trả hồ sơ để điều tra lại dẫn đến việc giải quyết, xử lý vụ án chưa đúng người, đúng tội, bỏ lọt tội phạm; Phải kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm; Thậm chí có những vụ án phải trải qua nhiều cấp xét xử nhưng vẫn chưa dứt điểm; Nhiều trường hợp phải đình chỉ điều tra do không phạm tội hoặc xét xử tuyên không phạm tội. Thực tế đó ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức và những người có liên quan đến vụ án cũng như làm giảm niềm tin của nhân dân vào pháp luật, ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan THTT. Mặc dù hàng năm tỷ lệ số vụ bị trả hồ sơ điều tra bổ sung đã giảm so với những năm trước nhưng vẫn còn chiếm tỷ lệ khá cao. Phần lớn các vụ án được Tòa án ra quyết định trả hồ sơ bổ sung là do CQĐT, VKS đã không thu thập đầy đủ chứng cứ.

Những tồn tại của các cơ quan tiến hành tố tụng tại Đà Nẵng trong quá trình giải quyết các vụ án giết người như trong năm 2015: TAND thành phố trả hồ sơ cho Viện KSND thành phố điều tra bổ sung 02 vụ 02 bị cáo, số lượng các vụ án giết người bị trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra vẫn còn cao (12 vụ 22 bị can); những hạn chế của công tác đấu tranh phòng, chống tội giết người còn được thể hiện qua chỉ số tái phạm của người thực hiện hành vi: trong tổng số 140 bị cáo đã được xét xử sơ thẩm về tội giết người, có 25 bị cáo là người đã từng bị kết án

trước đó; những tồn tại, hạn chế nêu trên là do nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng chủ yếu là do sự chưa thống nhất quan điểm giữa các chủ thể tiến hành tố tụng về các vấn đề có liên quan đến vụ án; do sự hạn chế về năng lực chuyên môn, cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm. Ngoài ra, còn một số nguyên nhân như cơ sở vật chất kỹ thuật còn lạc hậu; áp lực của thời hạn điều tra so với tính chất phức tạp của vụ án nên Cơ quan điều tra phải kết thúc điều tra chuyển Viện kiểm sát và đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung để có thêm thời gian điều tra... Có trường hợp CQĐT chỉ quan tâm thu thập chứng cứ buộc tội mà bỏ qua những chứng cứ khác và tâm lý “trọng chứng hơn trọng cung” cũng khiến cho tình trạng oan sai, làm oan người vô tội vẫn còn xảy ra. Hoạt động chứng minh trong một số trường hợp cụ thể còn chưa nhanh chóng, tỷ lệ án tồn đọng dù đã giảm theo từng năm nhưng vẫn còn chiếm tỷ lệ cao, vẫn còn tình trạng CQĐT không điều tra được tội phạm trong thời gian điều tra; Tình trạng chứng minh không đi đúng hướng, không có hiệu quả dẫn tới làm oan sai người vô tội vẫn còn tồn tại cần có những biện pháp khắc phục trong thời gian tới.

Qua tổng kết thực tiễn cho thấy có nhiều lý do dẫn đến tình trạng trên, có thể nêu lên như sau:

- Lý do của việc phải trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung do: Thiếu những chứng cứ quan trọng mà ở giai đoạn điều tra chưa làm rõ như thiếu chứng cứ xác định năng lực trách nhiệm hình sự, tuổi chịu trách nhiệm hình sự của người thực hiện hành vi phạm tội, chưa làm rõ nhân thân người phạm tội, chưa chứng minh vai trò, mục đích, động cơ phạm tội; Những chứng cứ để xác định hành vi phạm tội, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; Xác định trách nhiệm của những người có liên quan; Những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Có căn cứ để khởi tố bị can về một tội danh khác hoặc có người đồng phạm khác, trong quá trình điều tra có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, hành vi phạm tội, điều tra không chính xác cần được khởi tố bổ sung hoặc thay đổi quyết định khởi tố cho đúng với hành vi phạm tội.

- Lý do của việc đình chỉ điều tra vì bị can không phạm tội hoặc Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội do không đủ chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị can, bị cáo hoặc hành vi của bị can, bị cáo thực hiện không đủ yếu tố cấu thành tội

phạm. Do CQĐT chưa chứng minh đầy đủ các tình tiết là yếu tố cấu thành tội phạm nhưng vẫn kết luận điều tra đề nghị truy tố bị can dẫn đến VKS phải đình chỉ vụ án vì bị can không phạm tội hoặc VKS vẫn truy tố bị can và khi chuyển hồ sơ sang Tòa án, khi xét xử vụ án Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội.

2.3. Thực tiễn đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra tội giết người

Trong những năm qua, các cơ quan tiến hành tố tụng ở Đà Nẵng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, có sự phối hợp trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nên nhìn chung an ninh trật tự tại TP Đà Nẵng được đảm bảo. Các vụ án đều được đưa ra xét xử nghiêm minh, kịp thời, đáp ứng yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn thành phố. Tuy nhiên, hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng cũng còn những hạn chế nhất định. Thực tế có tình trạng cán bộ chiến sỹ công an trực ban nhận thông tin tố giác tội phạm nhưng không xử lý, hoặc xử lý không kịp thời. Khi lực lượng chức năng đến nơi thì hậu quả vụ án đã xảy ra. Lực lượng trinh sát hình sự còn mỏng, lại chạy theo sự việc, công tác trinh sát hình sự còn mang tính hành chính, chưa gắn với đối tượng, địa bàn. Trong hoạt động điều tra một số điều tra viên tinh thần trách nhiệm còn chưa cao, nhiều vụ việc xây dựng hồ sơ không đầy đủ, mâu thuẫn trong lời khai của các đối tượng nhưng không đối chất làm rõ. Nhiều vụ án có đồng phạm nhưng cơ quan điều tra không xác minh địa chỉ, thực hiện các biện pháp nghiệp vụ để xử lý mà thể hiện trong hồ sơ là *không rõ lai lịch* hoặc *không tìm được địa chỉ*. Những trường hợp trên Viện kiểm sát phải trả hồ sơ điều tra bổ sung làm cho thời gian giải quyết vụ án kéo dài và có thể dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội phạm. Trong hoạt động điều tra, kiểm sát viên và điều tra viên chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong việc điều tra vụ án, thường thì giai đoạn điều tra do điều tra viên thực hiện, đến khi chuyển hồ sơ qua Viện kiểm sát thì Viện kiểm sát mới phúc cung. Hiểu biết, nhận thức về việc bảo vệ quyền con người trong kiểm sát viên, điều tra viên nhìn chung còn hạn chế, do vậy cần được tập huấn, tổ chức hội thảo để nâng cao nhận thức để từ đó vận dụng những tư tưởng tiến bộ của Hiến pháp vào thực tiễn công tác nhằm đấu tranh phòng, chống tội phạm, đảm bảo công tác điều tra, chứng minh tội phạm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, chống oan sai, bỏ lọt tội phạm. Căn cứ vào báo cáo hàng năm của các cơ quan THTT, thực trạng này tuy đang có chiều hướng giảm dần theo từng

năm nhưng số lượng hồ sơ vụ án phải điều tra bổ sung vẫn ở mức cao. Nguyên nhân chính, trực tiếp nhất là ở giai đoạn điều tra, các chủ thể THPT chưa thu thập đầy đủ toàn bộ chứng cứ cho quá trình giải quyết vụ án; Việc đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, khách quan; Chưa xác định đúng hoặc chưa đầy đủ đối tượng chứng minh và giới hạn chứng minh.

2.4. Nguyên nhân của những vi phạm, sai lầm trong chứng minh các vụ án về tội giết người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Theo quan điểm triết học Mác – Lênin, nguyên nhân là phạm trù triết học chỉ sự tác động lẫn nhau giữa các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra một sự biến đổi nhất định. Điều kiện là tổng hợp những hiện tượng không phụ thuộc vào nguyên nhân nhưng lại có tác dụng biến khả năng chứa đựng trong nguyên nhân thành kết quả, thành hiện thực. Vì vậy, điều kiện là cái không thể thiếu được cho sự xuất hiện kết quả. Điều kiện là cái tự nó không thể sinh ra hậu quả, mà là yếu tố tạo điều kiện, đảm bảo cho hậu quả xảy ra. Mỗi liên hệ nguyên nhân - kết quả là mối quan hệ giữa các hiện tượng, quá trình xã hội và tự nhiên, trong đó nguyên nhân là cái làm phát sinh ra hậu quả, hậu quả là sản phẩm, kết quả phát sinh từ nguyên nhân. Vì vậy, nguyên nhân phải là cái có trước, hậu quả là cái có sau, là kết quả tất yếu của nguyên nhân.

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, mối quan hệ nhân quả là mối quan hệ có tính khách quan giữa các hiện tượng, trong từng hiện tượng (nguyên nhân), trong những điều kiện nhất định, sinh ra hiện tượng khác (hậu quả). Là mối liên hệ có tính phổ biến, tính không thể đảo ngược và có tính liên tục về không gian và thời gian. Mối quan hệ nhân quả không chỉ đặc trưng cho các hiện tượng mà còn thể hiện ở cơ chế gây ra sự thay đổi sự vật, hiện tượng trong xã hội. Mối quan hệ nhân quả có trong lĩnh vực đời sống xã hội được đặc trưng bởi sự chuyển tải thông tin, tức xảy ra trong ý thức con người.

- Nguyên nhân của những vi phạm, sai lầm trong hoạt động chứng minh của CQĐT, VKS ở giai đoạn điều tra về tội giết người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Đó là: Một số trường hợp CQĐT (chủ yếu là cấp huyện) khi tiến hành khám nghiệm hiện trường hoặc khám nghiệm tử thi không đảm bảo đủ thành phần tham gia vi phạm

quy định tại Điều 201 BLTTHS năm 2015; Trong nhiều vụ án, hoạt động khám nghiệm hiện trường, tử thi, việc thu thập chứng cứ, ghi nhận dấu vết, vật chứng được CQĐT tiến hành sơ sài, không đầy đủ nên đã ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình điều tra, giải quyết vụ án. Nhiều trường hợp, việc lập biên bản về khám nghiệm hiện trường hoặc khám nghiệm tử thi được tiến hành vi phạm quy định của pháp luật tố tụng hình sự như: Tẩy xóa, thêm bớt tùy tiện, không có người làm chứng tham gia...; Một số CQĐT ở địa phương đã vi phạm quy định về thu giữ, bảo quản và xử lý vật chứng như: Lập biên bản thu giữ vật chứng sơ sài, không mô tả chi tiết mẫu vật chứng thu giữ, không tiến hành niêm phong, không có người làm chứng nên khi gửi mẫu vật đi giám định đã không được cơ quan chức năng công nhận. Việc bảo quản vật chứng ở nhiều địa phương chưa đảm bảo, có trường hợp làm hư hỏng vật chứng, thậm chí để mất hoặc đánh tráo vật chứng. Có trường hợp CQĐT đã thu giữ cả những đồ vật không liên quan đến vụ án; Tình trạng Điều tra viên không tích cực tiến hành các hoạt động điều tra để thu thập chứng cứ và xử lý dứt điểm các vụ án, không tiến hành hoặc tiến hành chậm trễ hoạt động thu thập chứng cứ dẫn đến vi phạm thời gian điều tra tương đối phổ biến ở nhiều địa phương; Hiện tượng điều tra viên cố tình làm sai lệch hồ sơ vụ án vẫn xảy ra ở một số địa phương, hiện tượng hứa hẹn, đe dọa, mớm cung, dùng nhục hình... đối với bị can khi tiến hành lấy lời khai của họ ở một số địa phương cũng là một trong những vấn đề đang được dư luận quan tâm.

2.4.1. Nguyên nhân vi phạm, sai lầm trong thu thập chứng cứ

Qua thực tiễn thực hiện hoạt động thu thập chứng cứ của các cơ quan tiến hành tố tụng thì thấy việc thu thập chứng cứ còn nhiều bất cập dẫn tới sai lầm khi đánh giá và sử dụng chứng cứ. Điều 90 và điều 105 BLTTHS năm 2015 đã quy định cụ thể về vấn đề thu thập và bảo quản vật chứng. Theo đó, vật chứng cần được thu thập kịp thời, đầy đủ, được mô tả đúng thực trạng vào biên bản và đưa vào hồ sơ vụ án. Trong trường hợp vật chứng không thể đưa vào hồ sơ vụ án thì phải chụp ảnh và có thể ghi hình để đưa vào hồ sơ vụ án. Vật chứng phải được bảo quản nguyên vẹn, không để mất mát, lẫn lộn và hư hỏng. Tuy nhiên, trên thực tế, khi thực hiện hoạt động thu thập chứng cứ, không ít người tiến hành tố tụng do bất cẩn đã làm mất mát, hư hỏng thậm chí họ cố tình đánh tráo, cất giấu hoặc hủy hoại những vật chứng quan trọng nhằm làm

sai lệch hồ sơ vụ án. Điều này gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc xác định sự thật vụ án, không ít trường hợp đã kết án oan người vô tội, bỏ lọt tội phạm (Ví dụ như: vật chứng là con dao, khúc gỗ, cây kéo...) và sau đó là các kết luận giám định không thống nhất với nhau gây hoang mang trong dư luận. Nhiều câu hỏi mang tính ngờ vực được đặt ra như: liệu đây có thực sự là con dao, khúc gỗ, cây kéo... gây án không? Tại sao cơ quan giám định không dám kết luận miếng sắt gỉ đó là dao mà cơ quan điều tra lại khẳng định vật chưa thể định hình là hung khí gây ra cái chết cho nạn nhân không? Việc vật chứng được thu thập có đáng tin cậy hay không? Ngoài việc thu thập chứng cứ là vật chứng, việc thu thập lời khai của người bị tạm giữ, tạm giam, của bị can, bị cáo và những người khác biết về những tình tiết liên quan đến vụ án cũng đóng vai trò rất quan trọng. Tuy nhiên, để những lời khai báo của họ thực sự có giá trị chứng minh trong vụ án hình sự thì yếu tố hàng đầu đó là: những lời khai này phải được thu thập hợp pháp. Như chúng ta đã biết, lời khai nhận tội của bị can không phải lúc nào cũng trở thành chứng cứ. Nó chỉ là chứng cứ khi được thu thập hợp pháp, phản ánh đúng sự việc khách quan và phù hợp với các chứng cứ khác vụ án. Bởi lẽ, không ít trường hợp bị cáo khai nhận tội là nhằm che giấu một tội phạm khác, nhận thay tội cho người khác hay để được hưởng chính sách hình sự của Nhà nước. Thực tiễn xét xử cho thấy, có không ít điều tra viên đã coi lời khai nhận tội của bị cáo là chứng cứ tốt nhất để kết tội bị cáo và những người có liên quan khác. Đây được coi là chứng cứ hoàn thiện khi nó có đầy đủ các thuộc tính của chứng cứ và đặc biệt là phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Vì vậy, khi có những chứng cứ hoàn thiện thì coi như là chắc chắn có tội; có những chứng cứ không hoàn thiện (thiếu một trong các thuộc tính của chứng cứ) thì chỉ coi như là tình nghi đối với người bị điều tra, truy tố, xét xử. Ngoài ra, vấn đề thu thập chứng cứ bằng những biện pháp không hợp pháp hay cố tình làm sai lệch những chứng cứ đã thu thập được cũng là vấn đề nổi cộm trong hoạt động điều tra của cơ quan điều tra như: Điều tra viên đã sửa chữa ngày tháng của các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; không đưa vào hồ sơ vụ án các bút lục quan trọng chứng minh sự ngoại phạm của các bị can; Khi lấy lời khai của những bị can đang bị tạm giam, cơ quan tiến hành tố tụng đã bộc lộ những thiếu sót, gây nghi ngờ đối với tính xác thực của các chứng cứ được thu thập. Nguyên nhân dẫn đến cái chết có phải là do bị chém nhiều nhát vào

phần đầu, mặt đến mức không nhận diện được nhưng quần áo của nạn nhân lại không có vết máu. Cơ quan điều tra đã quên không lập biên bản nhận dạng tử thi mà chỉ căn cứ vào những phỏng đoán của những người xung quanh. Để tránh những sai sót như trên, cần rút ra bài học về thu thập chứng cứ như sau: Chỉ được sử dụng các biện pháp do BLTTHS cho phép để thu thập chứng cứ và phải tuân theo đúng trình tự, thủ tục do luật quy định; tuyệt đối không được mớm cung, bức cung, dùng nhục hình để buộc bị can nhận tội; Khi thu thập chứng cứ không được làm sai lệch tài liệu, bỏ ra ngoài hồ sơ những tài liệu quan trọng, thêm bớt hoặc sửa chữa lời khai làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án ... Việc thu thập chứng cứ cần phải nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ; Đối với các vật chứng, cần phải thu thập kịp thời, đầy đủ và mô tả đúng thực trạng vào biên bản. Đồng thời, vật chứng phải được bảo quản nguyên vẹn để chúng có giá trị chứng minh.

Ngoài các sai phạm cơ bản trên, hoạt động điều tra còn có những thiếu sót, vi phạm khác về thủ tục tố tụng khá phổ biến ở nhiều địa phương như: biên bản ghi lời khai sơ sài, không ghi tư cách người tham gia tố tụng, cùng một thời gian một Điều tra viên lấy lời khai của nhiều người ở các địa điểm khác nhau; không làm rõ mâu thuẫn trong các lời khai của các bị can và giữa lời khai của bị can với người làm chứng, người bị hại; biên bản hỏi cung bị tẩy, sửa thiếu chữ ký xác nhận của người khai. Có trường hợp, biên bản khám nghiệm, sơ đồ hiện trường không phù hợp với bản ảnh hiện trường. Không yêu cầu định giá tài sản thiệt hại, không trưng cầu giám định thương tích của người bị hại; thu giữ và chuyển giao vật chứng không lập biên bản (nhất là trong các vụ án đánh bạc), vi phạm trong việc kê biên, xử lý vật chứng là tài sản gây khó khăn cho công tác thi hành án; không thu thập chứng cứ về trách nhiệm dân sự, nhân thân bị can (như tiền án, tiền sự), tuổi của người bị hại; không cử người bào chữa cho bị can là người chưa thành niên, không có người giám hộ hoặc luật sư đối với bị hại chưa thành niên; vi phạm quy định bảo đảm quyền bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can....

Những vi phạm, thiếu sót trên dẫn đến khiếu nại về thu thập chứng cứ và số vụ phải trả hồ sơ điều tra bổ sung còn nhiều, làm kéo dài việc giải quyết vụ án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, ảnh hưởng đến tính đúng đắn, nghiêm

minh của hoạt động tư pháp hình sự.

2.4.2. Nguyên nhân vi phạm, sai lầm trong đánh giá chứng cứ

Theo quy định tại Điều 108 BLTTHS năm 2015 về kiểm tra, đánh giá chứng cứ thì: *“1. Mỗi chứng cứ phải được kiểm tra, đánh giá để xác định tính hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án. Việc xác định những chứng cứ thu thập được phải bảo đảm đủ để giải quyết vụ án hình sự.*

2. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải kiểm tra, đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện mọi chứng cứ đã thu thập được về vụ án”.

Trên thực tế, có những chứng cứ tuy có thể tin chắc một phần nào nhưng không đầy đủ sức mạnh để buộc tội. Mặt khác, khi thu thập chứng cứ từ phía những người làm chứng, nếu có từ hai người làm chứng không có quan hệ với nhau, họ lại có tất cả những phẩm chất và điều kiện của người làm chứng và họ khai thống nhất với nhau thì tình tiết được khai báo có thể tin cậy được. Tuy nhiên, những lời khai đó chỉ có thể đem lại khả năng đúng cao nhất nếu người làm chứng khi quan sát sự vật không bị những cảm giác của mình lừa dối hay bị nhầm lẫn do chủ quan. Trong trường hợp, những tình tiết khai báo được những người làm chứng hoàn toàn nhất trí và phù hợp với những lời khai, tài liệu khác thì nó rất đáng tin cậy. Trường hợp lời khai của những người làm chứng mâu thuẫn nhau thì người tiến hành tố tụng cần nghiên cứu xem có phải ý kiến ấy phát sinh do những nguyên nhân khác nhau khiến người làm chứng khai báo không chính xác, lời khai của họ không chân thực.

- Một bộ phận Điều tra viên, Kiểm sát viên chưa nghiêm túc chấp hành pháp luật; yếu kém về năng lực, trình độ, chưa thường xuyên, kịp thời cập nhật kiến thức pháp luật; thiếu tính chuyên nghiệp; có biểu hiện bệnh thành tích, nôn nóng trong quá trình điều tra và chứng minh tội phạm, quá tin vào lời nhận tội của bị can, bị cáo; việc thu thập, đánh giá chứng cứ chưa thật đầy đủ, khách quan, toàn diện; chưa bảo đảm đúng nguyên tắc “suy đoán vô tội”, từ đó có thái độ đối xử với người bị bắt, bị can, bị cáo như là người có tội; có trường hợp còn bảo thủ, định kiến trong giải thích và áp dụng pháp luật theo hướng bất lợi cho người bị tình nghi phạm tội.

Từ năm 2013 đến 2015, trên cả nước, CQĐT còn để quá hạn 9.754 tin,

chiếm 3,1% là đáng quan tâm; nhiều trường hợp xác minh không đầy đủ, giải quyết chưa đúng, tiềm ẩn việc bỏ lọt tội phạm. Trong 02 năm 2013 và 2014, VKS các cấp đã phát hiện 8.715 trường hợp vi phạm và ban hành 2.419 yêu cầu, kiến nghị CQĐT khắc phục vi phạm trong việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm. Nguyên nhân do năng lực cán bộ hạn chế, thiếu biên chế, nhất là ở các thành phố lớn, do quy định thời hạn giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm tại Điều 103 của BLTTHS năm 2003 chỉ có 2 tháng là quá ngắn đối với tin phức tạp. Còn để xảy ra nhiều trường hợp khởi tố, không khởi tố vụ án thiếu căn cứ, không đúng pháp luật. VKS các cấp đã phát hiện, hủy bỏ 240 quyết định khởi tố vụ án và 116 quyết định không khởi tố vụ án; yêu cầu khởi tố 1.213 vụ án. Nguyên nhân chính do một số nơi CQĐT chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ của hành vi vi phạm pháp luật, thu thập chứng cứ không đầy đủ, phối hợp chưa chặt chẽ với VKS để phân loại, xử lý ngay từ khi có kết quả xác minh thông tin tội phạm [1].

- Thiếu sót, vi phạm trong áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ hình sự, tạm giam:

Việc bắt, tạm giữ hình sự còn để xảy ra nhiều trường hợp phải chuyển xử lý hành chính. Nguyên nhân của các trường hợp bắt, tạm giữ, ra lệnh tạm giam thiếu căn cứ chủ yếu do một bộ phận Điều tra viên hạn chế về trình độ, năng lực trong đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm pháp, chưa phân biệt được vi phạm hành chính với hành vi phạm tội, do quy định pháp luật về căn cứ bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam chưa chặt chẽ. Nguyên nhân do người quản lý Nhà tạm giữ, Trại tạm giam chưa làm hết trách nhiệm; do việc quản lý các đối tượng có nhiều tiền án, tiền sự, côn đồ và các bị can phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, bị án tử hình gặp nhiều khó khăn. Có nơi, Nhà tạm giữ, Trại tạm giam bị xuống cấp nghiêm trọng, quá tải, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn trong quá trình giam giữ, nhất là tại các quận, huyện ở các thành phố lớn. [1]

Nhìn lại vụ án Đỗ Xuân Minh (1983, trú tại quận Hải Châu) giết người yêu cũ là chị Phạm Quỳnh Dung (1988, trú quận Ngũ Hành Sơn), diễn biến vụ án như sau: Minh và Dung có quan hệ yêu đương từ tháng 4/2008, đến đầu tháng 01/2013 thì có dấu hiệu rạn nứt. Vào tối ngày 15/01/2013, sau khi đi ăn tối và hát karaoke, Minh đưa Dung lên núi Sơn Trà để nói chuyện, trong khi nói chuyện thì giữa hai người xảy ra cãi nhau và xô xát, Minh xé áo quần Dung và dọa đẩy Dung xuống vực, sau đó Minh bỏ

địa phương đi vào tỉnh Quảng Ngãi, việc này được Dung kể cho gia đình nghe. Đến tối ngày 06/02/2013, Minh về lại nhà và chuẩn bị 01 đoạn dây dù màu xanh dài khoảng 02 mét, 01 đoạn tuýp sắt có chu vi đường kính 03 cm dài khoảng 30 cm. Khoảng 03 giờ sáng ngày 07/02/2013, Minh đi bộ từ nhà sang đường Lê Văn Hiến (quận Ngũ Hành Sơn) vào một quán cà phê ngồi uống cà phê chờ Dung đi làm ngang qua. Khoảng 07 giờ 15 phút, thấy Dung điều khiển xe máy đi ngang qua, Minh vẫy tay gọi lại, bảo Dung đưa xe máy hiệu Sirius biển kiểm soát 43X5-2404 của Dung để Minh chở đi đến chỗ khác nói chuyện rồi chờ Dung đến một bãi đất trống thuộc đoạn đường Nguyễn Khắc Viện (giáp ranh giữa phường Khuê Mỹ và phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn). Minh dừng xe vào lề đường, dùng tay phải kẹp cổ Dung kéo xuống hố cát gần đó, đè Dung xuống đất, bóp cổ và rút đoạn tuýp sắt mang theo sẵn trong người đánh lên đỉnh đầu Dung 02 cái rồi lấy dây thòng lọng đã chuẩn bị sẵn quàng vào cổ Dung siết cổ cho đến chết; sau đó lục túi quần, túi xách Dung lấy 02 điện thoại di động, 03 triệu đồng, 01 thẻ ATM có 3,6 triệu đồng, sau đó lột toàn bộ quần áo trên người chị Dung rồi lấy áo khoác của mình đang mặc đắp lên che mặt và lấy tấm nệm cũ gần đó phủ lên người Dung, rồi lấy chiếc xe máy của Dung chạy vào TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Ngày 09/4/2013 tử thi của Dung được phát hiện, đến ngày 31/5/2013 Minh bị bắt giữ.

Một vụ án khác: Phan Minh Thiên (1986, trú quận Sơn Trà) là người đã có vợ nhưng quan hệ nam nữ bất chính với chị Hồ Hoàng Gia Trang (1992, trú quận Hải Châu). Khoảng cuối tháng 10/2013, chị Trang nói với Thiên mình có thai và yêu cầu Thiên đưa 10.000.000 đồng để xử lý, nếu không sẽ nói với gia đình Thiên. Do không có tiền đưa Trang và sợ ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình nên Thiên nảy sinh ý định giết Trang. Khoảng 15 giờ ngày 03/11/2013, Thiên nhắn tin hẹn Trang đến nhà nghỉ “Xinh Xinh”, số 642 Ngô Quyền (quận Sơn Trà), sau đó Thiên chuẩn bị 01 cái búa giấu vào người rồi đi bộ đến nhà nghỉ “Xinh Xinh” thuê phòng 201 nằm đợi chị Trang đến. Khoảng 16 giờ cùng ngày, chị Trang đi xe máy Attila đến nhà nghỉ vào phòng nằm với Thiên. Tại đây Thiên dùng búa đập vào đầu chị Trang cho đến khi chị Trang chết. Sau đó Thiên lục lấy tài sản của chị Trang gồm 01 điện thoại di động Iphone 4, 04 USD, 332.000 đồng và chìa khóa xe máy rồi xuống gặp lễ tân lấy xe

máy của chị Trang để ra khỏi nhà nghỉ, đến ngày hôm sau Thiên bị bắt [28].

Qua hai vụ án nêu trên cho chúng ta thấy để đánh giá chứng cứ và động cơ phạm tội, mục đích của việc giết người là rất khó khăn. Trong các vụ án này, cơ quan điều tra thường đưa ra giả thiết đây là các vụ án hiếp dâm, giết người và cướp tài sản. Hung thủ tạo hiện trường giả để đánh lạc hướng cơ quan điều tra. Do đó, để xác định và đánh giá chứng cứ một cách đúng đắn, khách quan thì cơ quan điều tra phải tổng hợp từ nhiều mối quan hệ và nguyên nhân dẫn đến phạm tội giết người.

2.4.3. Nguyên nhân vi phạm, sai lầm trong kết luận điều tra

Kết thúc điều tra là một giai đoạn của hoạt động điều tra mà nội dung của nó là một chuỗi hoạt động tố tụng được các cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền tố tụng thực hiện nhằm chấm dứt các hoạt động được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự liên quan đến thu thập tài liệu, chứng cứ về vụ án hình sự đã được khởi tố, đưa ra kết luận cuối cùng về vụ việc đã được điều tra bằng bản kết luận điều tra và triển khai trên thực tế văn bản.

Giai đoạn kết thúc điều tra được bắt đầu từ khi Cơ quan điều tra ra bản kết luận điều tra và kết thúc khi Viện Kiểm sát trả lại hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra để giải quyết theo thẩm quyền (trong trường hợp đình chỉ điều tra); huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra và ra quyết định truy tố (trong trường hợp quyết định đình chỉ điều tra không có căn cứ và có căn cứ để truy tố bị can). Bản kết luận điều tra là một văn bản tố tụng hình sự có giá trị pháp lý tố tụng hình sự và là hành vi mở đầu giai đoạn kết thúc điều tra. Trong bản kết luận điều tra phải ghi rõ ngày, tháng, năm, họ, tên, chức vụ và chữ ký của người ra kết luận. Quy định như vậy để khẳng định giá trị và hiệu lực pháp lý của văn bản cũng như trách nhiệm của người ra văn bản đó. Bản kết luận điều tra còn phải thỏa mãn những yêu cầu khác như: trình bày diễn biến hành vi phạm tội, nêu rõ các chứng cứ chứng minh tội phạm, những ý kiến đề xuất giải quyết vụ án, có nêu rõ lý do và căn cứ đề nghị truy tố hoặc những căn cứ để quyết định đình chỉ điều tra. Để bảo đảm cho quá trình tố tụng hình sự được thực hiện một cách nhanh chóng nhất, đồng thời bảo đảm thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ và lợi ích của những người có liên quan, pháp luật đã quy định cụ thể những thủ tục mà các cơ quan tiến hành tố tụng phải thực hiện và thời hạn tiến hành những thủ tục đó. Bên cạnh việc ban hành

kết luận điều tra đúng quy định của bộ luật tố tụng hình sự thì kết luận điều tra trong một số vụ án giết người có những vi phạm, sai lầm mà nguyên nhân chủ yếu là:

Việc khởi tố bị can có những trường hợp chưa chính xác, thiếu căn cứ, tiềm ẩn nguy cơ làm oan, bỏ lọt tội phạm. Một số trường hợp khởi tố bị can có biểu hiện áp dụng pháp luật chưa đúng, chỉ nhìn vào hậu quả mà thiếu phân tích, đánh giá thấu đáo hoàn cảnh xảy ra, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mức độ lỗi của người bị hại và nhân thân của người phạm pháp. Có một số vụ án trong quá trình điều tra, khám nghiệm hiện trường có thu giữ dấu chân nhưng không tiến hành giám định dấu vết chân này để truy nguyên cá biệt, xác định chính xác người có mặt tại hiện trường (sau này giám định lại thì không phải là dấu chân của người bị kết tội), không có nhân chứng, không thu thập được dấu vết, vật chứng hoặc như sợi dây thừng siết cổ nạn nhân nhưng sợi dây mà CQĐT thu giữ được lại là sợi dây khác, trong việc lấy lời khai bị mớm cung, nhục hình, không tổ chức nhận dạng nạn nhân để xác định người bị giết có phải là một người cụ thể không. Bên cạnh đó, việc thu giữ đồ vật, tài sản không có lệnh của người có thẩm quyền, việc ghi biên bản mô tả đồ vật, tài sản thu giữ thiếu chính xác, dùng từ ngữ thể hiện tùy tiện làm cho cùng một vật chứng lại có cách hiểu khác nhau, việc ghi lời khai nhân chứng có những chi tiết quan trọng lại không đúng với lời khai, quá trình khám nghiệm hiện trường không chú trọng xem xét để thu giữ những đồ vật liên quan đến dấu vết trên cơ thể nạn nhân ví dụ như cái thớt, chiếc ghế inox, con dao nên sau này bị can khai ra đó là hung khí vụ án thì đã bị thất lạc không tìm lại được, không xác định thời gian chết của nạn nhân, kiểm tra việc sử dụng thời gian của nghi can vào ngày xảy ra vụ án còn đơn giản thiếu chặt chẽ. Quá trình khám nghiệm CQĐT không làm rõ những dấu vết, chứng cứ quan trọng từ hiện trường, tử thi, dấu vết con người của thủ phạm (như những vật chứng là hung khí vụ án, dấu chân, vân tay, lông, tóc sợi...). Đồng thời do quá tin vào lời khai nhận của bị can, chưa chú trọng phát hiện, thu thập, củng cố chứng cứ khác ngay từ đầu (lấy lời khai người làm chứng, nhận dạng, đối chất...) nên khi bị can phản cung hoặc bị hại thay đổi lời khai thì lúng túng, biên bản ghi lời khai bị tẩy xóa, sửa chữa, thiếu khách quan, không kịp thời giải quyết khiếu nại kêu oan, đơn tố cáo bị bức cung, nhục hình...) [1].

Kết luận Chương 2

Quá trình chứng minh trong giai đoạn điều tra là quá trình tư duy và thực tiễn của CQĐT, VKS và những người có quyền chứng minh dựa trên cơ sở các quy định của pháp luật tố tụng hình sự để thu thập, kiểm tra và đánh giá các thông tin, tư liệu cần thiết nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án. Do không trực tiếp chứng kiến đối tượng chứng minh nên CQĐT, VKS chỉ dựa vào các thông tin, tư liệu liên quan đến đối tượng chứng minh được thu thập theo trình tự, thủ tục luật định để kết luận về các tình tiết nhằm giải quyết vụ án đúng đắn, khách quan. Tuy nhiên, không phải vụ án giết người nào, CQĐT, VKS cũng thu thập, đánh giá và kết luận đối với chứng cứ một cách đúng đắn, khách quan. Những quy định của BLTTHS hiện nay về quá trình chứng minh nói chung và quá trình chứng minh trong giai đoạn điều tra nói riêng vẫn còn chưa hợp lý, thiếu thống nhất, chưa hoàn thiện, khó hiểu gây ra tình trạng có nhiều cách hiểu khác nhau về cùng một vấn đề. Chính sự chưa hoàn thiện này là một trong những nguyên nhân dẫn tới những tồn tại, bất cập trong quá trình chứng minh vụ án, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giải quyết các vụ án.

Quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm rất quan trọng, luôn luôn đòi hỏi phải phải đảm bảo cả hai mặt: trừng trị đúng tội và đúng mức nguy hiểm của người phạm tội, không làm oan người vô tội hoặc xâm phạm những lợi ích hợp pháp của công dân, cải tạo giáo dục người phạm tội thành người có ích cho xã hội. Việc phát hiện, xử lý các tội phạm phải được tiến hành theo những trình tự và thủ tục do BLTTHS năm 2015 quy định, trong đó các quy định về quá trình chứng minh trong giai đoạn điều tra chiếm một vị trí quan trọng và quyết định, đòi hỏi cần có sự tuân thủ nghiêm ngặt nhằm đạt được mục đích cuối cùng là giải quyết đúng đắn vụ án.

Để khắc phục những hạn chế trên, cần phải có những hướng đi, giải pháp đúng đắn để quá trình chứng minh trong hoạt động điều tra tội giết người đạt hiệu quả, cần tiến hành các giải pháp nhằm xây dựng đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên đủ về số lượng, giỏi về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt và tinh thần trách nhiệm cao. Từ đó đáp ứng yêu cầu của công tác phòng, chống tội phạm giết người là khắc phục, thủ tiêu các nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội nhằm ngăn chặn, hạn chế, làm giảm từng bước tiến tới loại trừ tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội.

CHƯƠNG 3

CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO

CHẤT LƯỢNG CHỨNG MINH TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA

TỘI GIẾT NGƯỜI

3.1. Các yêu cầu nâng cao chất lượng chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người

3.1.1. Yêu cầu phòng, chống tội phạm

Phòng, chống tội phạm là việc các cơ quan của Nhà nước, các tổ chức xã hội và nhân dân bằng nhiều biện pháp nhằm khắc phục những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội nhằm ngăn chặn, hạn chế và làm giảm từng bước, tiến tới loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội. Phòng ngừa tội phạm phương hướng chính là tư tưởng chỉ đạo trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, phòng ngừa không để tội phạm xảy ra; thể hiện bản chất nhân đạo của chế độ xã hội mới, không để người dân bị xử lý trước pháp luật, không bị tước quyền công dân. Làm tốt công tác phòng ngừa giúp giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của xã hội, tính mạng, sức khỏe, danh dự, phẩm giá của mọi người dân, tiết kiệm ngân sách Nhà nước, sức lao động của các nhân viên Nhà nước, của nhân dân trong các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và giáo dục cải tạo người phạm tội, cũng như trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến tội phạm.

Yêu cầu của công tác phòng, chống tội phạm là khắc phục, thủ tiêu các nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội nhằm ngăn chặn, hạn chế, làm giảm từng bước tiến tới loại trừ tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội, đó là:

- Nghiên cứu, xác định rõ các nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội, để phòng ngừa có hiệu quả tội phạm đòi hỏi các cơ quan chức năng phải xác định chính xác những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm xây dựng chiến lược phòng ngừa phù hợp.

- Nghiên cứu, soạn thảo đề ra các chủ trương, giải pháp, biện pháp thích hợp nhằm từng bước xoá bỏ nguyên nhân, điều kiện của tội phạm.

- Các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ cụ thể

của mình để xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động phòng ngừa tội phạm. Chính quyền các cấp tổ chức triển khai thực hiện chương trình phòng ngừa tội phạm nhằm khắc phục nguyên nhân, điều kiện của tội phạm ở mỗi cấp (Trung ương, tỉnh, thành phố, quận huyện, xã phường).

- Các cơ quan chức năng có nhiệm vụ tiến hành phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm theo quy định của pháp luật có trách nhiệm: chủ động phối kết hợp với các lực lượng có liên quan kịp thời phát hiện các thông tin về tội phạm và có liên quan đến tội phạm; tổ chức điều tra làm rõ các hành vi phạm tội, con người phạm tội, làm rõ những vấn đề cần chứng minh theo yêu cầu của pháp luật, phục vụ xử lý tội phạm; các cơ quan truy tố, xét xử cần căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội để xử lí đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, không để lọt người phạm tội, không làm oan người vô tội.

Các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương và nhân dân cần tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật, tội phạm và công tác thi hành án năm 2013; Chỉ thị số 48-CT/TW, ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị (khóa X) về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”*; Chỉ thị số 09-CT/TW, ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới”* và các chương trình quốc gia về phòng, chống tội phạm; phòng, chống ma túy; phòng, chống mua bán người nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác phòng, chống tội phạm.

- Cơ quan công an các cấp cần nắm tình hình, dư luận, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, cùng với các ngành, đoàn thể hữu quan phối hợp đề xuất giải quyết mâu thuẫn ngay từ cơ sở để phòng ngừa, ngăn chặn; Phối hợp chặt chẽ với các ngành, đoàn thể triển khai thực hiện các chương trình, nghị quyết, thông tư liên tịch nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm, giáo dục các đối tượng có nguy cơ cao về tội phạm, vi phạm pháp luật; đẩy mạnh các phong trào xây dựng khu dân cư văn hoá; xây dựng phong trào toàn dân tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh Tổ quốc; Triển khai liên tục việc trấn áp các băng, nhóm tội phạm nguy hiểm, hoạt động

đâm thuê, chém mướn, tội phạm sử dụng vũ khí gây án, giết người, cướp, cướp giật tài sản, cưỡng đoạt tài sản..., ngăn chặn không để hình thành tội phạm có tổ chức hoạt động theo kiểu “xã hội đen”; điều tra khám phá nhanh các vụ án đặc biệt nghiêm trọng, gây bức xúc trong dư luận xã hội; Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm; tiếp tục thiết lập, tổ chức hoạt động của các đường dây “nóng” (điện thoại, email), hòm thư tố giác tội phạm để tiếp nhận, xử lý kịp thời mọi thông tin, tài liệu liên quan đến tội phạm [28].

3.1.2. Yêu cầu bảo vệ quyền con người

Hoạt động tố tụng hình sự thực chất là hoạt động giải quyết xung đột pháp lý giữa lợi ích của nhà nước, của xã hội và lợi ích của cá nhân tham gia tố tụng với những tư cách khác nhau. Tùy thuộc vào việc giải quyết mối quan hệ giữa hai nhóm lợi ích này mà hoạt động tố tụng hình sự ở các quốc gia khác nhau, ở các thời đại lịch sử khác nhau được tổ chức thực hiện khác nhau. Hai nhiệm vụ quan trọng như nhau ở nước ta, Điều 2 của BLTTHS năm 2015 ghi nhận mục đích, nhiệm vụ của hoạt động tố tụng hình sự là: “...*bảo đảm phát hiện chính xác và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội; góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.*”. Như vậy, có thể thấy mục đích của hoạt động tố tụng hình sự ở ta đã coi nhiệm vụ bảo vệ lợi ích của nhà nước, của xã hội và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân quan trọng như nhau. Nói cách khác, đây là nhiệm vụ có tính hai mặt của hoạt động tố tụng hình sự: Vừa bảo vệ lợi ích nhà nước vừa bảo vệ quyền, tự do của cá nhân. Bảo vệ quyền con người được thể hiện đậm nét hơn trong mục đích, nhiệm vụ của hoạt động tố tụng hình sự. Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã đưa ra yêu cầu: “*Các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và vi phạm*”. So với Điều 1 của BLTTHS năm 2003 thì Nghị quyết 49 đã thay đổi thứ tự ưu tiên khi đặt yêu cầu bảo vệ công lý,

bảo vệ quyền con người trước yêu cầu đấu tranh chống tội phạm.

Trong giai đoạn điều tra thì Cơ quan điều tra và các cơ quan khác được giao một số hoạt động điều tra có trách nhiệm chứng minh tội phạm, người phạm tội và những vấn đề khác có liên quan đến vụ án làm cơ sở cho việc xét xử của Tòa án. Đồng thời, thông qua hoạt động điều tra xác định nguyên nhân điều kiện phạm tội và kiến nghị các biện pháp phòng ngừa với các cơ quan và tổ chức hữu quan. Giai đoạn điều tra thực chất là quá trình làm sáng tỏ tất cả sự thật khách quan vụ án của Cơ quan điều tra nhằm phục vụ cho việc xử lý tội phạm bảo vệ quyền con người vì vậy các quy định về điều tra của Luật TTHS đều hướng tới mục tiêu này. Các biện pháp điều tra trong TTHS khi được áp dụng sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân nên Luật TTHS quy định chặt chẽ căn cứ, thẩm quyền, thủ tục áp dụng các biện pháp này. Các biện pháp bao gồm: 1) Khởi tố bị can; 2) Hỏi cung bị can; 3) Lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đối chất và nhận dạng; 4) Khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản; 5) Khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể, thực nghiệm điều tra, giám định.

Quá trình điều tra làm rõ bản chất vụ án là giai đoạn quan trọng của quá trình giải quyết vụ án những không phải vô thời hạn. Vì vậy, để đảm bảo việc xử lý kịp thời tội phạm và đảm bảo quyền con người Luật TTHS quy định thời hạn của giai đoạn điều tra (Điều 172 BLTTHS 2015); Thời hạn phục hồi điều tra; điều tra bổ sung, điều tra lại (Điều 174 BLTTHS 2015). Hết thời hạn quy định trên nếu không chứng minh được tội phạm CQĐT phải ra quyết định đình chỉ vụ án. Cũng vì mục đích tôn trọng và đảm bảo quyền con người mà luật TTHS quy định trong một số trường hợp tuy chưa hết hạn hoặc đã hết hạn nhưng việc điều tra được tạm đình chỉ hoặc đình chỉ. Những trường hợp tạm đình chỉ điều tra: Khi bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo khác; Trong trường hợp chưa xác định được bị can hoặc không biết rõ bị can đang ở đâu thì chỉ tạm đình chỉ điều tra khi đã hết thời hạn điều tra. Khi tiến hành điều tra phải lập biên bản theo quy định tại Điều 133 BLTTHS 2015. Điều tra viên lập biên bản phải đọc lại biên bản cho người tham gia tố tụng nghe, giải thích cho họ biết quyền được bổ sung và nhận xét về biên bản. Nhận xét đó được ghi vào biên bản.

Người tham gia tố tụng và Điều tra viên cùng ký tên vào biên bản. Trong trường hợp người tham gia tố tụng từ chối ký vào biên bản, thì việc đó phải được ghi vào biên bản và nêu rõ lý do. Nếu người tham gia tố tụng vì nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc vì lý do khác mà không thể ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; Điều tra viên và người chứng kiến cùng xác nhận. Người không biết chữ thì điểm chỉ vào biên bản.

Kiểm sát điều tra và các quyết định của Viện kiểm sát khi kết thúc điều tra. Viện kiểm sát có chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra nói riêng và các hoạt động TTHS nói riêng đồng thời thực hành quyền công tố. Hoạt động kiểm sát tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra của Viện kiểm sát nhằm mục đích: a) Đảm bảo để mọi hành vi phạm tội đều phải được điều tra xử lý kịp thời, không để lọt người phạm tội, không làm oan người vô tội; b) Bảo đảm để không một người nào có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế các quyền công dân, bị xâm phạm tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm một cách trái pháp luật; c) Bảo đảm mọi hoạt động điều tra phải phải được tiến hành theo quy định của BLTTHS; d) Bảo đảm việc truy cứu TNHS đối với bị can có căn cứ và hợp pháp.

3.1.3. Yêu cầu bảo đảm trật tự an toàn xã hội

Việc chứng minh tội phạm giết người trong giai đoạn điều tra đặt ra yêu cầu phải bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Đó là, khi tiến hành điều tra, chứng minh, ngoài việc thực hiện các biện pháp chuyên môn nghiệp vụ, các cơ quan điều tra, điều tra viên phải tăng cường tuyên truyền các quy định của pháp luật về công tác bảo đảm an ninh trật tự; chủ động đấu tranh, phản bác các luận điệu xuyên tạc tuyên truyền quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, phản động, cảnh báo các phương thức, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch, tội phạm để cán bộ, nhân dân biết, tích cực tham gia hưởng ứng phòng ngừa, đấu tranh, nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, bảo đảm mọi hành vi vi phạm và tội phạm đều được xử lý kịp thời, nghiêm minh, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

3.1.4. Yêu cầu của cải cách tư pháp

Đối với yêu cầu nâng cao chất lượng chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người, trong đó để đáp ứng nội dung yêu cầu của cải cách tư pháp thì cần đổi mới thủ tục khởi tố vụ án, khởi tố bị can, nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội phải được

phát hiện, điều tra, xử lý kịp thời, nhưng phải bảo vệ được những quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến những hoạt động này của các Cơ quan điều tra, Kiểm sát. Đó là:

Thứ nhất, để tạo điều kiện cho Viện kiểm sát kiểm soát được tình hình tội phạm thông qua việc tiếp nhận, xử lý những thông tin về tội phạm cần giao thêm những thẩm quyền nhất định cho Viện kiểm sát như việc tiếp nhận những thông tin về tội phạm từ các nguồn khác nhau và từ những cơ quan khác nhau (nhất là cơ quan Công an) đều phải được thông báo hàng ngày cho Viện kiểm sát.

Thứ hai, việc khởi tố vụ án vẫn giao cho Cơ quan điều tra như hiện nay, nhưng Viện kiểm sát phải phê chuẩn quyết định khởi tố vụ án hoặc quyết định không khởi tố vụ án của Cơ quan điều tra để tránh được việc lạm dụng khởi tố của Cơ quan điều tra.

Thứ ba, Viện kiểm sát phải tự mình ra quyết định khởi tố bị can chứ không để Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can và Viện kiểm sát phê chuẩn quyết định này như hiện nay. Có thể nói, làm được điều này sẽ gắn kiểm sát với điều tra một cách chặt chẽ hơn, thực hiện được yêu cầu cải cách tư pháp.

Ngoài ra, cần mở rộng phạm vi các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra không chỉ bó hẹp ở cơ quan Hải quan, Kiểm lâm, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, một số cơ quan trong Công an nhân dân và Quân đội nhân dân, mà còn các cơ quan ở các ngành khác như công thương, nông nghiệp, giao thông, thông tin thể thao - du lịch, bưu chính viễn thông, kế hoạch đầu tư, giáo dục, y tế.v.v. trong các văn bản pháp luật tổ tụng hình sự, trao cho các cơ quan này có thẩm quyền khởi tố vụ án khi phát hiện tội phạm xảy ra trong lĩnh vực mà mình có trách nhiệm quản lý. Thực hiện được điều này sẽ là phản ứng rất nhanh của Nhà nước đối với tội phạm xảy ra trong các ngành, các lĩnh vực mà không phải chờ đợi Cơ quan điều tra có thẩm quyền như đã và đang diễn ra hiện nay.

3.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người

Để khắc phục những bất cập, vướng mắc và tồn tại trong thực tiễn trên, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong giai đoạn điều tra tội giết người thì cần tiến hành thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

3.2.1. Bảo đảm triển khai thi hành đúng các quy định của BLTTHS, BLHS năm 2015

BLTTHS, BLHS là những bộ luật trực tiếp liên quan đến tổ chức và hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, liên quan đến yêu cầu duy trì và bảo vệ trật tự xã hội; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Trong đó, nhiều quy định mới trên tinh thần Hiến pháp năm 2013 và các quy định được sửa đổi, bổ sung nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập của các bộ luật hiện hành. Đòi hỏi các cơ quan, tổ chức, cá nhân, các ngành, các cấp cần chủ động, tích cực, nêu cao tinh thần trách nhiệm, tranh thủ thời gian nghiên cứu, nắm vững những quy định mới của luật. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ, tích cực với các cơ quan, ban, ngành, đơn vị có liên quan, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt rộng rãi những nội dung mới của pháp luật hình sự đến đông đảo cán bộ, công chức các cơ quan bảo vệ pháp luật, chính quyền, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân.

BLTTHS năm 2015 tiếp tục thể chế hóa chủ trương cải cách tư pháp của Đảng theo tinh thần đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội; tôn trọng và bảo đảm thực thi các quyền con người, quyền công dân được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013; đã có sự điều chỉnh mạnh mẽ trong chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội theo hướng bảo đảm lợi ích tốt nhất cho các em trên tinh thần bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lứa tuổi thanh thiếu niên; tạo cơ chế bảo vệ và thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm có hiệu quả trong tình hình mới, góp phần khắc phục những bất cập, hạn chế trong thực tiễn đấu tranh, phòng chống tội phạm.

Cần tổ chức các hội nghị quán triệt, phổ biến, tuyên truyền BLHS, BLTTHS đặc biệt là các nội dung mới của BLHS, BLTTHS năm 2015. Tổ chức tập huấn cho báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, người làm công tác phổ biến giáo dục pháp luật và đội ngũ công chức, viên chức ngành Tư pháp về BLHS, BLTTHS, trong đó tập trung vào những nội dung mới, cơ bản của BLHS, BLTTHS năm 2015.

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kịp thời hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới cho phù hợp

với BLHS, BLTTHS năm 2015 (nếu có).

Tiến hành rà soát những bị can đang bị tạm giam theo quy định của BLHS, BLTTHS năm 2003 nhưng đến ngày 01/7/2016 không được tạm giam hoặc thời hạn tạm giam vượt quá thời hạn tạm giam theo quy định của BLTTHS năm 2015 để hủy bỏ biện pháp tạm giam đang bị áp dụng hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác theo quy định của BLHS, BLTTHS năm 2015.

Rà soát các vụ án hình sự và đối tượng thuộc trường hợp quy định của Nghị quyết số 109/2015/QH13 để thực hiện việc đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, chuyển hình phạt tử hình thành hình phạt tù chung thân, miễn chấp hành hình phạt, xóa án tích cho người bị kết án.

3.2.2. Hoàn thiện về tổ chức điều tra

Cơ quan Cảnh sát điều tra được tổ chức theo hướng tập trung, thống nhất, chuyên sâu, có sự gắn kết giữa hoạt động trinh sát với điều tra theo tổ tụng hình sự nên đã phát hiện điều tra, xử lý có hiệu quả với từng loại tội phạm theo thẩm quyền của các cơ quan Cảnh sát điều tra và hoạt động có hiệu quả trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, phục vụ công cuộc đổi mới của đất nước.

Bên cạnh những thuận lợi và kết quả đã đạt được trong hoạt động điều tra hình sự thì chất lượng, hiệu quả điều tra, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu ngày càng cao của công tác điều tra hình sự của lực lượng Cảnh sát điều tra trong tình hình mới, chất lượng, tiến độ điều tra nhiều VAHS chưa bảo đảm, ở một số lĩnh vực xảy ra tội phạm nhưng tỷ lệ phát hiện, khởi tố, điều tra chưa cao; còn để xảy ra bức cung, dùng nhục hình; quan hệ phối hợp giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra với các chủ thể khác trong hoạt động điều tra còn vướng mắc; có hiện tượng coi nhẹ công tác nghiệp vụ cơ bản, chạy theo vụ việc, dễ làm, khó bỏ, chưa quan tâm đúng mức điều tra những vụ án chưa rõ đối tượng; tỷ lệ điều tra khám phá các băng, nhóm tội phạm chưa cao; chưa tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài liệu thu thập bằng biện pháp nghiệp vụ; còn để lộ, lọt thông tin, tài liệu trong quá trình tiến hành tố tụng... Tình hình trên do nhiều nguyên nhân, trong đó về khách quan là do chịu tác động của

mặt trái kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, tội phạm gia tăng và diễn biến phức tạp, mức độ, tính chất ngày càng nghiêm trọng là thách thức lớn đối với hoạt động điều tra; về chủ quan, việc tổ chức và phân định quyền hạn điều tra của các đơn vị thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa thực sự phù hợp, cơ chế quản lý, bố trí sử dụng cán bộ và các điều kiện bảo đảm khác cho hoạt động điều tra tuy được chú ý tăng cường nhưng vẫn chưa thật đồng bộ...

- Để sắp xếp, củng cố lại các đơn vị thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra, khắc phục thiếu sót và đáp ứng yêu cầu thực tế trước mắt công tác điều tra hình sự của lực lượng này thì cần thực hiện đúng các quy định như: các cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân có trách nhiệm tổ chức trực ban hình sự và giao nhiệm vụ này cho hệ Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra thực hiện; việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của các đơn vị thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra phải được xây dựng kế hoạch, báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Quy định này nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm. Bên cạnh đó, thực tiễn hoạt động điều tra hình sự cho thấy, đã xuất hiện hiện tượng một số cá nhân, đơn vị lợi dụng việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm vào mục đích khác cần được chấm dứt. Để khắc phục hiện tượng chạy theo vụ việc, coi nhẹ công tác nghiệp vụ cơ bản của Cơ quan Cảnh sát điều tra, cần phải phân định lại quyền hạn điều tra của các đơn vị thuộc Cơ quan điều tra, trong đó, phân công hệ Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành điều tra các vụ án đã rõ đối tượng do tự phát hiện và do các cơ quan đơn vị khác chuyển đến (trừ các tội phạm về ma túy và trọng án), hệ Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cảnh sát điều tra tội phạm về quản lý kinh tế và chức vụ điều tra các vụ án chưa rõ đối tượng và các vụ án đã rõ đối tượng do tự phát hiện, hệ Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng giữ nguyên.

3.2.3. Nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ điều tra, điều tra viên, kiểm sát viên

Trong quá trình chứng minh, chất lượng và hiệu quả của hoạt động này phụ thuộc rất lớn vào các chủ thể THPT, đặc biệt là các Điều tra viên, Kiểm sát viên. Để

nâng cao hiệu quả của hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người, cần tiến hành các giải pháp nhằm xây dựng đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên đủ về số lượng, giỏi về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt và tinh thần trách nhiệm cao. Cụ thể là các giải pháp sau:

- Tăng cường, bổ sung nhân lực cho các CQĐT nhằm giảm thiểu tình trạng quá tải trong quá trình điều tra, ảnh hưởng đến chất lượng của hoạt động chứng minh, nhất là các CQĐT cấp quận, huyện, miền núi, hải đảo xa xôi. Cần củng cố và hoàn thiện mối quan hệ của các CQĐT với các cơ quan khác hỗ trợ điều tra.

- Đảm bảo đủ về số lượng các chủ thể có trách nhiệm chứng minh, hạn chế tình trạng làm việc quá tải và làm tổn động án, chất lượng giải quyết vụ án được nâng cao. Vì vậy, cần tăng cường hơn nữa công tác tuyển dụng, bổ nhiệm các cán bộ, công chức và phân công công việc hợp lý.

- Đảm bảo về mặt chất lượng đội ngũ cán bộ có trách nhiệm chứng minh trong các cơ quan THTT. Cần thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật ngay từ khâu tuyển dụng, bổ nhiệm thật tốt, đầy đủ, chính xác. Ngoài ra, cần phải có thêm yêu cầu về trình độ ngoại ngữ, tin học để có thể tiếp thu và ứng dụng các cơ sở vật chất, kỹ thuật tiên tiến của nước ngoài về điều tra hình sự. Chế độ tuyển chọn phải công khai, công bằng, minh bạch. Xây dựng đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên của nước ta có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp giỏi là yêu cầu cấp thiết. Nâng cao trình độ pháp lý nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của những người THTT.

Bên cạnh việc tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ theo quy định chung trong giai đoạn hiện nay thì đòi hỏi thường xuyên bồi dưỡng kiến thức pháp lý và kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động chứng minh cho những người THTT. Tăng cường công tác tổng kết, rút kinh nghiệm, phát hiện những tồn tại sai sót trong hoạt động tố tụng hình sự liên quan đến đối tượng chứng minh để khắc phục, uốn nắn kịp thời. Làm rõ trách nhiệm đối với những người dễ xảy ra sai sót trên cơ sở đó xem xét xử lý tùy theo mức độ vi phạm. Đối với những người cố ý vi phạm thì cần nghiêm khắc xử lý để từ đó nâng cao hơn nữa ý thức trách nhiệm và phẩm chất đạo đức của đội ngũ những người THTT.

Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng theo chuyên đề về trình độ chuyên môn và kỹ thuật kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ Điều tra viên để đáp ứng yêu cầu về chất lượng của Điều tra viên. Việc đào tạo Điều tra viên tương lai ở các trường, Học viện của Bộ Công an cần có sự đổi mới về nội dung chương trình theo hướng cơ bản, toàn diện, gắn với thực tiễn để khi ra trường các học viên có khả năng nhanh chóng tiếp cận thực tế, vận dụng thành thạo lý thuyết được trang bị vào công việc của mình.

Đầu tư phương tiện kỹ thuật hình sự phục vụ hoạt động điều tra và hoạt động giám định đáp ứng ngày càng tốt yêu cầu chứng minh tội phạm trong tình hình hiện nay. Thực tiễn cho thấy, trong tình hình tội phạm diễn biến phức tạp như hiện nay thì đòi hỏi quá trình điều tra, chứng minh, Điều tra viên, kỹ thuật viên, giám định viên phải áp dụng nhiều phương tiện kỹ thuật để phát hiện, ghi nhận, thu giữ và nghiên cứu những dấu vết, tài liệu, chứng cứ. Phạm vi những phương tiện kỹ thuật được áp dụng trong quá trình này càng mở rộng bao nhiêu thì khả năng thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ càng cao bấy nhiêu. Bởi vậy cần phải đổi mới công tác sắp xếp, bố trí hợp lý cán bộ điều tra nói chung và cán bộ kỹ thuật hình sự nói riêng và tăng cường đầu tư phương diện kỹ thuật hình sự. Đối với CQĐT cấp huyện phải bảo đảm biên chế từ 2-3 cán bộ kỹ thuật hình sự về chuyên trách. Về phương tiện phát hiện, ghi nhận, thu giữ, bảo quản các loại dấu vết phổ biến như dấu vân tay, lông, tóc, sợi, dấu vết cơ học, các phương tiện để làm hiện dấu vết và phương tiện để sao lưu dấu vết như: kính phóng đại, đèn chiếu sáng, các loại bột hóa chất. Đối với CQĐT cấp tỉnh, cần kiện toàn đội ngũ cán bộ phòng kỹ thuật hình sự, nâng cao hơn nữa trình độ giám định viên và tăng cường phương tiện kỹ thuật cần thiết để mở rộng khả năng giám định dấu vết đa dạng hơn. Đối với Trung ương thành lập trung tâm khoa học hình sự của đất nước đủ khả năng giám định mọi loại dấu vết hình sự có nhu cầu giám định. Ban hành quy chuẩn chuyên môn về giám định kỹ thuật hình sự để phục vụ cho công tác giám định pháp y và cho hoạt động điều tra nói chung.

Ngoài các yêu cầu chung về nâng cao trình độ chính trị, pháp luật, nghiệp vụ, đạo đức công vụ, bản lĩnh nghề nghiệp, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân... đối với điều tra viên, kiểm sát viên thì cơ quan điều tra, Viện KSND các cấp trên địa bàn TP Đà Nẵng cần có những giải pháp về tổ chức, góp phần loại trừ tội giết người ra khỏi đời sống xã hội, đó là:

* *Đối với cơ quan điều tra:* Công an cấp phường, xã, đồn, trạm, thị trấn là cấp cơ sở trong hệ thống tổ chức của lực lượng CAND, các đơn vị này là đầu mối tiếp nhận hầu hết các tin báo tố giác tội phạm và lập hồ sơ ban đầu các vụ án hình sự. Tuy nhiên, các đơn vị này không phải là các cơ quan khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra; vì vậy cần kiến nghị Bộ Công an có quy định cụ thể về tư cách tham gia tố tụng, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tiến hành một số hoạt động điều tra ban đầu của các đơn vị này. Khi nhận được tin báo tố giác tội phạm liên quan đến tính mạng người khác, lực lượng Công an cấp cơ sở một mặt phải tiến hành xác minh, mặt khác phải cấp báo lên đơn vị cấp trên, không để tội phạm xảy ra đồng thời phải có cơ chế bảo vệ người tố giác.

- Đề nghị Bộ Công an ban hành các quy định nhằm kiện toàn tổ chức và hoạt động của cơ quan CSĐT các cấp, nhất là cấp huyện theo hướng tạo sự gắn kết giữa hoạt động điều tra trinh sát và điều tra tố tụng; khắc phục tình trạng án thụ lý quá tải ở Đội CSĐT tội phạm về TTXH nên chỉ bám theo xử lý vụ việc mà giảm đi năng lực phòng ngừa.

- Đối với vấn đề bổ nhiệm điều tra viên không nhất thiết phải bổ nhiệm theo nhiệm kỳ như hiện nay, điều này cũng phù hợp với tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW là “*Tăng thời hạn bổ nhiệm chức danh tư pháp hoặc thực hiện chế độ bổ nhiệm không thời hạn*”. Cần khắc phục tình trạng điều tra viên, thủ trưởng CQĐT cấp huyện nhận định tính chất vụ việc còn đơn giản nên khi hậu quả chết người chưa xảy ra thì không báo cáo Cơ quan điều tra và các đơn vị nghiệp vụ cấp trên phối hợp điều tra, dẫn đến tình trạng bỏ sót dấu vết hiện trường, bỏ sót nhân chứng...

- Bảo đảm trong hoạt động điều tra hình sự, sự chỉ đạo, chỉ huy tập trung thống nhất, hiệu lực, hiệu quả; phân công, phân cấp rành mạch và được kiểm soát chặt chẽ; điều tra nhanh chóng, kịp thời, chính xác, khách quan, toàn diện, đầy đủ, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

* *Đối với Viện Kiểm sát nhân dân:* Ngoài thực hiện chức năng giám sát các hoạt động tư pháp và thực hành quyền công tố thì Viện KSND phải hướng trọng tâm công tác chuyên môn nghiệp vụ vào việc thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa tội phạm nói chung, tội giết người nói riêng; cụ thể đó là phải phát hiện ra những nguyên nhân, điều

kiện của tội phạm, trong đó đặc biệt quan tâm phát hiện những sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý nhà nước để kiến nghị các cơ quan hữu quan có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục nhằm ngăn ngừa tội giết người xảy ra. Nâng cao vai trò tiếp nhận và xử lý tin báo tố giác tội phạm của Viện KSND, việc phân công kiểm sát viên thụ lý các vụ án giết người cần phải bắt đầu từ khâu khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi đến khi kết thúc vụ án.

3.2.4. Phổ biến giáo dục pháp luật

Văn hóa, giáo dục là nền tảng để hình thành nhân cách của mỗi con người, hầu như mọi hành vi của con người (kể cả hành vi giết người) đều chịu ảnh hưởng rất lớn từ văn hóa, giáo dục. Chỉ có thông qua văn hóa, giáo dục mới có thể cho con người có được nhận thức đầy đủ về các giá trị văn hóa Chân - Thiện - Mỹ để có được định hướng đúng đắn cho mọi hành động của họ. Qua nghiên cứu tình hình tội giết người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong 5 năm qua cho thấy sự xuống cấp về đạo đức; những tình cảm tốt đẹp dạt nên truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam như tình làng nghĩa xóm, gia đình, người thân bị băng hoại, biến thái; lối sống văn hóa không phù hợp của phương Tây đã ăn nhập vào một bộ phận người dân... Do đó các giải pháp về văn hóa, giáo dục và tuyên truyền, phổ biến pháp luật cần tập trung vào những nội dung sau:

Về văn hóa: tiếp tục đẩy mạnh phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn hóa khu dân cư”*, *“Gia đình văn hóa”*, ngày hội Đại Đoàn kết với nội dung họp mặt thiết thực và Bữa cơm Đoàn kết tình làng nghĩa xóm; Cuộc vận động *“Sống tốt đời đẹp Đạo”* ở khu vực có đông đồng bào Công giáo; Thực hiện công tác Đèn ơn Đáp nghĩa với Chương trình *“Ngày Giỗ chung các Anh hùng Liệt sỹ - Đêm Thắp nến tri ân”*; Ngày Hội và Tháng cao điểm hành động *“Vì Người nghèo”*; Các cuộc vận động vì sinh mạng con người như Bảo đảm An toàn giao thông; phòng chống các loại dịch bệnh nguy hiểm; hay vì nguồn lực ngày mai, chăm lo khuyến học - khuyến tài... là những hoạt động văn hóa tại cộng đồng dân cư, hướng con người về truyền thống đạo lý, đoàn kết yêu thương đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau, tình cảm giữa con người với con người trong gia đình, hàng xóm được tôn trọng hơn, giúp cho tình cảm con người được gắn kết nhau hơn, con người sống có trách nhiệm với bản thân và xã hội hơn, từ

đó văn hóa ứng xử trong mỗi con người được nâng lên cao hơn, sẽ đơn giản hóa hơn các mâu thuẫn, xung đột trong cuộc sống. Ngoài ra, các cơ quan chức năng cần tăng cường quản lý các luồng văn hóa du nhập từ nước ngoài, văn hóa phẩm đồi trụy, đồ chơi mang tính bạo lực... và sự đầu tư của các cấp chính quyền trong việc xây dựng các thiết chế văn hóa ở khu dân cư, quan tâm đến chế độ chính sách cho cán bộ văn hóa cấp cơ sở cũng là một trong những biện pháp thiết thực nâng cao văn hóa trong quần chúng nhân dân.

Về giáo dục: Trên nền tảng tư tưởng nhân văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh *“Hiền dữ phải đâu là tính sẵn; Phần nhiều do giáo dục mà nên”*, chúng ta thấy rõ vai trò của giáo dục, việc giáo dục nhân cách một cá nhân đúng hướng, phù hợp với chuẩn mực chung của XH chính là biện pháp phòng ngừa tội phạm hiệu quả nhất, vừa mang tính nhân văn, ý nghĩa xã hội sâu sắc, vừa có tính triệt để trong phòng ngừa tội phạm. Con người khi sinh ra được nuôi dạy trong môi trường gia đình nề nếp, thuận hòa, cha mẹ gương mẫu thì khả năng đưa trẻ lớn lên có được nền tảng giáo dục cơ bản là rất lớn; ngoài ra, môi trường giáo dục từ nhà trường cũng là một trong những môi trường tốt đẹp để hoàn thiện nhân cách con người. Vì vậy, vấn đề giáo dục phải xuất phát cả từ hai phía gia đình và nhà trường.

Về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Giáo dục pháp luật được thực hiện dưới những hình thức khác nhau. Trước hết đó là học tập, tập huấn, giáo dục và tuyên truyền phổ biến pháp luật, các kiến thức đã thu nhận được giúp cho cá nhân hình thành các định hướng giá trị, các mục đích xã hội. Một vấn đề cần phải nhìn nhận đó là hiệu quả tuyên truyền pháp luật của cả nước nói chung, TP Đà Nẵng nói riêng chưa đạt được mục đích đề ra. Trong thời gian tới, các ban ngành, đoàn thể, cần tiếp tục thực hiện “Ngày pháp luật” của Ủy ban nhân dân TP Đà Nẵng tới tận các trường học, khu công nghiệp, địa bàn dân cư, các công trường... công tác phổ biến cần tránh hình thức, giáo điều, tập trung vào những nội dung cụ thể, bằng những hình thức trực quan sinh động, phù hợp với từng đối tượng, từng lứa tuổi. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật, thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo đảm cho người dân tham gia tích cực vào việc điều tra chứng minh tội phạm. Thực tiễn cho thấy một bộ phận dân cư do thiếu hiểu biết về pháp luật nên còn có thái độ tiêu cực trong đấu tranh

phòng chống tội phạm do sợ mất thời gian, sợ dính líu đến pháp luật, sợ bị trả thù nên không tích cực tham gia vào việc tố giác tội phạm. Thậm chí có người còn vì những lý do cá nhân khác nhau mà cung cấp thông tin thiếu chính xác, sai sự thật gây khó khăn cho cơ quan THTT trong quá trình điều tra, chứng minh vụ án. Bởi vậy, công tác tuyên truyền giáo dục cho người dân là cần thiết và cần được thực hiện bằng nhiều hình thức như: thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, đoàn thể quần chúng, việc tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật dưới dạng sân khấu hóa và đặc biệt quan tâm hơn nữa đến công tác giáo dục pháp luật trong các trường học.

Tăng cường xét xử lưu động các vụ án hình sự nói chung, các vụ án giết người, cố ý gây thương tích dẫn đến chết người nói riêng; bổ sung, phát triển và có chính sách phù hợp với đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên nhân dân ở cơ sở. Tiếp tục duy trì đối thoại giữa lãnh đạo thành phố Đà Nẵng với thanh thiếu niên bỏ học, vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật; người nghiện ma túy, người có tiền án, tiền sự, tù tha về; người có hành vi bạo lực gia đình... nhằm giảm thiểu tình trạng tái vi phạm pháp luật của những người này. Ngoài ra, công tác tuyên truyền cũng cần hướng đến những người có nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm giết người, cướp tài sản như: tài xế taxi, xe ôm, nhân viên vũ trường, những người giàu có sống độc thân, những người sống trong các ngôi nhà biệt lập...

3.2.5. Các giải pháp khác

3.2.5.1. Về chế độ tiền lương, cơ sở vật chất, phương tiện

Cần có điều chỉnh chế độ tiền lương và phụ cấp hợp lý hơn cho đội ngũ cán bộ, Điều tra viên, Kiểm sát viên. Mặc dù, Nhà nước ta đã có những chính sách đãi ngộ cho những người THTT nhưng thực sự chưa thỏa đáng so với tính chất và mức độ của công việc mà họ được giao. Đồng thời có chế độ khen thưởng kịp thời, động viên khích lệ với những cán bộ có tinh thần trách nhiệm cao và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Cần phải có những biện pháp để đổi mới hoạt động của CQĐT, VKS cho hợp lý, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết kế hạ tầng phục vụ cho các cơ quan THTT. Trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện nay thì yếu tố này càng có ý nghĩa quan trọng. Vì vậy, để nâng cao hoạt động chứng minh thì cần phải có sự đầu tư cho cho các cơ quan THTT, kịp thời trang bị cho các cơ quan này

các phương tiện kỹ thuật hiện đại phục vụ công tác tiếp nhận, lưu trữ và xử lý thông tin về tội phạm.

Thực hiện tốt công tác tiếp nhận và xử lý tin báo tố giác tội phạm, đảm bảo điều kiện thuận tiện cho nhân dân tham gia vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm như đa dạng hóa các hình thức tiếp nhận tin báo (nhận tin trực tiếp, qua hòm thư tố giác...) đồng thời đảm bảo an toàn cho những người tố giác tội phạm, người làm chứng. Thực hiện việc trả thù lao cho những người làm chứng theo đúng quy định của pháp luật. Đối với những người có thành tích trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm cần được khen thưởng kịp thời cả về tinh thần và vật chất.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm có tính chất quốc tế, nhất là trong lĩnh vực trao đổi thông tin về tội phạm với INTERPOL và ASEANPOL...

3.2.5.2. Kiểm soát người nghiện ma túy, nghiện rượu

Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố hiện nay thành phố có khoảng là 1.800 người và hết 90% người bán ma túy là người nghiện. Đây là đối tượng, chủ thể của tội phạm tiềm tàng. Do vậy, cần có biện pháp quản lý có hiệu quả số đối tượng này, sớm hoàn thành các thủ tục để đưa họ đi bắt buộc cai nghiện theo Luật xử lý vi phạm hành chính, Pháp lệnh về trình tự thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân. Hiện nay thủ tục theo quy định mới rất chặt chẽ nên TAND các cấp, các cơ quan có liên quan vừa thực hiện đúng quy định pháp luật, trình tự thủ tục nhưng cũng phải đẩy nhanh thực hiện các thủ tục để áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc, không để số người này ở lâu trong cộng đồng rất nguy hiểm, làm gia tăng tội phạm.

Trong số các vụ phạm tội giết người, đe dọa giết người từ năm 2011- 2015 thì số vụ liên quan đến bia rượu, chiếm tỷ lệ 69,3%. Một điều đáng lưu ý là tội giết người trong 5 năm qua tại Đà Nẵng số người phạm tội lần đầu chiếm tỷ lệ rất cao. Rượu bia đã bị lạm dụng như một công cụ xúc tác để thực hiện tội phạm. Nhiều vụ án giết người xảy ra khi bị cáo đang uống bia rượu, đã uống bia rượu, nhưng cũng có đối tượng đã phát sinh mâu thuẫn, sau đó tụ tập bạn bè uống rượu bia làm chất kích thích, lên tinh thần để thực hiện hành vi phạm tội. Những đối tượng này bình thường ít biểu hiện thái

độ, tính cách ra bên ngoài, thậm chí rất hiền lành nhưng khi có men bia rượu thì trở nên rất nguy hiểm, thực hiện tội phạm rất côn đồ, hung hãn. Trong đó có nhiều bị cáo là người chưa thành niên phạm tội, tuy nhiên khi phạm tội đều đã sử dụng rượu bia như vụ Hồ Văn Vinh (13/01/1994) cùng 07 đồng phạm phạm tội giết người vào đêm 29/4/2011 tại đường Nguyễn Tất Thành, thuộc quận Thanh Khê, trong đó có tới 06 bị cáo chưa thành niên và đều đã uống rượu, bia say trước khi gây án. Trước tình hình đó đòi hỏi Nhà nước phải có biện pháp hành chính để hạn chế sử dụng bia rượu. Đẩy mạnh tuyên truyền trong nhân dân, cán bộ công chức, viên chức về tác hại của bia rượu đối với sức khỏe con người, sự lãng phí, tốn kém đối với cá nhân, gia đình và quốc gia về khoản chi phí cho bia rượu; ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Đồng thời tuyên truyền về tính nguy hiểm khi sử dụng bia rượu khi tham gia giao thông và tăng chế tài xử phạt người vi phạm.

3.2.5.3. Tăng cường vai trò của nhân dân và các tổ chức trên địa bàn TP Đà Nẵng trong thời gian tới

Trong công tác phòng chống tội phạm nhân dân có vai trò rất lớn, bởi chính nhân dân là người trực tiếp sống trong môi trường xã hội, do vậy cần tiếp tục thực hiện phong trào toàn dân tham gia phòng chống tội phạm với nhiều hình thức thiết thực, phong phú. Trước hết là nâng cao ý thức cảnh giác của nhân dân trong phòng chống tội phạm, trong cuộc sống sinh hoạt luôn có ý thức chấp hành pháp luật, quy tắc cuộc sống, không để xảy ra hiềm khích, mâu thuẫn. Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc tố giác thông tin tội phạm, khi có thông tin về tội phạm thì có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan công an hoặc khi xảy ra mâu thuẫn thì báo với chính quyền địa phương, cơ sở để hòa giải, giải quyết, không tự giải quyết mâu thuẫn. Xây dựng gia đình văn hóa, khu phố văn hóa với các tiêu chuẩn sạch đẹp, không có người nghiện ma túy, không có tội phạm. Tăng cường tính tự quản, thành lập các câu lạc bộ thanh niên, giới thiệu những người có khả năng, sức khỏe tham gia lực lượng dân phòng để cùng với cơ quan chức năng tuần tra, kiểm soát địa bàn ngăn chặn tội phạm.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Công Đoàn tăng cường giáo dục đoàn viên tổ chức mình thực hiện nếp sống văn minh, ứng xử có văn hóa, đồng thời giáo dục pháp luật để họ nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật,

hình thành lối sống theo pháp luật, dựa vào pháp luật. Có các hình thức thích hợp để thu hút họ tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, giao lưu nói chuyện chuyên đề để nâng cao đời sống văn hóa tinh thần trong thanh niên, sinh viên, công nhân, đồng thời giáo dục họ có quan niệm đúng đắn, trách nhiệm trong tình yêu, quan hệ nam nữ, có lòng tự trọng, yêu cuộc sống, tôn trọng cuộc sống người khác. Xử lý nghiêm minh các vụ án giết người xuất phát từ quan hệ tình ái, đồng thời đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, lên án trong nhân dân không để xảy ra các vụ án này. Chính quyền địa phương, cùng lực lượng chức năng cần chú trọng tăng cường lực lượng theo dõi, tuần tra tại các điểm giáp ranh giữa các địa phương, kiểm tra, tuần tra tại các khu vực, khu đất vắng người để triệt phá các ổ nhóm tệ nạn xã hội phát hiện ngăn chặn kịp thời hành vi phạm tội. Theo dõi triệt phá các ổ nhóm cờ bạc, số đề, cá độ bóng đá, xử lý nghiêm minh, khi xét xử cần áp dụng hình phạt tiền, cả hình phạt chính, cũng như hình phạt bổ sung.

3.2.5.4. Các giải pháp ngăn chặn tái phạm, tái phạm nguy hiểm

Nhóm giải pháp này tập trung vào những đối tượng đã bị kết án, đã cải tạo chấp hành án tại các trại giam hoặc được chính quyền địa phương theo dõi, giáo dục. Đây là nhóm đối tượng có nguy cơ phạm tội, tái phạm, tái phạm nguy hiểm cao nếu quá trình cải tạo, cảm hóa đối tượng không được thực hiện tốt, xã hội thiếu thiện chí, không đón nhận họ tái hòa nhập cộng đồng thì sẽ rất nguy hiểm, bởi lúc đó họ bị quan, nghĩ rằng không thể lao động, học tập, hòa nhập cộng đồng, bị xã hội xa lánh, nên dễ trở lại con đường phạm tội, thậm chí lần phạm tội sau sẽ nguy hiểm, dã man hơn. Trại tạm giam, trại cải tạo, cơ quan chức năng tham gia quá trình thi hành án cần thực hiện đúng quy định pháp luật về thi hành án hình sự, thực hiện đầy đủ chế độ chính sách, quy định trong quá trình cải tạo, giáo dục, học tập văn hóa, pháp luật, học nghề để cảm hóa người lầm lỗi, để họ thấy được sự trừng phạt của pháp luật đối với hành vi phạm tội để từ đó họ nhận ra lỗi lầm của mình, thấy được chính sách nhân đạo, sự quan tâm của cơ quan nhà nước, trách nhiệm của cán bộ quản giáo để họ quyết tâm phấn đấu cải tạo tốt, về làm lại cuộc đời.

Tuyên dương khen thưởng, tuyên truyền về gương người tốt, việc tốt về những người lầm lỗi đã biết vượt qua hoàn cảnh, vươn lên xây dựng cuộc sống cho mình, giúp đỡ người xung quanh. Đồng thời cũng khen thưởng, biểu dương những cơ quan, tổ

chức, cá nhân có vai trò xuất sắc, tích cực trong công tác hỗ trợ những người chấp hành xong hình phạt tái hòa nhập cộng đồng./.

3.2.5.5. Giải pháp quản lý

Cơ quan công an, cảnh sát khu vực phải bám sát địa bàn, quản lý được dân cư, nắm được tình hình biến động dân cư, vận động, yêu cầu nhân dân tự giác khai báo tạm trú, tạm vắng; nắm được tình hình dân cư và việc khai báo tạm trú được thực hiện nghiêm túc, trở thành nền nếp thì sẽ nắm được đối tượng cần cảnh giác, theo dõi hoặc thông tin về đối tượng truy nã. Qua việc quản lý, tiến hành thanh lọc đối tượng, chú ý các đối tượng mắc tệ nạn cờ bạc, ma túy, những thanh thiếu niên hư hỏng không có việc làm hoặc không chịu lao động, tụ tập ăn chơi sa đọa, thường xuyên nhậu nhẹt để có biện pháp răn đe phù hợp. Đối với những đối tượng có biểu hiện côn đồ, hung hãn, dính vào các tệ nạn như cờ bạc, ma túy, quan hệ xã hội phức tạp thì đưa vào danh sách theo dõi đặc biệt, đồng thời cần có biện pháp nghiệp vụ quản lý, răn đe phù hợp để ngăn chặn tội phạm.

Thực hiện các chính sách trợ giúp đối với đối tượng mãn hạn tù, đã đưa vào trường giáo dưỡng, cai nghiện bắt buộc, giáo dục tại xã phường. Các cấp, ngành, đoàn thể ở địa phương theo dõi, động viên họ chấp hành pháp luật, tham gia lao động, làm kinh tế, đồng thời có sự trợ giúp cho họ về vốn, truyền đạt kiến thức trong sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt để cải thiện cuộc sống để họ hòa nhập cộng đồng. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, thực hiện quy tắc chuyên môn, nghề nghiệp tại các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở thẩm mỹ có chức năng phẫu thuật, tập huấn nghiệp vụ, nâng cao ý thức trách nhiệm, y đức trong việc khám chữa bệnh, điều trị, đặc biệt đối với các bệnh viện tuyến dưới để không xảy ra các trường hợp chết người do thiếu trách nhiệm, tắc trách trong khám chữa bệnh, sinh nở đối với sản phụ. Đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ như nhà trọ, nhà nghỉ, khách sạn, cơ quan chức năng yêu cầu họ thực hiện đúng quy định về đăng ký, quản lý khách lưu trú. Đối với vũ trường, quán nhậu, quán karaoke yêu cầu đăng ký thời gian hoạt động, đồng thời cam kết có biện pháp bảo đảm an ninh trật tự trong thời gian hoạt động, phối hợp, thông tin kịp thời với chính quyền, công an xã, phường để xử lý, ngăn chặn tội phạm xảy ra.

Kết luận Chương 3

Quá trình chứng minh trong VAHS nói chung và hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người nói riêng là một hoạt động tư duy và thực tiễn vô cùng phức tạp nhưng lại có vai trò rất lớn. Việc nhận thức đúng và đầy đủ lý luận về chứng cứ và chứng minh trong TTHS nói chung cũng như về hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người nói riêng, đảm bảo cho hoạt động của các cơ quan THTT, người THTT trong giai đoạn này được khách quan, chính xác. Để đáp ứng kịp thời yêu cầu và đòi hỏi của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm, BLTTHS năm 2015 ra đời cùng với hệ thống pháp luật TTHS hiện hành đã tạo ra nhiều chuyển biến mạnh mẽ, tích cực trong ý thức cũng như trong thực tiễn hoạt động chứng minh vụ án nói chung, trong đó có hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người của các chủ thể chứng minh.

Tuy nhiên, cho đến nay, hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người còn nhiều bất cập và chưa đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN cũng như đấu tranh phòng, chống tội phạm, là một trong những nguyên nhân dẫn đến thực trạng thực hiện pháp luật hiện nay. Đặc biệt, những quy định của pháp luật TTHS về quá trình chứng minh vụ án nói chung và hoạt động chứng minh ở giai đoạn điều tra tội giết người nói riêng đã bộc lộ những thiếu sót, không hợp lý và phù hợp với thực tiễn. Do đó, việc hiểu không thống nhất, hiểu sai, lợi dụng những khe hở của pháp luật hiện hành sẽ dẫn đến tình trạng oan sai, làm oan người vô tội nhưng cũng bỏ lọt tội phạm, gây mất niềm tin của cá nhân, tổ chức vào Nhà nước và pháp luật, mất tính răn đe cao.

Để các cơ quan THTT và người THTT tiến hành các hoạt động chứng minh một cách hiệu quả nhất, nhằm giải quyết đúng đắn VAHS thì cần phải làm tốt công tác phòng, chống tội phạm, đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ quyền con người, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đáp ứng nội dung yêu cầu của cải cách tư pháp, bảo đảm triển khai thi hành đúng các quy định của BLTTHS, BLHS năm 2015, hoàn thiện về tổ chức điều tra hình sự, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ điều tra, điều tra viên, kiểm sát viên.

KẾT LUẬN

Có thể nói quyền được sống là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm được quy định trong Hiến pháp, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong quản lý xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa đều hướng đến con người, lấy con người làm trung tâm, vì mục tiêu con người. Trong mỗi thời kỳ, giai đoạn cách mạng Đảng, Nhà nước ta luôn đề ra chủ trương, chính sách pháp luật để xây dựng xã hội mới tốt đẹp vì nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, cuộc sống người dân ngày càng tốt hơn. Các chính sách đó đồng thời cũng là những biện pháp trong dài hạn hướng đến loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội. Tuy nhiên hiện nay, trên cả nước cũng như tại TP Đà Nẵng, tội phạm giết người có xu hướng tăng và tính chất nguy hiểm ngày càng phức tạp, gây thiệt hại lớn cho các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ, để lại nhiều hệ lụy. Trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, hoạt động điều tra đóng vai trò quan trọng trong việc làm sáng tỏ sự thật của vụ án đã xảy ra, tạo cơ sở vững chắc cho việc truy tố và xét xử vụ án được công minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

Bằng kiến thức đã học, hiểu biết kinh nghiệm thực tiễn trong công tác điều tra của bản thân, tác giả đã phân tích làm rõ hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người trên địa bàn TP Đà Nẵng trong 5 năm qua. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự phù hợp với cải cách tư pháp hình sự và đáp ứng với nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, nhu cầu của quá trình hội nhập quốc tế của nước ta trên nhiều lĩnh vực trong thời gian tới là hoàn toàn cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Những nội dung trên đã được tác giả phân tích, trình bày một cách khoa học với mong muốn sẽ góp phần giúp cho hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra tội giết người trên địa bàn TP Đà Nẵng trong thời gian tới đạt được hiệu quả cao nhất, nhằm giải quyết đúng đắn vụ án. Hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra góp phần đảm bảo công bằng, dân chủ trong xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân vào hoạt động của CQĐT, nâng cao uy tín của các cơ quan THTT hình sự, góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Luận văn được nghiên cứu với sự giúp đỡ của các đồng chí lãnh đạo Cơ quan

cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án TP Đà Nẵng, các đồng nghiệp, bạn bè, gia đình và đặc biệt là sự tận tình của thầy hướng dẫn khoa học. Tuy nhiên, là người làm công tác thực tiễn, hoạt động nghiên cứu khoa học của tác giả còn mới mẻ, ít kinh nghiệm nên luận văn không tránh khỏi những khiếm khuyết, hạn chế nhất định, tác giả rất mong nhận được sự góp ý chân thành của các nhà khoa học để luận văn được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo số 870/BC-UBTVQH13 ngày 20/5/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về kết quả giám sát về “*Tình hình oan, sai trong việc áp dụng pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và việc bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự theo quy định của pháp luật*”
2. TS. Mai Thế Bày (2008), *Hoàn thiện chế định về chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự*, Tạp chí kiểm sát, (18&20), tr.54-59.
3. PGS.TS Nguyễn Hòa Bình - Ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng VKSNDTC (2012), *Một số định hướng nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí kiểm sát, (21).
4. TSKH.PGS. Lê Văn Cẩm (2009), *Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền* (Sách chuyên khảo), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Nguyễn Ngọc Chí (2007), *Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật tố tụng hình sự*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế - Luật 23, tr.64-80.
6. Nguyễn Văn Cừ (2005), *Chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
7. Nguyễn Văn Du (2006), *Quá trình chứng minh trong vụ án hình sự ở nước ta*, Luận văn Tiến sĩ Luật học, Hà Nội.
8. Nguyễn Đăng Dung (2009), *Cải cách tư pháp trong tổ chức quyền lực nhà nước*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học, (25), tr.135- 144.
9. *Đảng cộng sản Việt Nam (2002), Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
10. Bùi Kiên Điện (1997), *Giới hạn chứng minh trong tố tụng hình sự*, Tạp chí luật học, (6), tr.15-19.
11. Bùi Kiên Điện (1997), *Đánh giá chứng cứ trong tố tụng hình sự*, Tạp chí luật học, (4), tr.17-19.

12. ThS. Bùi Kiên Điện, *Khắc phục tình trạng oan, sai trong tố tụng hình sự*, Tạp chí luật học.
13. ThS. Bùi Kiên Điện, *Về trách nhiệm chứng minh tội phạm*, Tạp chí luật học.
14. Bùi Kiên Điện (Chủ nhiệm đề tài) (2003), *Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường Đại học luật Hà Nội, Hà Nội.
15. TS. Bùi Kiên Điện (2011), *Trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong việc tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân*, Tạp chí luật học, (8).
16. Đỗ Văn Dương (2000), *Thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội.
17. Đỗ Văn Dương (2006), *Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
18. Vũ Ngọc Hà (2013), *Chứng minh trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Hà Nội.
19. Nguyễn Đức Hạnh (2010), *Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Hà Nội.
20. Phạm Thị Tuyết Hạnh (2012), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về hành vi giết người trong Luật Hình sự Việt Nam – Bản tóm tắt*, Luận Văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội.
21. Hoàng Duy Hiệp (2010), *Nguồn chứng cứ trong tố tụng hình sự*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, tr.27-33.
22. PGS.TS. Nguyễn Văn Huyền (2012), *Hoàn thiện các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 về hoạt động chứng minh*, Tạp chí nghề luật, (4), tr.15-18.
23. ThS. Nguyễn Việt Hoạt (2007), *Bản chất của hoạt động điều tra trong tố tụng hình sự*, Tạp chí khoa học pháp lý, 3, (40).
24. Nguyễn Quang Minh (2014), *Tội giết người tại thành phố Đà Nẵng, tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Hà Nội.

25. PGS-TS Trần Đình Nhã, Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội (2012), *Về chế định điều tra tội phạm trong Bộ luật tố tụng hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, 21, (tháng 11/2012).
26. GS.TS. Đỗ Ngọc Quang (2012), *Hoàn thiện thủ tục khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong tố tụng hình sự theo yêu cầu của cải cách tư pháp*, Tạp chí Kiểm sát, (08).
27. Cao Bá Quảng (2012), *Lỗi của nạn nhân trong các vụ án giết người*, Chuyên đề Thông tin tội phạm học – Tạp chí Cảnh sát nhân dân – Học viện Cảnh sát nhân dân, số 7(39) 2012.
28. Trần Đình Quảng (2014), *Các tội xâm phạm tính mạng của con người trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Hà Nội.
29. Quốc hội (2013), *Bộ luật hình sự năm 1999*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
30. Quốc hội, *Bộ luật hình sự năm 2015*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
31. Quốc hội (2009), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
32. Quốc hội, *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
33. Quốc hội, *Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
34. Đinh Phan Quỳnh - GV. Bộ môn Pháp luật - Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, *Chứng cứ điện tử và các nguyên tắc thu thập trong Tố tụng hình sự*, Tạp chí Khoa học giáo dục cảnh sát nhân dân, (15).
35. Hoàng Thị Minh Sơn (2008), *Hoàn thiện các quy định về thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong tố tụng hình sự*, Tạp chí luật học, (7), tr.65-72.
36. Hoàng Thị Minh Sơn (Chủ nhiệm đề tài) (2009), *Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự nhằm nâng cao hiệu quả xét xử theo tinh thần cải cách tư pháp*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Hà Nội.
37. PGS.TS. Hoàng Thị Minh Sơn (2011), *Bảo đảm quyền của người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Tạp chí luật học, (3).

38. PGS.TS. Nguyễn Huy Thuật (2010), *Chiến thuật điều tra hình sự* (Sách chuyên khảo - Lưu hành nội bộ), NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
39. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Quyết định số 138/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm.*
40. Thủ tướng Chính phủ (2004), *Chỉ thị số 37/2004/CT-TTg ngày 8/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm.*
41. Phạm Văn Tĩnh (2013), *Tài liệu giảng dạy môn Tội phạm học*, Học Viện Khoa học xã hội, No 10.
42. Trần Quang Tiệp (2003), *Một số vấn đề về chứng minh trong tố tụng hình sự*, *Tạp chí Kiểm sát*, (9).
43. TS. Trần Quang Tiệp (2004), *Quá trình chứng minh theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (7), tr.46-52.
44. TS. Trần Quang Tiệp (2004), *Đối tượng và nghĩa vụ chứng minh trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*, *Tạp chí kiểm sát*, (6), tr.15-
45. TS. Trần Quang Tiệp (2007), *Một số vấn đề lý luận về phương pháp thu thập, kiểm tra , đánh giá chứng cứ trong vụ án hình sự*, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (5).
46. Trần Quang Tiệp (2011), *Chế định chứng trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
47. Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, *Báo cáo Tổng kết công tác các năm 2009, 2010, 2011, 2012, 2013.*
48. Tòa án nhân dân tối cao (2011 đến 2015), *Báo cáo tổng kết công tác của Tòa án nhân dân năm 2011 đến 2015*, Hà Nội.
49. Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
50. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Giáo trình luật tố tụng hình sự*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
51. Khổng Minh Tuấn – TS. Ngô Sỹ Hiền – Th.S Phạm Xuân Thủy (2006), *Kỹ thuật điều tra hình sự*, NXB Công an nhân dân.

52. GS.TSKH. Đào Trí Úc (2011), *Tổ tụng hình sự Việt Nam cần được đổi mới và hoàn thiện theo hướng nào?*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, (15), tháng 8/2011.
53. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, *Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND phê duyệt Đề án Đổi mới công tác tuyên truyền vận động toàn dân tham gia phòng chống tội phạm và xây dựng mô hình phòng chống tội phạm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2015*;
54. Ủy ban thường vụ Quốc hội, *Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 23/2004/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 8 năm 2004 về Tổ chức điều tra hình sự (đã sửa đổi, bổ sung 2007, 2009) (2009)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
55. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2011 đến 2015), *Báo cáo tổng kết công tác của ngành kiểm sát nhân dân năm 2011 đến 2015*, Hà Nội.
56. Trịnh Tiến Việt (2006), *Về chứng cứ và nguồn chứng cứ quy định tại 64 Bộ luật Tố tụng hình sự 2003*, Tạp chí Nghề luật, (số 2).
57. Võ Khánh Vinh (2002), *Dự báo tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận – thực tiễn*, NXB Công an nhân dân.
58. Võ Khánh Vinh (2007), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
59. Võ Khánh Vinh (2010), *Quyền con người tiếp cận đa ngành và liên ngành khoa học xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
60. Võ Khánh Vinh (2012), *Xã hội học pháp luật, những vấn đề cơ bản*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
61. Như Ý (1996), *Từ điển Tiếng Việt thông dụng*, NXB Giáo dục, Hà Nội

Trang web

62. <http://www.danang.gov.vn/>
63. <http://dangcongsan.vn/cpv/>
64. <http://www.na.gov.vn/>
65. <http://chinhphu.vn/>
66. <http://www.ctk.danang.gov.vn/>